



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

KỶ NGUYÊN
MỚI

ĐỒNG HÀNH PHÁT TRIỂN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

TRỤ SỞ CHÍNH

141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Hà Nội
(84 024) 3942 2354/65-69

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP.HCM
(84 028) 3821 1615

www.vinare.com.vn



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2025**



04 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị

CHƯƠNG
01

Tổng quan về VINARE

- 08 Tổng quan Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Định hướng phát triển
- 14 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
- 16 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Giới thiệu Ban Điều hành
- 24 Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
- 26 Công ty con và công ty liên kết
- 28 Đối tác và khách hàng
- 32 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2021-2025

CHƯƠNG
02

Môi trường kinh doanh & chiến lược kinh doanh

- 36 Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2025
- 43 Dự báo kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2026
- 46 Toàn cảnh rủi ro của VINARE
- 48 Chiến lược kinh doanh & chiến lược phát triển bền vững

CHƯƠNG
03

Kết quả hoạt động kinh doanh 2025 & kế hoạch kinh doanh 2026

- 54 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE
- 62 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE

CHƯƠNG
04

Quản trị công ty

- 68 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 73 Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- 74 Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị
- 84 Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro
- 88 Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- 94 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
- 95 Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích
- 101 Hệ thống kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG
05

Phát triển bền vững

- 114 Tổng quan về báo cáo
- 116 Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE
- 125 Quản trị phát triển bền vững
- 130 Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

CHƯƠNG
06

Báo cáo tài chính

- 148 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
- 148 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 150 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 152 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 156 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 159 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 160 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 208 Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên VINARE,

Bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đất nước đang đứng trước một giai đoạn phát triển mang tính bước ngoặt, với khát vọng bứt phá mạnh mẽ để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển dài hạn. Đó là giai đoạn mà tăng trưởng không chỉ được đo bằng quy mô, mà còn bằng chất lượng, chiều sâu và năng lực thích ứng trước những biến động ngày càng rõ nét của môi trường trong nước và quốc tế, thị trường bảo hiểm Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng vận động đó.

Yêu cầu chuyển mình trở nên rõ nét hơn khi thị trường vừa phải nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong nước, vừa cần tăng cường kết nối với thị trường quốc tế. Điều này đặt lên vai các doanh nghiệp giữ vai trò nền tảng như Tổng công

ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) những trách nhiệm lớn hơn – không chỉ ở hiệu quả kinh doanh, mà còn ở khả năng tạo điểm tựa cho sự vận hành an toàn, thông suốt của toàn ngành.

Năm 2025 khép lại với nhiều dấu ấn tăng trưởng tích cực của kinh tế Việt Nam, bất chấp bối cảnh kinh tế – chính trị quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Với sự ủng hộ liên tục và quan trọng của các cổ đông lớn, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ, người lao động, VINARE đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025 được giao.



Doanh thu đạt

3.870 TỶ ĐỒNG

↑ 16% so với năm 2024 và đạt 107,7% kế hoạch năm



Thu nhập hoạt động đầu tư và hoạt động khác

460 TỶ ĐỒNG

↑ 9,8%, đóng góp tích cực vào hiệu quả chung



Lợi nhuận trước thuế đạt

507,8 TỶ ĐỒNG

↑ 9,1%

Những kết quả này cho thấy năng lực tài chính vững mạnh, khả năng thích ứng linh hoạt và hiệu quả quản trị của VINARE trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Bên cạnh kết quả kinh doanh, những nỗ lực của VINARE trong hoạt động quản trị công ty và định hướng phát triển bền vững tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước ghi nhận, qua đó phản ánh quy mô hoạt động, hiệu quả vận hành, mức độ minh bạch và uy tín thương hiệu của VINARE trên thị trường.

Từ những kết quả đạt được trong năm qua, VINARE tiếp tục kiên định với sứ mệnh của một doanh nghiệp tái bảo hiểm quốc gia.

Việc giữ vững vai trò trung lập, làm cầu nối giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước với thị trường quốc tế, đồng thời góp phần củng cố nền tảng an toàn và sự phát triển lành mạnh của thị trường bảo hiểm Việt Nam không chỉ là yêu cầu mang tính chức năng, mà còn là trách nhiệm gắn liền với sự ổn định chung của thị trường trong những giai đoạn chuyển mình quan trọng.

Năm qua, trước những biến động phức tạp của môi trường kinh doanh, VINARE đã lựa chọn cách tiếp cận thận trọng nhưng chủ động, linh hoạt nhưng có nguyên tắc. Trên nền tảng kinh nghiệm, năng lực chuyên môn và uy tín được tích lũy qua nhiều năm, Tổng công ty từng bước hoàn thiện mô hình hoạt động, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, tăng cường năng lực tài chính và duy trì chính sách đầu tư theo hướng an toàn, hiệu quả, sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả và đồng hành cùng khách hàng trong mọi điều kiện thị trường.

Chủ đề “**Kỷ nguyên mới, đồng hành phát triển**” phản ánh định hướng xuyên suốt của VINARE trong giai đoạn tới. Trong kỷ nguyên đó, chúng tôi không lựa chọn đứng ngoài hay đi riêng, mà lựa chọn đồng hành – cùng chia sẻ trách nhiệm với thị trường, cùng thích ứng trước những thay đổi và cùng hướng tới sự phát triển hài hòa, an toàn và bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

VINARE hiểu rằng, để đi đường dài và đi vững, sự đồng hành chặt chẽ của các bên liên quan – từ cổ đông, đối tác, khách hàng đến đội ngũ cán bộ, người lao động – là yếu tố mang tính nền tảng. Sự tin tưởng và gắn bó của Quý vị chính là động lực để Tổng công ty không ngừng hoàn thiện năng lực, nâng cao chất lượng hoạt động và chủ động đón nhận những yêu cầu mới của thị trường.

Trên nền tảng đã được xây dựng, cùng sự đồng lòng của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, người lao động, VINARE có đầy đủ điều kiện để tiếp tục phát huy vai trò của mình, góp phần củng cố niềm tin thị trường và đồng hành cùng sự phát triển ổn định, lành mạnh của thị trường bảo hiểm Việt Nam trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể đội ngũ VINARE. Chính sự tin tưởng, đồng hành và những nỗ lực bền bỉ của Quý vị đã tạo nên một VINARE vững vàng hôm nay. Chúng tôi mong muốn tiếp tục cùng Quý vị viết tiếp những chặng đường phát triển tích cực và mở ra những chương mới nhiều triển vọng trong kỷ nguyên mới.

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE

TỔNG QUAN VỀ VINARE

CHƯƠNG 01

- 08 Tổng quan Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Định hướng phát triển
- 14 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
- 16 Giới thiệu Hội đồng quản trị

- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Giới thiệu Ban Điều hành
- 24 Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
- 26 Công ty con và công ty liên kết
- 28 Đối tác và khách hàng
- 32 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn 2021-2025

TỔNG QUAN TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam – VINARE – kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm Kỹ thuật, Tài sản, Hàng hải (Hàng hóa, Thân tàu, P&I), Năng lượng, Hàng không, Trách nhiệm, Tai nạn con người, ... và cung cấp các giải pháp chuyển giao rủi ro theo yêu cầu khách hàng.

Với vị thế là Nhà nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại thị trường Việt Nam, sứ mệnh của VINARE là cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của ngành bảo hiểm cũng như thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển.



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Giấy phép kinh doanh: 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
Giấy phép điều chỉnh: 28/GPĐC8/KDBH ngày 22/9/2025 của Bộ Tài chính
Địa chỉ: 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 24 39422354
Email: vinare@vinare.com.vn
Website: www.vinare.com.vn

Mã cổ phiếu: **VNR**

Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của VINARE

- » Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.
- » Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính:
141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Chi nhánh:
11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

VỐN ĐIỀU LỆ

2.006.302.480.000 ĐỒNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1994-2016

- 1994

VINARE chính thức được thành lập và là công ty tái bảo hiểm trong nước đầu tiên với số vốn ban đầu là 40 tỷ đồng.
- 2004

Thực hiện cổ phần hóa thành công, Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.
- 2006

Doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm và doanh nghiệp thứ 10 được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 2008

Swiss Re trở thành đối tác chiến lược (25% cổ phần).
- 2009

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập.
- 2012

- Tái cấu trúc bộ máy.
- 2013

- Được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức “bbb” lần đầu tiên vào năm 2013 và duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng “bbb” đến nay.
- 2014

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.

2017-2024

- 2017

- Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất theo Chương trình đánh giá công bố thông tin và minh bạch của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (4 năm liên tiếp 2014 – 2017).
 - Thương hiệu Tái bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2017 (Tạp chí Global Brands).
 - Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập (2019).
 - Bằng khen của Bộ Tài chính tặng doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh (giai đoạn 2020 – 2021, 2022 – 2023).
- 2024

- Giải thưởng về Thương hiệu mạnh Việt Nam (VnEconomy – VN Economic Times):
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam (hai năm liên tiếp từ 2017 và 2018).
 - Top 10 ngành Ngân hàng – Dịch vụ tài chính 2020 – 2021.
 - Top 10 Thương hiệu xuất sắc – Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 – 2022.
 - Top Thương hiệu Mạnh – Phát triển bền vững 2022 – 2023.
 - Top 10 Thương hiệu Mạnh – Tăng trưởng ấn tượng 2024.
 - Giải thưởng tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA):
 - Giải “Bảo cáo thường niên tiến bộ vượt trội” (VLCA 2021).
 - Top 10 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa trên Thị trường chứng khoán Việt Nam (VLCA 2023, 2024).
 - Top 10 doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất (VLCA 2022, 2024).
 - Giải thưởng tại Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty 2024 (AF7) của Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD):
 - Top 12 Hội đồng quản trị cam kết thực hành tốt Quản trị công ty – Top 5 Hội đồng quản trị có tính đa dạng cao (Board Diversity) năm 2023.
 - VNCG50 – Top 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam năm 2024.



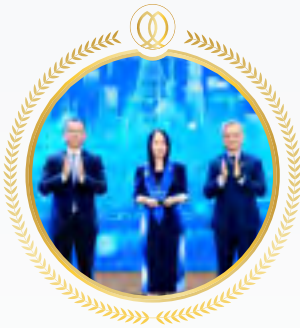
Giấy khen của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh (2022, 2023, 2024).



Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE **Nguyễn Anh Tuấn** được vinh danh trong **Top 30 Doanh nhân trẻ Việt Nam tiêu biểu – Giải thưởng Sao Đỏ 2025**.



Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhóm vốn hóa vừa 2025 (VLCA).



Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt (các kỳ đánh giá: 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025) (HNX).

2025

- Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 2.006 tỷ đồng (2025).

Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 8 (AF8):



Top 5 doanh nghiệp “Bứt phá và Dẫn dắt” trong Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN (ACGS) 2024 (VIOD).

Top 05 “Hội đồng Quản trị của năm” 2025 – Tôn vinh các Hội đồng quản trị tiêu biểu tiên phong cam kết thực hành quản trị công ty tốt.

ACGS20 – Top Doanh nghiệp cam kết & tiên phong hướng tới đạt chuẩn xếp hạng Tài sản ASEAN.

Top VNCG50 2025 – Doanh nghiệp tiên phong cam kết thực hành quản trị công ty tốt và hướng tới bộ chỉ số VNCG50.

Các bảng xếp hạng của Vietnam Report:



FAST500 - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (2023, 2024).

PROFIT500 - Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận nhất (từ 2017 – 2018, và từ 2021 – 2025).

VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (2022, 2024, 2025).

IR Awards



Bảng xếp hạng Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - IR Awards (2020, 2021, 2024, 2025).

Các bảng xếp hạng của Viet Research (Bảo Tài chính – Đầu tư)



Top 10 ESG Việt Nam Xanh ngành Bảo hiểm.

VALUE 500 - Top 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam (2024, 2025).



Tầm nhìn chiến lược

- Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và khu vực, nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của Tổng công ty.
- Tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- Doanh nghiệp có trách nhiệm tích cực với cộng đồng.

Các giá trị cam kết

- Lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư
- Nâng cao hiệu quả và tính sinh lợi của thị trường bảo hiểm
 - » Quản lý rủi ro và nguồn vốn
 - » Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ
 - » Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm
- Phát triển bền vững thị trường bảo hiểm
 - » Cung cấp năng lực tái bảo hiểm
 - » Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

Phát triển bền vững

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho người dân và doanh nghiệp.
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

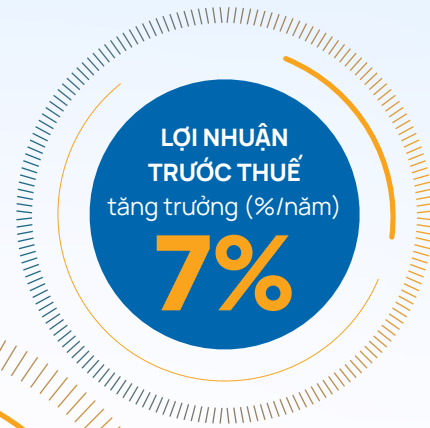
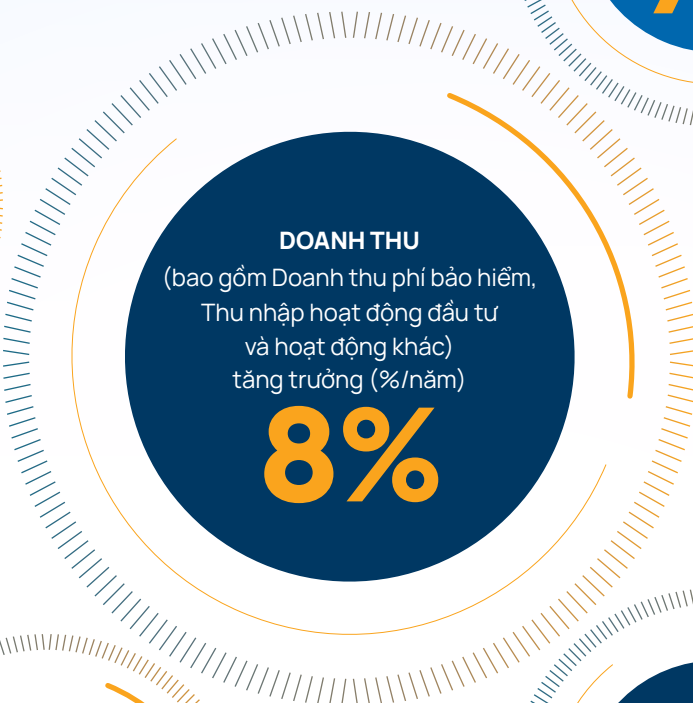
Chiến lược phát triển bền vững gắn kết với ESG được mô tả chi tiết trong phần Chiến lược và Nội dung về phát triển bền vững ở phần sau của Báo cáo.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VINARE

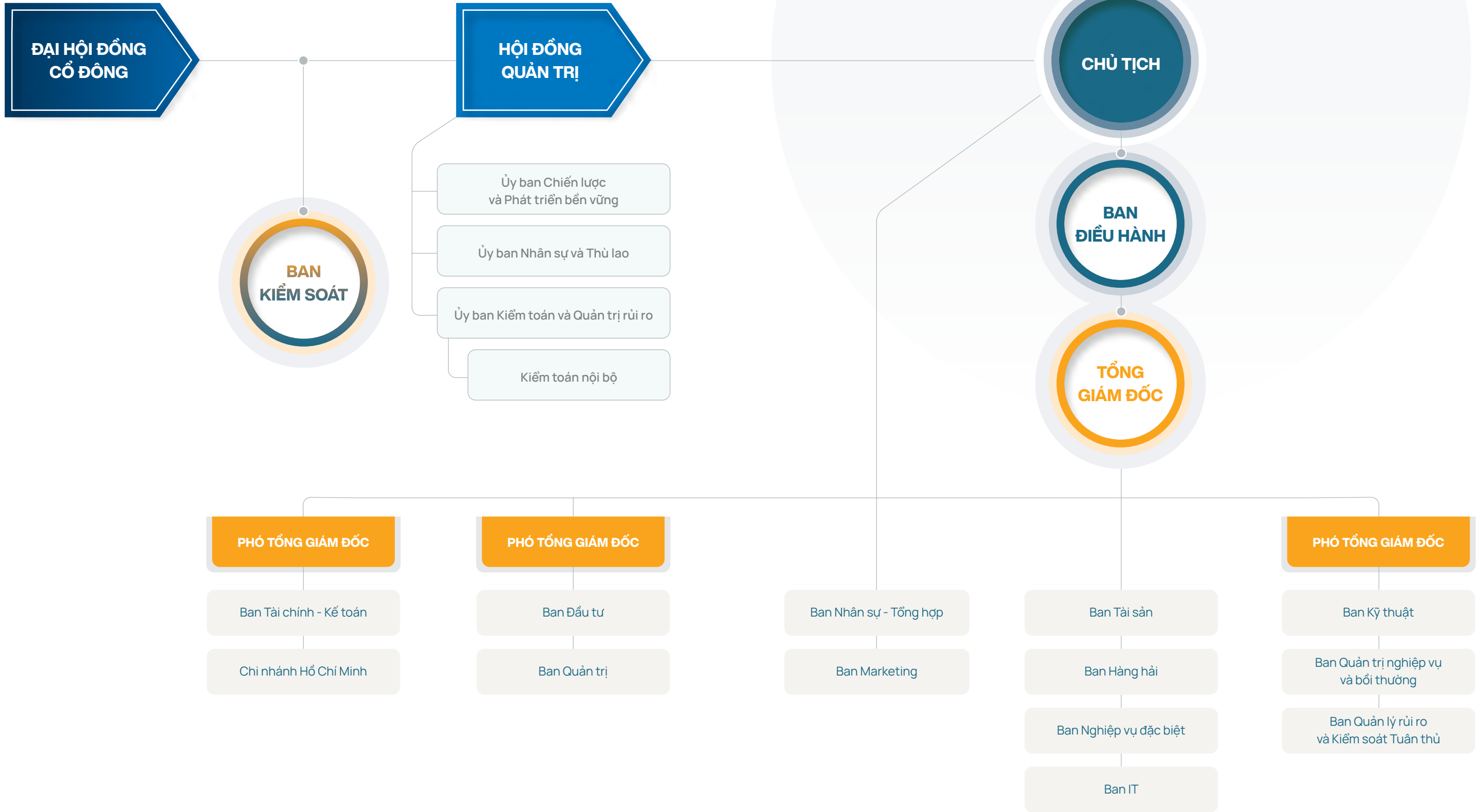
TĂNG TRƯỞNG

Mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2025-2029



Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng quy định về "Vốn trên cơ sở rủi ro" có hiệu lực từ 01/01/2028 (căn cứ hướng dẫn chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền)

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Đoàn Việt Trang

Thành viên không điều hành - 50 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 28/4/2025)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Giám đốc Khối Chiến lược & Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt



Ông Phạm Phan Dũng

Thành viên độc lập, không điều hành - 68 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 11/6/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính
- Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Tổng hợp Columbia, Hoa Kỳ
- Cử nhân Kế toán Công nghiệp, Trường Đại học Tài chính – Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Chức vụ công tác đã qua

- Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính
- Vụ trưởng Vụ Tài chính – Ngân hàng, Bộ Tài chính
- Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính.



Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Thành viên chuyên trách - 46 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2021)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Ngoại Thương
- Cử nhân Tài chính Tín dụng, Học viện Tài chính

Chức vụ công tác đã qua

- Phó trưởng Ban Đầu tư 1, Phó Trưởng Ban Tài chính - Kế toán, - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)



Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam

Thành viên không điều hành - 32 tuổi

(Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Tài chính, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Cử nhân Khoa học ngành Quản lý chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội liên kết với Đại học Keuka Hoa Kỳ
- Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Chính trị phát triển, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Giám đốc Công ty Bảo Minh Tràng An kiêm Giám đốc Công ty Bảo Minh Thanh Hóa, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc tại các Công ty: Bảo Minh Long Biên, Bảo Minh Ninh Bình, Bảo Minh Vĩnh Phúc, Bảo Minh Thái Nguyên, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Vũ Ngọc Vượng

Trưởng Ban Kiểm soát - 41 tuổi

(Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 26/4/2017)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Frederick Taylor
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Học viện Tài chính

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Chuyên viên Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt



Ông Đào Mạnh Dương

Thành viên Ban Kiểm soát - 49 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 11/6/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Đại học Tài chính - Kế toán (nay là Học viện Tài chính)
- Cử nhân ngoại ngữ, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Giám đốc Ban Marketing VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Tài sản VINARE.



Ông Tushar Chatterjee

Thành viên Ban Kiểm soát - 47 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 11/6/2020)

Quốc tịch: Ấn Độ

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Đại học Heriot-Watt
- Sau Đại học chuyên ngành định phí Đại học Heriot, Watt
- Thạc sỹ chuyên ngành thống kê, Viện Thống kê Ấn Độ
- Cử nhân chuyên ngành thống kê, Viện Thống kê Ấn Độ

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro Hoạt động Nhân thọ và Sức khỏe và Giám đốc Quản trị rủi ro của Swiss Re Nexus / Giám đốc/ Quản lý rủi ro Tập đoàn, Swiss Re

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Bộ phận Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp khu vực Châu Á, Swiss Re (Head of ERM)
- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động, Swiss Re (Head of ORM).



Bà Trần Thị Minh Phương

Thành viên Ban Kiểm soát - 40 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 20/4/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế, Khoa Kế toán Doanh nghiệp, Học viện Tài chính
- Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Phó Giám đốc Ban Kế toán, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng - Ban Tài chính kế toán BIC
- Trưởng phòng - Ban Kế toán BIC.



Ông Nguyễn Xuân Việt Anh

Thành viên Ban Kiểm soát - 42 tuổi

(Thành viên BKS từ ngày 28/4/2025)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Đại học Ngoại thương Hà Nội

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Chuyên viên Ban Đầu tư 1, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông MAI XUÂN DŨNG

Tổng giám đốc - 51 tuổi

(Tổng giám đốc từ ngày 17/11/2020)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, Úc
- Chứng chỉ ANZIIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ công tác đã qua

- Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)
- Phó Tổng giám đốc VINARE
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE.



Ông NGUYỄN MẠNH LINH

Phó Tổng giám đốc - 54 tuổi

(Phó Tổng giám đốc từ 01/9/2016)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế (MSC), Trường Kinh tế CERAM, Sophia Antipolis - Pháp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Viện Công nghệ châu Á - Thái Lan
- Kỹ sư Tin học

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI)

Chức vụ công tác đã qua

- Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)
- Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro VINARE.



Ông ĐỖ ANH ĐỨC

Phó Tổng giám đốc - 54 tuổi

(Phó Tổng giám đốc từ 01/02/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
- Cử nhân, Đại học Kinh tế quốc dân.
- Cử nhân, Đại học Luật.

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư VINARE
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Legacy
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF), Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF), Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên Ban Kiểm soát Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Đầu tư VINARE.



Bà LƯU THỊ VIỆT HOA

Phó Tổng giám đốc - 56 tuổi

(Phó Tổng giám đốc từ 30/12/2023)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)

Chức vụ công tác đã qua

- Kế toán Trưởng VINARE.



Ông Nguyễn Thành Công

Kế toán trưởng - 48 tuổi

(Kế toán trưởng từ ngày 02/12/2024)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Các chức vụ khác đang đảm nhiệm

- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư VINARE (VINARE Invest)


Chức vụ công tác đã qua

- Người phụ trách Kế toán VINARE
- Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán VINARE.

VỐN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ thực góp

2.006.302.480.000 ĐỒNG



Cơ cấu cổ đông VINARE tính đến ngày 22/7/2025
(theo Danh sách tổng hợp do VSDC lập ngày 24/07/2025 tại ngày ĐKCC 22/07/2025)

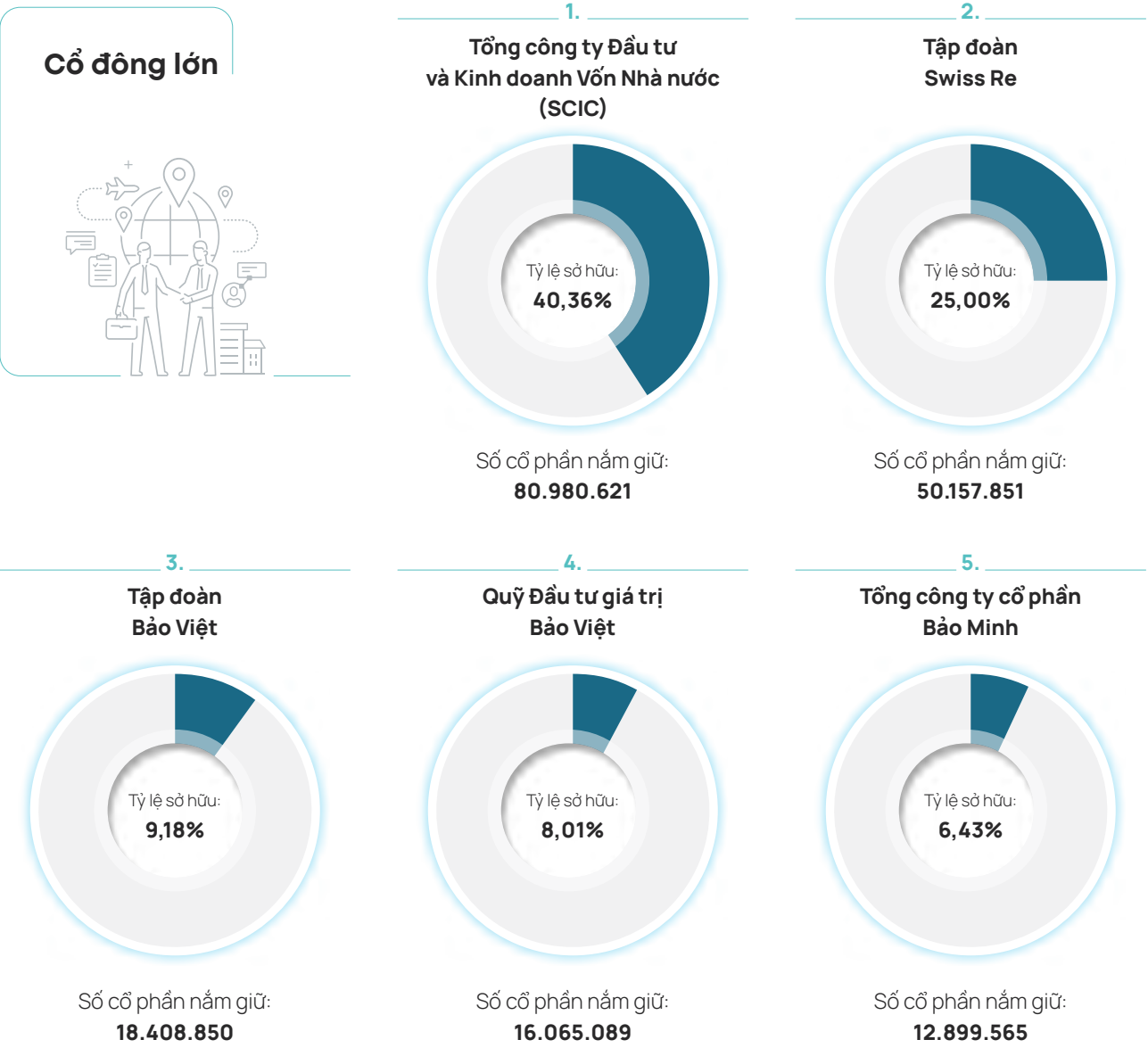
STT	Cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá (Đồng)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	809.806.210.000	80.980.621	40,36%
2	Tập đoàn Swiss Re	501.578.510.000	50.157.851	25,00%
3	Tập đoàn Bảo Việt	184.088.500.000	18.408.850	9,18%
4	Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	160.650.890.000	16.065.089	8,01%
5	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	128.995.650.000	12.899.565	6,43%
6	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - PJICO	50.164.960.000	5.016.496	2,50%
7	Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	21.499.230.000	2.149.923	1,07%
8	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	16.531.160.000	1.653.116	0,82%
9	Các cổ đông khác	132.987.370.000	13.298.737	6,63%
Tổng		2.006.302.480.000	200.630.248	100,00%

Cơ cấu cổ phần

STT	Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần
1	Tổng số cổ phần	200.630.248
	• Cổ phần phổ thông chuyển nhượng tự do	200.630.106
	• Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142
2	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	200.630.248
	• Cổ phiếu phổ thông chuyển nhượng tự do	200.630.106
	• Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ /Vốn điều lệ
1	Cổ đông tổ chức:	190.230.219	94,82%
a	Trong nước	136.080.274	67,83%
b	Nước ngoài	54.149.945	26,99%
2	Cổ đông cá nhân:	10.400.029	5,18%
a	Trong nước	9.853.232	4,91%
b	Nước ngoài	546.797	0,27%
Cộng		200.630.248	100%



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con



Công ty cổ phần Đầu tư VINARE

Giấy phép đăng ký kinh doanh
số 0103141556 sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/07/2025.

Địa chỉ:
Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ:
93.919.000.000 đồng

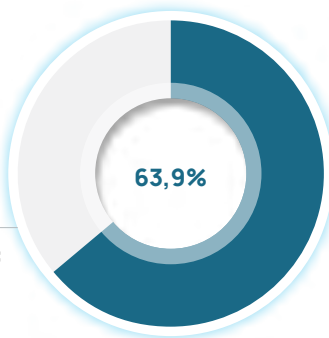
- Lĩnh vực hoạt động:**
- Kinh doanh bất động sản;
 - Tư vấn quản lý bất động sản;
 - Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, đô thị, nhà ở các loại;
 - Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103141556 cấp ngày 22/07/2025.



Giá trị góp vốn của VINARE tính đến ngày 31/12/2025:
60.000.000.000 đồng, tương đương 63,9% vốn điều lệ.

Các cổ đông chính:

VINARE	63,9%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và KCN Sông Đà	10,6%
Công ty cổ phần Bất động sản Phú Lộc	10,6%
và các cổ đông khác	14,9%



Một số chỉ tiêu tài chính năm 2025

Tổng tài sản
115,3
TỶ ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu
97,7
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế
5,5
TỶ ĐỒNG

Công ty liên kết



Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina

Giấy phép thành lập và hoạt động
số 70/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/08/2014

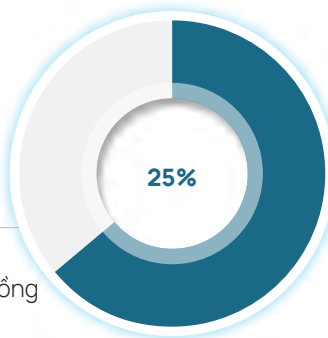
Địa chỉ:
Tầng 45, Bitexco Financial Tower, 2 Hải Triều, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ:
500.000.000.000 đồng

- Lĩnh vực hoạt động:**
- kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính theo luật định.



Tỷ lệ góp vốn của VINARE
25% vốn điều lệ, tương đương 125.000.000.000 đồng



Một số chỉ tiêu tài chính năm 2025

Tổng tài sản
3.012
TỶ ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu
1.565
TỶ ĐỒNG

Doanh thu phí bảo hiểm gốc
1.130
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế
105
TỶ ĐỒNG

- Đối tác liên kết:**
Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải SamSung, Hàn Quốc.

ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Khách hàng trong nước: các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trên thị trường Việt Nam.
Khách hàng nước ngoài: các công ty tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm trong khu vực châu Á và trên thế giới.

Công ty Bảo hiểm và Tái Bảo hiểm Phi nhân thọ

AAA Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	TMIV Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam	PTI Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
ABIC Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	Fubon VN Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ Fubon (Việt Nam)	PVI Tổng công ty Bảo hiểm PVI
AIG Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam	GIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	Hanoi Re Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội
Bảo Long Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	HD Insurance Công ty TNHH Bảo hiểm HD	QBE Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm QBE (Việt Nam)
Bảo Minh Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Liberty Insurance Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty	SVI Công ty LD TNHH Bảo hiểm Samsung Vina
Bảo Việt Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	MIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	TIC Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco
BHV Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	MSIG Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân Thọ MSIG Việt Nam	UIC Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp
BIC Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	OPES Công ty Bảo hiểm OPES	VASS Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông
BSH Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	PAC Công ty cổ phần bảo hiểm Phú Hưng	VBI Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chubb Vietnam Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam	PJICO Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	DBV Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ

Baoviet Life Tổng công ty cổ phần Bảo Việt Nhân thọ
AIA Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)
Manulife Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

Công ty môi giới Bảo hiểm/Tái Bảo hiểm

Aon Aon	Gallagher Re Gallagher Re	LOCKTON LOCKTON	Protection Protection Insurance and Reinsurance Services
ACE Ace Insurance Brokers	Haakon Haakon Ltd	M.B.Boda M.B.Boda Reinsurance Brokers	PWS PWS Global Risks Labuan Ltd (LL07886)
ARB Asia Reinsurance Brokers Pte Ltd	HIS HIS Insurance Services Co., Ltd.	Mahindra Mahindra Insurance Brokers Limited	RISK CARE Risk Care Insurance Broking Services Pvt. Ltd.
AIB Alliance Insurance Brokers Pvt. Ltd.	Hub Risk Hub Risk Solutions Limited	MALAKUT Malakut Insurance Brokers (Vietnam) LLC	UIB UIB Insurance Brokers (Korea) Co., Ltd
BHARAT RE Bharat Re-Insurance Brokers Pvt. Ltd.	INTERLINK Interlink Insurance & Reinsurance Broking Pvt. Ltd.	Mathsons Mathrawala and Sons Insurance Brokers	Ulysse Re Ulysse Re
BRM BRM Korea Co., Ltd.	IRICBS International Reinsurance & Insurance Consultancy & Broking Services Pvt. Ltd.	Marsh Marsh Ltd	Willis Tower Watson Willis Tower Watson
CIB Continental Insurance Brokers Ltd.	KMD KM Dastur Reinsurance Brokers	MHK MHK Insurance Services Limited	WIS Worldwide Insurance Services Ltd.
ENC PLUS ENC PLUS Insurance Brokers Co. Ltd	J.B.Boda J.B Boda & Co.	Pana Harrison Pana Harrison (Asia) Pte Ltd	
Guy Carpenter Guy Carpenter & Company Ltd	LK Vietnam LK Vietnam Insurance Broker Company Limited	Pioneer Pioneer Insurance & Reinsurance Broker Pvt Ltd	

Khách hàng nước ngoài

			PartnerRe PartnerRe Ltd.	Steamship Mutual P&I Club Steamship Mutual P&I Club
Allianz Re Allianz Reinsurance	Emirates Insurance Emirates Insurance Company	KB Insurance KB Insurance Co., Ltd	Sava Re Pozavarovalnica Sava d.d., Czech	Swiss Re Swiss Reinsurance Company
Allied World Allied World Assurance Company Holdings, Ltd	Esicuba Seguros Internacionales de Cuba, S.A.	Klaption Re Klaption Reinsurance Limited	Peak Re Peak Reinsurance Company Limited	Singapore Re Singapore Reinsurance Corporation Ltd
Amlin MS Amlin	FPG Phillipines FPG Insurance Co., INC., Makati, Phillipines	Labuan Re Labuan Reinsurance (L) Ltd	PICC PICC Property and Casualty Co., Ltd	Trust Re Trust International Insurance and Reinsurance Company B.S.C.
Asian Re Asian Reinsurance Corporation	GARD GARD	LVI Lao-Viet Insurance Company	Ping An Ping An Insurance Company of China, Ltd.	TUGURE PT. Tugu Reasuransi Indonesia
Aspen Aspen	GIC Bhutan Re GIC Bhutan Re	London P&I Club The London Steam-Ship Owners' Mutual Insurance Association Limited	RongSheng RongSheng P&C Insurance Co., Ltd	Thai Re Thai Reinsurance Public Company Ltd
AXIS Re AXIS Re	GIC RE General Insurance Corporation of India	Malaysian Re Malaysian Reinsurance Berhad	Russian Re Russian National Reinsurance Corporation	Toa Re The Toa Reinsurance Company, Limited
Berkley Re Berkley Re	GIG Gulf Insurance Group (Gulf)	Munich Re Munich Reinsurance Company	Qianhai Re Qianhai Reinsurance Co., Ltd.	Tokio Marine Kiln Tokio Marine Kiln
BEAZLEY Beazley	Hannover Re Hannover Re	MSIG Mitsui Sumitomo Insurance Co. Ltd.	Santam Re Santam RE	TPRe Taiping Reinsurance Co., Ltd
BH SPECIALTY Berkshire Hathaway Specialty Insurance	Huione Huione Insurance PLC	Mongolia Re Mongolian National Reinsurance Company	Seoul Guarantee Seoul Guarantee Insurance Company	Trans Re Transatlantic Reinsurance Company
Canopius Canopius	Huyndai Hyundai Marine & Fire Insurance Company Co., Ltd.	Nat Re The National Reinsurance Corporation of the Philippines	SOGAZ SOGAZ INSURANCE	Triglav Re Triglav Re, Reinsurance Company Ltd
CB Insurance CB General Insurance PLC	Hanwha Hanwha General Insurance	National Insurance National Insurance Company Limited	Samsung F&M Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd	United India United India Insurance Company Limited
Central Re Central Reinsurance Corporation	Harel Harel Insurance Company Ltd	Nepal Re Nepal Reinsurance Company Limited	Saudi Re Saudi Reinsurance Company	VIG Re VIG Reinsurance Services
China Re China Reinsurance (Group) Corporation	Indonesia Re PT Reasuransi Indonesia Utama	New India The New India Assurance Co. Ltd.	Scor Re Scor Reinsurance Company	Xinjiang Xinjiang Qianhai United P&C Insurance Company Ltd.
China Pacific China Pacific Insurance Co., (HK) Limited	III India International Insurance	NH Insurance NongHyup Property and Casualty Insurance	Shipowners' P&I Club The Shipowners' Mutual Protection and Indemnity Association (Luxembourg)	Yellow River Yellow River Property Insurance Co., Ltd.
CVI Cambodia-Vietnam Insurance Plc.	Korean Re Korean Reinsurance Company	Sukoon Sukoon Insurance	Sirius Point Sirius Point Ltd	ZURICH Zurich Insurance Group
Echo Re Echo Reinsurance Limited Company	Kuwait Re Kuwait Reinsurance Company	Oriental The Oriental Insurance Company	SompoRe Sompo International Reinsurance	West of England P&I Club The West of England Ship Owners Mutual Insurance Association (Luxembourg)



AM Best khẳng định xếp hạng của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) năm 2025

Trong kỳ đánh giá năm 2025, AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức

(Tốt)

B++

và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành (ICR) mức

(Tốt)

bbb+

của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE).

Triển vọng của năng lực tài chính và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành ở mức ổn định (stable), xếp hạng tín nhiệm trong phạm vi quốc gia (National Scale Rating – NSR) của VINARE là aaa.VN, mức cao nhất tại Việt Nam với triển vọng ổn định. Mức xếp hạng đã phản ánh tình hình tài chính vững mạnh của VINARE, đồng thời cũng phản ánh kết quả kinh doanh tốt, hồ sơ năng lực kinh doanh ổn định, và khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM) phù hợp.

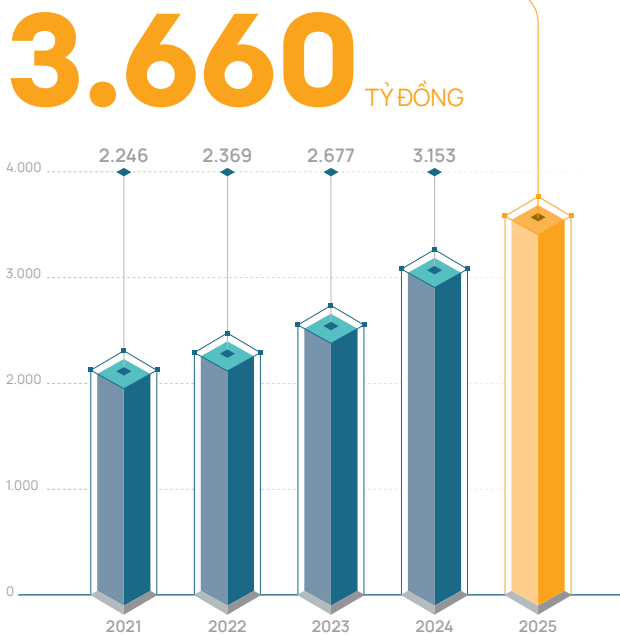


CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN GIAI ĐOẠN 2021-2025

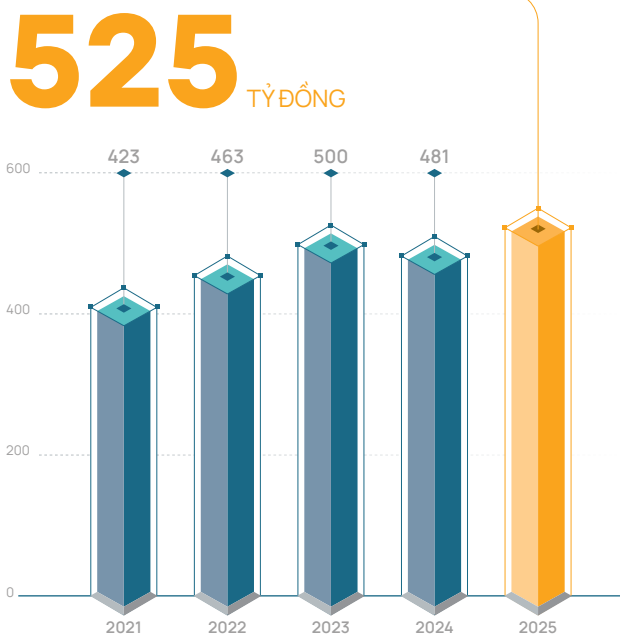
Đơn vị: tỷ đồng



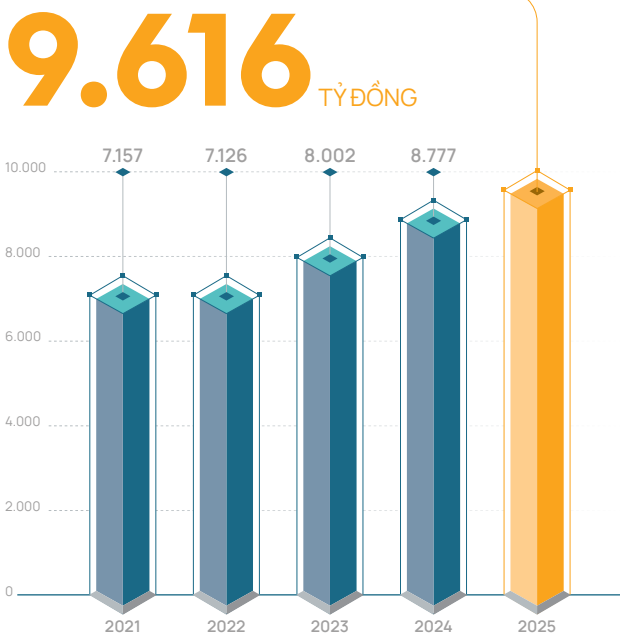
Doanh thu phí nhận



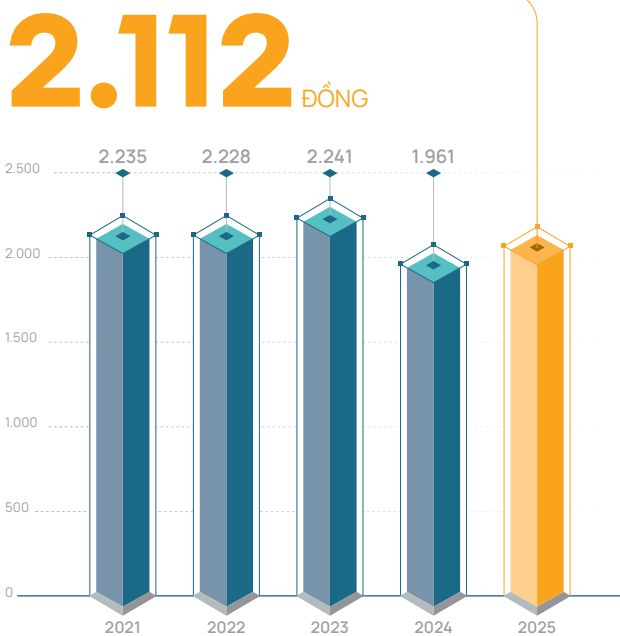
Lợi tức trước thuế



Tổng tài sản



EPS



Một số chỉ tiêu kinh doanh chính giai đoạn 2021 – 2025

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu phí nhận	2.246	2.369	2.677	3.153	3.660
Doanh thu phí giữ lại	1.273	1.275	1.379	1.740	2.126
Doanh thu đầu tư và khác	480	415	483	439	482
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	1.520	1.497	1.613	2.035	2.403
Vốn điều lệ	1.507	1.507	1.658	1.824	2.006
Tổng tài sản	7.157	7.126	8.002	8.777	9.616
Lợi tức trước thuế	423	463	500	481	525
Lợi nhuận sau thuế	347	378	423	404	439
ROA (%)	4,85	5,31	5,29	4,61	4,57
ROE (%)	10,56	10,94	11,39	10,25	10,49
EPS (VND)	2.235	2.228	2.241	1.961	2.112

Số liệu báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu bất động sản, hoạt động tài chính và hoạt động khác	463	419	492	448	491
Tổng tài sản	6.915	6.862	7.713	8.475	9.298
Lợi tức trước thuế	408	439	474	465	508
Lợi nhuận sau thuế	332	355	397	389	422
ROA (%)	4,80	5,17	5,15	4,59	4,53
ROE (%)	10,83	11,05	11,53	10,63	10,86

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC KINH DOANH



CHƯƠNG

02

36 Nhìn lại thị trường kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2025

43 Dự báo kinh tế, tài chính, bảo hiểm năm 2026

46 Toàn cảnh rủi ro của VINARE

48 Chiến lược kinh doanh & chiến lược phát triển bền vững

NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG KINH TẾ, TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM NĂM 2025

Kinh tế thế giới

Năm 2025, nền kinh tế thế giới chứng kiến hàng loạt biến động kinh tế – chính trị – xã hội đáng chú ý, trong đó nổi bật là sự gia tăng căng thẳng giữa hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc. Cuộc chiến thuế quan kéo dài, xung đột tại Nga – Ukraine và Trung Đông, cùng các rủi ro địa chính trị tiềm tàng ở Nam Mỹ và khu vực châu Á – Thái Bình Dương, bên cạnh tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu và thiên tai, đã khiến nhịp vận động của kinh tế toàn cầu chậm lại và kém ổn định hơn.

Trong bối cảnh bất định gia tăng, các diễn biến kinh tế năm 2025 không diễn ra rời rạc mà đan xen và tác động lẫn nhau. Ba trục chính nổi bật có thể nhận diện gồm: sự thay đổi trong chính sách thương mại và thuế quan đang tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu; trạng thái tăng trưởng của kinh tế thế giới – tránh được suy thoái nhưng thiếu lực bền; và vai trò ngày càng rõ nét của công nghệ, đặc biệt là AI, trong việc định hình diễn biến trên thị trường tài chính.

Kinh tế thế giới: Ổn định nhưng chưa vững

Sau cú sốc ban đầu từ thuế quan, kinh tế toàn cầu đã không rơi vào kịch bản xấu nhất. Hoạt động kinh tế nhìn chung giữ được nhịp, với tăng trưởng năm 2025 ước khoảng 3,2% theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Điều này cho thấy các nền kinh tế đã phản ứng thích ứng tốt hơn với môi trường bất định.

Tuy nhiên, sự ổn định này mang tính mong manh. Phần lớn tăng trưởng đến từ các biện pháp hỗ trợ ngắn và trung hạn như chi

tiêu tài khóa, nới lỏng tiền tệ và làn sóng đầu tư công nghệ, trong khi niềm tin vào chính sách dài hạn và luật chơi thương mại chung vẫn ở mức thấp.

Mỹ tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng toàn cầu. Các nền kinh tế phát triển phục hồi chậm nhưng rõ nét hơn, còn nhóm nền kinh tế mới nổi duy trì đà tăng tương đối ổn định. Trung Quốc được kỳ vọng cải thiện tăng trưởng nhờ điều hành chính sách linh hoạt, dù vẫn đối mặt nhiều lực cản nội tại.

Thuế quan và bức tranh thương mại ngày càng chia mảnh

Nửa đầu năm 2025, thuế quan quay trở lại vị trí trung tâm của kinh tế toàn cầu. Các biện pháp thuế mới của Mỹ, áp dụng đồng loạt với cả đối tác lẫn đối thủ, đã làm rung chuyển thị trường và cho thấy một thông điệp rõ ràng: trật tự thương mại cũ không còn là ưu tiên hàng đầu. Căng thẳng thương mại vì thế không chỉ giới hạn trong quan hệ Mỹ – Trung, mà lan rộng ra nhiều khu vực, kéo theo những cuộc mặc cả âm thầm nhưng quyết liệt.

Điều đáng chú ý là thuế quan thực chất chỉ là bề nổi của vấn đề. Phía sau đó là cuộc cạnh tranh rộng hơn về công nghệ, năng lượng sạch và các chuỗi cung ứng then chốt. Những yếu tố như chip AI, đất hiếm hay các

hợp đồng LNG không còn đơn thuần là hàng hóa, mà đã trở thành công cụ chính sách, được sử dụng để gây sức ép buộc các đối tác điều chỉnh cách thức sản xuất và phân bổ chuỗi giá trị theo ưu tiên an ninh, thay vì chỉ dựa trên chi phí thấp như trước.

Trong khi đó, Trung Quốc đẩy mạnh mở rộng quan hệ thương mại với các khu vực mới nổi và gia tăng hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nước nhằm giữ chân hoạt động sản xuất. Những động thái song song này đang làm chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng phân mảnh, buộc các tập đoàn đa quốc gia phải tăng tốc chiến lược “China+1”, phân tán rủi ro sang nhiều địa điểm khác.

AI, thị trường tài chính và hàng hóa

Trên thị trường tài chính, AI tiếp tục là điểm tựa lớn trong năm 2025. Sau giai đoạn điều chỉnh vì căng thẳng thương mại, thị trường chứng khoán phục hồi mạnh nhờ dòng vốn lớn đổ vào hạ tầng AI và trung tâm dữ liệu. Xu hướng này không chỉ diễn ra tại Mỹ mà còn lan sang các thị trường châu Á, nơi cổ phiếu công nghệ thu hút sự chú ý nhờ triển vọng dài hạn.

Tuy vậy, bước sang năm 2026, đà tăng nhiều khả năng sẽ phân hóa rõ rệt. Khi kỳ

vọng đã được phản ánh phần lớn vào giá, thị trường sẽ đòi hỏi kết quả kinh doanh thực chất hơn từ các doanh nghiệp AI.

Ở thị trường hàng hóa, vàng nổi lên như tài sản phòng vệ hàng đầu, được hỗ trợ bởi nhu cầu mua vào của ngân hàng trung ương, nguồn cung hạn chế và xu hướng dịch chuyển sang một trật tự tài chính đa cực. Ngược lại, giá dầu chịu áp lực giảm do tình trạng dư cung, bất chấp những căng thẳng địa chính trị vẫn âm ỉ.



NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG KINH TẾ, TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM NĂM 2025



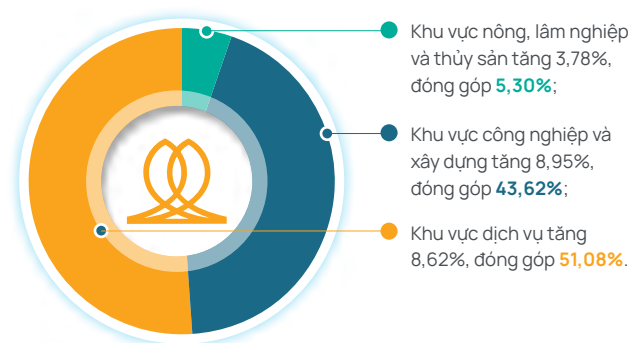
Kinh tế Việt Nam

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt

8,02% so với năm trước.

Chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025.

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế,



Tính chung cả năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD (năm trước xuất siêu 24,94 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 29,43 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 49,46 tỷ USD.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 4.150,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Thị trường tài chính - tiền tệ



Tổng phương tiện thanh toán tăng

14,98%

Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng

13,68%

Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt

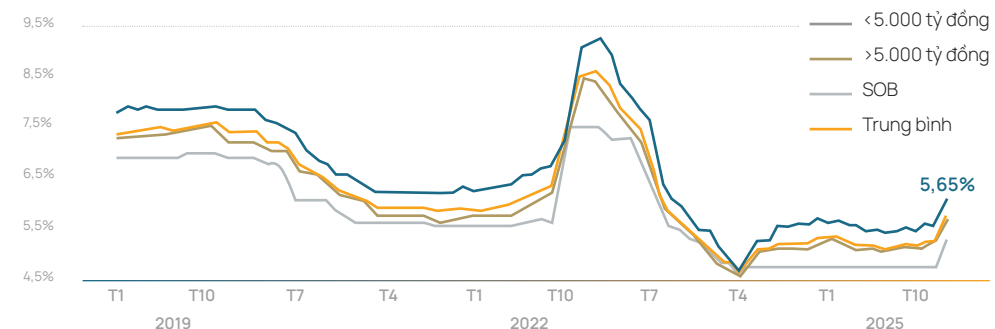
17,65%

Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng



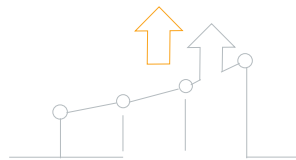
Theo số liệu của Cục Thống kê, trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tính đến ngày 22/12/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,98% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 9,15%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 13,68% (cùng thời điểm năm trước tăng 8,79%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 17,65% (cùng thời điểm năm trước tăng 13,4%).

Trong năm 2025, lãi suất điều hành tiếp tục được duy trì ở mức thấp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động và hỗ trợ giảm lãi suất cho vay. Cuối năm 2025 và đầu năm 2026, mặt bằng lãi suất huy động ghi nhận xu hướng nhích lên cục bộ.



NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG KINH TẾ, TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM NĂM 2025

Thị trường chứng khoán Việt Nam và những dấu ấn bất phá

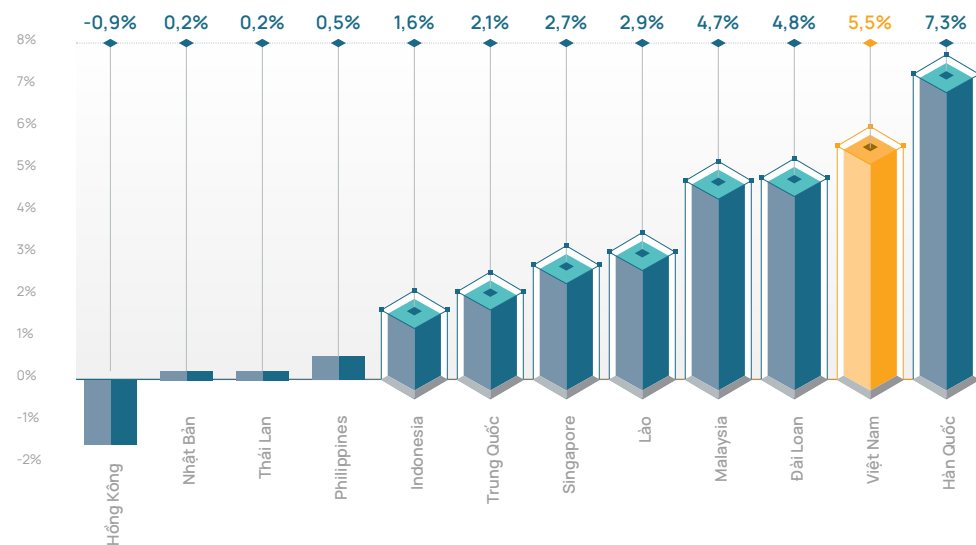


Mặc dù chịu ảnh hưởng từ môi trường quốc tế biến động, bao gồm chính sách thuế quan của Mỹ và xung đột địa chính trị leo thang tại nhiều quốc gia, TTCK Việt Nam năm 2025 vẫn duy trì hoạt động ổn định, an toàn, minh bạch và có thanh khoản cao. TTCK giữ vững xu hướng tăng trưởng tích cực so với các thị trường trong khu vực.

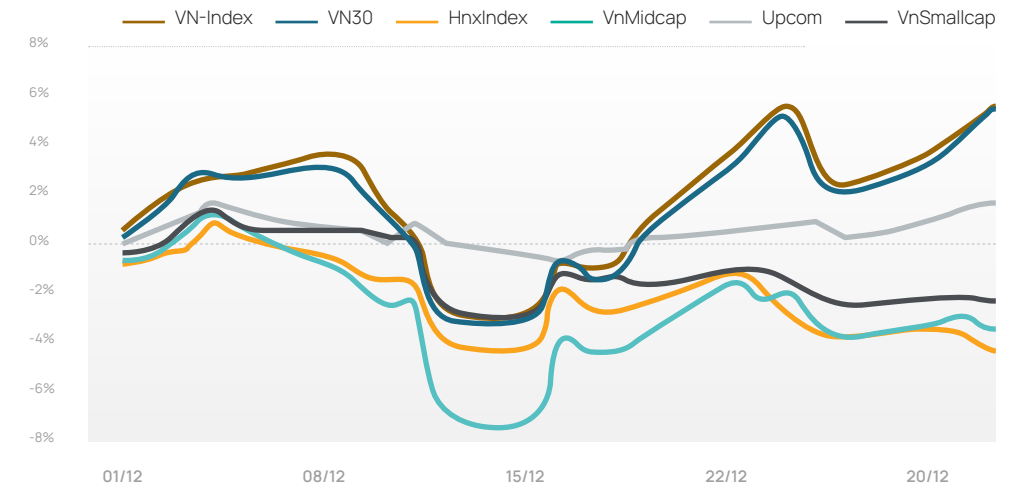
Tính đến ngày 31/12/2025, chỉ số VN-Index đạt 1.784,49 điểm, tăng 40,8% so với cuối

năm 2024; trong khi HNX-Index đạt 248,77 điểm, tăng 9,4%. Đây là mức tăng trưởng nổi bật trong bối cảnh nhiều thị trường khu vực và toàn cầu chỉ ghi nhận mức tăng khiêm tốn hoặc biến động mạnh. Song song với diễn biến tích cực của các chỉ số, quy mô thị trường tiếp tục mở rộng. Tính đến ngày 31/12/2025, vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 9.975,36 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 77,9% GDP, tiệm cận mức của nhiều thị trường mới nổi trong khu vực.

Diễn biến một số thị trường trong tháng 12



Biến động của các chỉ số trong tháng 12



Nâng hạng thị trường – Cột mốc quan trọng của TTCK Việt Nam

Bên cạnh các chỉ tiêu tăng trưởng tích cực, năm 2025 cũng ghi nhận một cột mốc mang tính bước ngoặt đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngày 8/10/2025, FTSE Russell chính thức công bố thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí phân loại và được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị

trường mới nổi thứ cấp, với lộ trình thực hiện dự kiến vào tháng 9/2026.

FTSE Russell đồng thời cho biết sẽ tiếp tục theo dõi sát sao các diễn biến thị trường, đặc biệt là khả năng cải thiện điều kiện tiếp cận của các nhà môi giới toàn cầu. Đến thời điểm hiện tại, kỳ rà soát giữa kỳ tháng

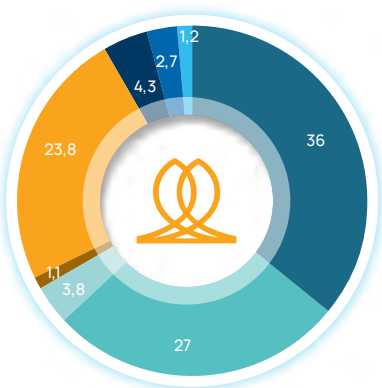
3/2026 đã được tiến hành. Việc Việt Nam duy trì tiến độ cải cách và hoàn thiện hạ tầng thị trường được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng thuận lợi để quá trình nâng hạng diễn ra đúng kế hoạch vào tháng 9/2026.

NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG KINH TẾ, TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM NĂM 2025

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ theo nghiệp vụ bảo hiểm

ĐVT: %



- Tai nạn con người và Sức khỏe
- Tài sản Kỹ thuật
- Hàng hóa
- Hàng không
- Xe cơ giới
- Tàu
- Trách nhiệm
- Khác

Theo số liệu sơ bộ của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, doanh thu phí bảo hiểm gốc thị trường PNT năm 2025 tăng trưởng khoảng 11%, giảm nhẹ so với mức tăng trưởng 11,5% của năm 2024

Các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của thị trường, đặc biệt là sự hồi phục mạnh mẽ của nghiệp vụ xe cơ giới với tốc độ tăng trưởng hơn 12%, mức tăng trưởng cao nhất của nghiệp vụ này kể từ năm 2019 nhờ sự phục hồi tích cực của thị trường xe Việt Nam khi tổng lượng xe bán ra của năm 2025 tăng đến hơn 22% so với năm 2024.

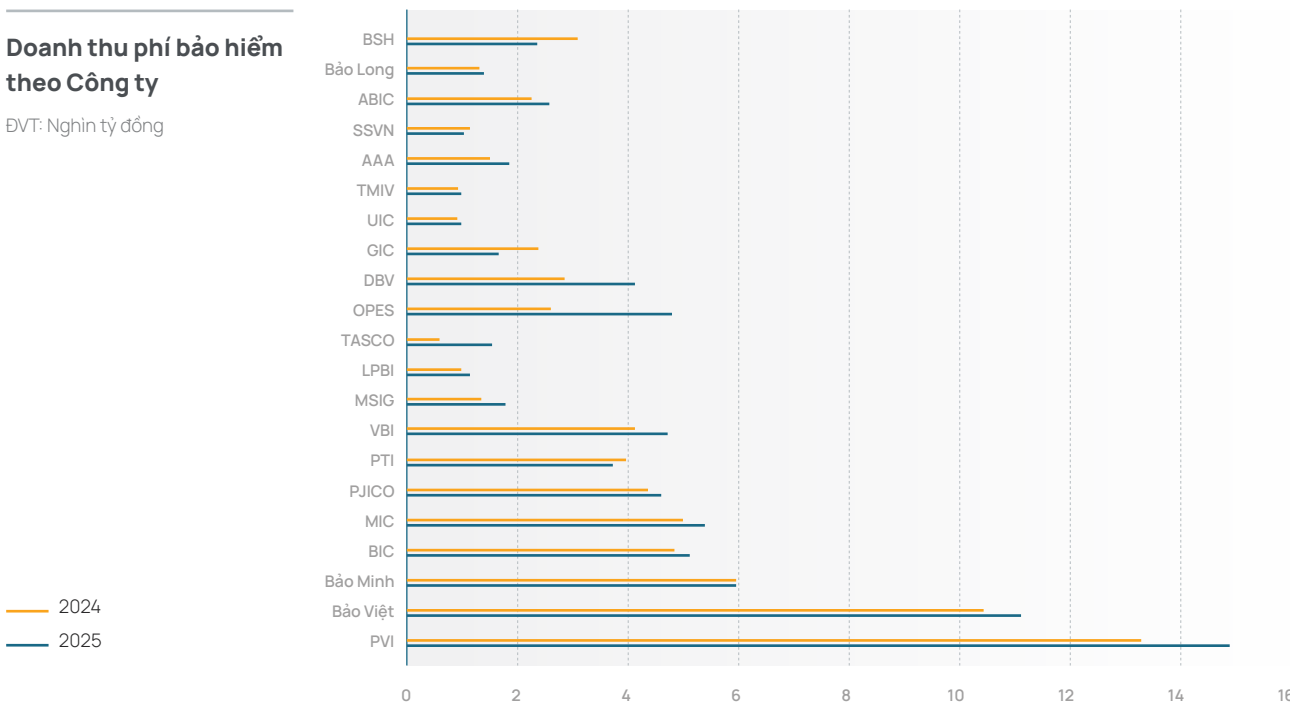
Các nghiệp vụ bảo hiểm TSKT vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá tốt (khoảng 11%), việc áp dụng Nghị định 105 từ tháng 7.2025 đã tạo được

một số tác động tích cực lên doanh thu nghiệp vụ Tài sản trong năm 2025 và được kỳ vọng sẽ tạo những chuyển biến tích cực hơn cho nghiệp vụ này cả về doanh thu và chất lượng khai thác trong năm 2026. Nghiệp vụ bảo hiểm Hàng Hóa chỉ ghi nhận mức doanh thu khoảng 5,4%. Tình hình cạnh tranh hạ phí, tình hình chiến sự leo thang tại nhiều khu vực trên thế giới ... là những yếu tố chính ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu nghiệp vụ trong năm 2025..

Tình hình các tổn thất "man-made" trên thị trường tiếp tục diễn biến theo chiều hướng tích cực trong năm 2025 với tần suất và mức độ tổn thất lớn giảm so với năm trước. Tuy nhiên mối lo ngại lớn đến từ nguy cơ tổn thất thiên tai khi tình hình thiên tai diễn biến hết sức phức tạp trong cả năm 2024 và 2025 gây nhiều tổn thất lớn nghiêm trọng cho nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng.

Doanh thu phí bảo hiểm theo Công ty

ĐVT: Nghìn tỷ đồng



DỰ BÁO KINH TẾ, TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM NĂM 2026

Kinh tế thế giới

Trong những tháng đầu năm 2026, kinh tế toàn cầu từng cho thấy sức bật tích cực nhờ làn sóng đầu tư mạnh vào AI và sự khởi sắc của thị trường tài chính, qua đó củng cố kỳ vọng về một kịch bản tăng trưởng ổn định đi kèm lạm phát hạ nhiệt.



Tuy nhiên, triển vọng này nhanh chóng thay đổi sau khi xung đột Trung Đông bùng phát từ cuối tháng 2/2026 với các đợt không kích của Mỹ và Israel nhằm vào Iran, khiến hoạt động vận chuyển dầu qua eo biển Hormuz – tuyến hàng hải huyết mạch chiếm khoảng 20% nguồn cung dầu thô và khí tự nhiên hóa lỏng toàn cầu – gần như tê liệt. Hệ quả là giá dầu tăng mạnh từ khoảng 60 USD/thùng trước xung đột lên quanh mức 100 USD/thùng và có thời điểm chạm ngưỡng 120 USD/thùng, đồng thời lan tỏa sang khí tự nhiên, kim loại và phân bón, qua đó tạo áp lực chi phí trên toàn bộ chuỗi giá trị toàn cầu.

Theo Fitch Ratings, nếu giá dầu duy trì quanh mức 100 USD/thùng, GDP toàn cầu có thể giảm khoảng 0,4% sau một năm, trong khi lạm phát tại Mỹ và châu Âu tăng thêm từ 1,2-1,5 điểm phần trăm. Diễn biến này làm gia tăng nguy cơ "lạm phát kèm suy thoái", khi tăng trưởng suy yếu trong lúc mặt bằng giá cả vẫn neo ở mức cao, gợi nhớ đến cú sốc hậu COVID-19 và giai đoạn xung đột Nga – Ukraine năm 2022. Theo OECD, tăng trưởng toàn cầu được dự báo giảm từ 3,3% của năm trước xuống 2,9% trong năm 2026 trước khi nhích nhẹ lên 3,0% vào năm sau, trong khi kinh tế Mỹ được dự báo chậm lại còn 2,0%.

Trong bối cảnh đó, dư địa điều hành chính sách của nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục thu hẹp. Áp lực lạm

phát từ năng lượng khiến lộ trình giảm lãi suất của các ngân hàng trung ương trở nên thận trọng hơn, trong khi mặt bằng nợ công cao và chi phí vốn tăng lên vẫn tạo sức ép đáng kể lên ngân sách chính phủ.

Bên cạnh đó, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng rõ nét dưới tác động của bảo hộ thương mại, kiểm soát công nghệ và yêu cầu tự chủ chiến lược. Dòng vốn đầu tư và hoạt động sản xuất có xu hướng dịch chuyển sang các trung tâm có lợi thế về ổn định chính trị, chi phí cạnh tranh và kết nối logistics, qua đó định hình lại bản đồ thương mại và tăng trưởng khu vực trong trung hạn.

Về xã hội và công nghệ, tác động của AI ngày càng rõ nét khi vừa thúc đẩy năng suất, vừa làm thay đổi thị trường lao động, gia tăng áp lực về thất nghiệp công nghệ, bất bình đẳng kỹ năng và an sinh xã hội. Đồng thời, cạnh tranh công nghệ và dữ liệu khiến quản trị số, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu ngày càng trở thành cấu phần cốt lõi của an ninh quốc gia.

Nhìn tổng thể, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2026 không chỉ phụ thuộc vào đổi mới sáng tạo, đầu tư hay tiêu dùng, mà ngày càng phụ thuộc vào năng lực quản trị rủi ro và khả năng hấp thụ cú sốc của các chính phủ và định chế tài chính trong một môi trường toàn cầu nhiều biến số.

DỰ BÁO KINH TẾ, TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM NĂM 2026

Kinh tế vĩ mô Việt Nam

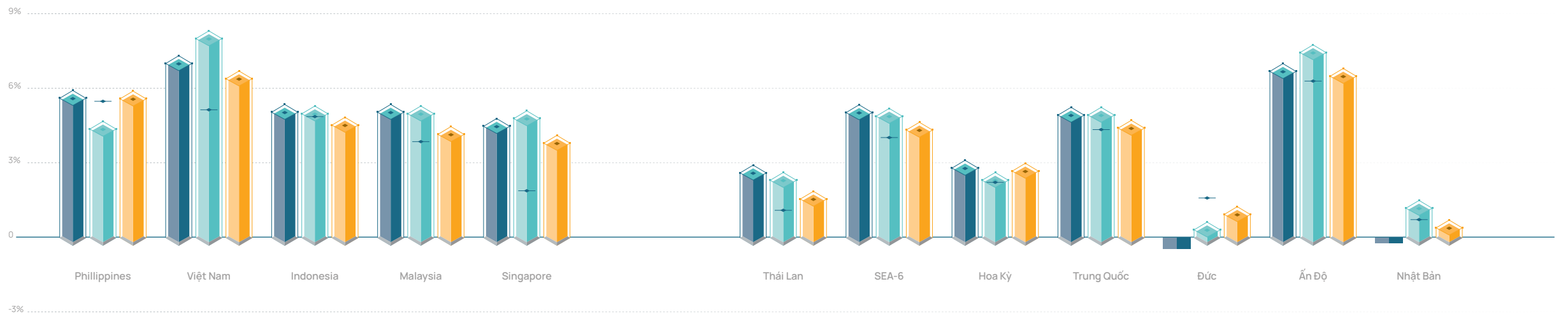
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động do bất ổn địa chính trị và thương mại, Việt Nam vẫn được đánh giá là điểm sáng với dự báo tăng trưởng tích cực từ nhiều tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, khoảng cách giữa kỳ vọng tăng trưởng cao và các dự báo hiện hữu tiếp tục đặt ra yêu cầu cấp thiết về cải cách cơ cấu và nâng cao năng lực thực thi trong năm 2026 và giai đoạn 2026–2030.

Thực tế những năm gần đây cho thấy, nền kinh tế Việt Nam duy trì được sự ổn định, khả năng chống chịu và phục hồi khá tốt. Năm 2024, GDP tăng 7,09% - cao hơn dự báo ban đầu. Năm 2025, tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 8,02% - chỉ thấp hơn mức tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 - 2025. Vì vậy, dư địa tăng trưởng của nền kinh tế vẫn còn.

Theo các chuyên gia kinh tế, trên nền tảng tích cực của năm 2025 và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cùng với dự báo kinh tế vĩ mô năm 2026 tiếp tục được duy trì ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, niềm tin của người dân và doanh nghiệp được củng cố, Việt Nam có đủ điều kiện để bút phá tăng trưởng trong năm 2026.



Tăng trưởng GDP tại các Quốc gia SEA-6 và một số Quốc gia khác trên thế giới



Nguồn: Moody's Analytics, Nghiên cứu Cushman & Wakefield, Dữ liệu thu thập vào tháng 01/2026

Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026, Chính phủ xác định 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm bao gồm:

- Hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;
- Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát;
- Tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh phân cấp và siết chặt kỷ luật hành chính;
- Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng năng suất, khoa học công nghệ và kinh tế xanh;
- Phát triển hạ tầng chiến lược, hạ tầng số và các dự án liên vùng quy mô lớn;
- Tạo đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội;
- Thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Tăng cường liên kết vùng, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị;
- Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội;
- Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế Việt Nam;
- Tăng cường truyền thông chính sách, khơi dậy động lực đổi mới sáng tạo.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Thị trường bảo hiểm Việt Nam hưởng lợi lớn từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026 – 2030 và được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực hai con số trong năm 2026 nhờ tăng trưởng mạnh đầu tư toàn xã hội (bao gồm cả đầu tư công và nguồn vốn đến từ khu vực ngoài ngân sách) cũng như các chính sách thúc đẩy mạnh tiêu dùng nội địa và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Các nghiệp vụ chủ lực như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tài sản – kỹ thuật sẽ đóng vai trò động lực tăng trưởng chính của thị trường. Quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong khai thác, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Tuy nhiên, thị trường bảo hiểm Việt Nam cũng được dự đoán sẽ tiếp tục phải đối mặt với không ít thách thức như tình trạng cạnh tranh về giá phí, biến động kinh tế vĩ mô cũng như những nguy cơ thường trực và tiềm tàng từ các rủi ro thiên tai, vốn xuất hiện ngày càng nhiều và mức độ ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng. Thị trường cũng dự kiến sẽ phải đối mặt với những sức ép lớn từ những biến động phức tạp của tình hình kinh tế chính trị quốc tế (chính sách thuế quan, xung đột địa- chính trị..).



Xu hướng "soft" của thị trường tái bảo hiểm trong hai năm trở lại đây cũng được xem là một cơ hội ngắn hạn để các doanh nghiệp bảo hiểm tối ưu chí phí và tăng trưởng doanh thu trong năm 2026 song cũng đòi hỏi các doanh nghiệp quản trị khai thác và kiểm soát rủi ro một cách thận trọng trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt.

TOÀN CẢNH RỦI RO

CỦA VINARE



VINARE

Các rủi ro chính

1.

Rủi ro bảo hiểm

- Tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ cao: mức phí thu được từ các hợp đồng tái bảo hiểm không đủ để chi trả bồi thường và bù đắp chi phí hoạt động của Tổng công ty.
- Rủi ro liên quan đến trích lập dự phòng bồi thường: Trích lập dự phòng bồi thường không đầy đủ, không chính xác, không tuân thủ phương pháp đã đăng ký và được cơ quan quản lý phê duyệt.
- Rủi ro liên quan đến thảm họa: Là rủi ro khi tỷ lệ bồi thường thực tế lớn do có sự kiện thảm họa xảy ra như thiên tai, diễn biến thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tổn thất đặc biệt lớn.

2.

Rủi ro thị trường tài chính

- Rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với các khoản đầu tư có lãi cố định như tiền gửi, trái phiếu.
- Rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường đối với các hoạt động thanh toán nhận tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm.
- Rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu, chứng khoán phái sinh, góp vốn cổ phần đang thực hiện.
- Rủi ro không tương xứng về thời hạn của tài sản đầu tư và trách nhiệm phải trả phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm.



3.

Rủi ro hoạt động

- Rủi ro liên quan đến việc thiết lập không đầy đủ và không tuân thủ các quy định nội bộ và quy trình nghiệp vụ.
- Rủi ro pháp lý.
- Rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.
- Rủi ro liên quan đến gián đoạn kinh doanh.

4.

Rủi ro đối tác

- Rủi ro liên quan đến việc đối tác không thực hiện được các cam kết thanh toán trong hoạt động tái bảo hiểm và trong hoạt động đầu tư của Tổng công ty.

5.

Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro Tổng công ty không có đủ tiền để đáp ứng được khả năng thanh toán cho các khoản phải trả đến hạn.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng kinh doanh

- Đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm, tăng cường quan hệ đối tác trong và ngoài nước để tăng trưởng doanh thu bền vững;
- Tăng cường cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho thị trường để hỗ trợ thị trường phát triển bền vững;
- Đảm bảo chính sách khai thác khuyến khích việc quản trị rủi ro tốt và không hỗ trợ các rủi ro có tác động xấu tới môi trường;
- Đảm bảo chính sách đầu tư tài chính hướng tới các tài sản đầu tư thân thiện với môi trường;
- Đảm bảo thu nhập ổn định và chính sách phúc lợi ngày càng gia tăng cho người lao động;
- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông người dân và doanh nghiệp;
- Tăng cường trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

Kế hoạch và lộ trình triển khai ESG

Định hướng ESG trong bối cảnh mới

Việc tích hợp các yếu tố ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) vào hoạt động quản trị và kinh doanh đã được VINARE triển khai từ năm 2023, trong bối cảnh thị trường bảo hiểm – tài chính toàn cầu ngày càng đề cao phát triển bền vững, quản trị rủi ro dài hạn và trách nhiệm với môi trường – xã hội.

MÔI TRƯỜNG

XÃ HỘI

QUẢN TRỊ



Giai đoạn 2025–2030 cho thấy yêu cầu ESG không còn chỉ mang tính định hướng mà đã trở nên cấp bách trong trung hạn. Điển hình, Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 về các giải pháp bảo vệ môi trường tại Hà Nội đã đặt ra lộ trình hạn chế và tiến tới loại bỏ phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch từ 2026 đến 2030, cho thấy mục tiêu giảm phát thải đang được cụ thể hóa bằng các biện pháp hành chính có tác động trực tiếp đến vận hành, đầu tư và chiến lược doanh nghiệp.

Song song với yêu cầu từ chính sách, ESG ngày càng trở thành tiêu chí quan trọng trong quyết định đầu tư và phân bổ vốn. Tại Diễn đàn ESG Việt Nam 2025, ESG được nhìn nhận như một tư duy kinh doanh cốt lõi, gắn với năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận nguồn vốn, đặc biệt là FDI và vốn xanh. Cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức quốc tế như IFC đang thúc đẩy hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn thực hành ESG trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm, cho thấy xu hướng dòng vốn ngày càng ưu tiên các tiêu chí phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, việc VINARE rà soát và điều chỉnh lộ trình ESG năm 2025 là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm phù hợp với chính sách mới, xu hướng thị trường và thông lệ quốc tế. Mục tiêu xuyên suốt là từng bước giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới trung hòa carbon dài hạn, đồng thời bảo đảm tuân thủ pháp luật và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững và tài chính xanh.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kế hoạch phát triển bền vững của VINARE



Trên cơ sở đánh giá các yếu tố môi trường, xã hội và chính sách có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động tái bảo hiểm, VINARE đã rà soát lại cách tiếp cận ESG hiện hữu, đồng thời Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững đã trình Hội đồng Quản trị lộ trình triển khai ESG cho giai đoạn tiếp theo. Lộ trình này không chỉ mang tính kế thừa những nền tảng đã được hình thành, mà còn điều chỉnh trọng tâm và mức độ triển khai để phù hợp hơn với bối cảnh mới và định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Từ lộ trình tổng thể đã được xem xét, VINARE tiếp tục cụ thể hóa thành các kế hoạch triển khai chi tiết theo từng trụ cột, nhằm đảm bảo ESG được tích hợp một cách thực chất vào hoạt động vận hành, nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm và chiến lược đầu tư trong các năm tới.

VẬN HÀNH



Hạng mục	Mục tiêu & Giải pháp	Thời gian thực hiện
Phân loại rác	Bố trí thùng rác phân loại (hữu cơ – vô cơ) tại toàn bộ các tầng tòa nhà	Năm 2026
Tiết giảm nhiên liệu hóa thạch	Chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang ô tô điện	2025 - 2030
Tiết kiệm điện năng	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái tòa nhà	Năm 2027
Hệ thống điều hòa - máy lạnh	Rà soát hiệu suất, thay thế dẫn bằng thiết bị đạt chuẩn tiết kiệm năng lượng	2025 - 2030
Quản lý chai thủy tinh tái sử dụng	Gắn nhãn hạn sử dụng trực tiếp lên từng chai (ví dụ: SD trước tháng/năm) để kiểm soát vòng đời sử dụng; đến ngưỡng thời gian nhất định thì loại bỏ, tránh tái sử dụng quá mức gây mất an toàn. Đồng thời, rà soát toàn bộ quy trình đun rửa, vệ sinh chai thủy tinh để đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn sử dụng nội bộ.	Triển khai từ 2025, rà soát định kỳ

NGHIỆP VỤ



Hạng mục	Mục tiêu & Giải pháp	Thời gian thực hiện
Lồng ghép yếu tố ESG trong đánh giá rủi ro	Xây dựng bộ tiêu chí ESG cho khách hàng; yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến môi trường – xã hội – quản trị khi tham gia nhận tái	2025 - 2026
Tăng doanh thu nhận tái từ các lĩnh vực ESG-positive	Tăng doanh thu nhận tái từ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tòa nhà xanh...	2027 - 2030

ĐẦU TƯ



Hạng mục	Mục tiêu & Giải pháp	Thời gian thực hiện
Đầu tư có trách nhiệm	Rà soát lại danh mục đầu tư, loại bỏ dần các khoản đầu tư vào lĩnh vực ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường	2025 - 2028
Tăng tỷ trọng đầu tư xanh	Ưu tiên đầu tư vào trái phiếu xanh, quỹ ESG, dự án năng lượng tái tạo, công trình xanh	2026 - 2040

ESG gắn với quản trị rủi ro và hiệu quả dài hạn

Việc rà soát và điều chỉnh lộ trình ESG trong năm 2025 phản ánh cách tiếp cận thận trọng và linh hoạt của VINARE trước những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, chính sách và thị trường vốn.



ESG tại VINARE không được nhìn nhận như một tập hợp các cam kết tĩnh, mà là một quá trình tiến hóa liên tục, gắn với yêu cầu quản trị rủi ro, hiệu quả hoạt động và tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Các nội dung triển khai trong giai đoạn tới tập trung vào việc chuyển từ định hướng và nguyên tắc chung sang các hành động cụ thể, có thể đo lường và theo dõi, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trên cơ sở đó, VINARE từng bước nâng cao mức độ tích hợp ESG trong các quyết



định vận hành, nhận tái bảo hiểm và đầu tư, qua đó góp phần định hướng thị trường theo hướng an toàn, bền vững và có trách nhiệm hơn.

Trong thời gian tới, lộ trình ESG sẽ tiếp tục được cập nhật và hoàn thiện, phù hợp với các yêu cầu pháp lý mới, thông lệ quốc tế và chiến lược phát triển của VINARE, nhằm đảm bảo doanh nghiệp duy trì vị thế tiên phong và khả năng thích ứng trước các thách thức dài hạn của thị trường.

KẾT QUẢ[?]

HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH 2025
& KẾ HOẠCH
KINH DOANH 2026



CHƯƠNG

03

54 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

62 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

Năm 2025, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) duy trì kết quả kinh doanh tích cực và ổn định, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra.



Hiệu quả khai thác tái bảo hiểm tiếp tục được củng cố, trong khi hoạt động đầu tư tài chính được điều hành thận trọng, góp phần vào kết quả kinh doanh chung. Năng lực tài chính và khả năng thanh toán của Tổng công ty được giữ vững, đi kèm với việc tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Kết quả này tạo nền tảng thuận lợi để VINARE tiếp tục ổn định hoạt động và phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.



BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Năm 2025 khép lại với nhiều dấu ấn tăng trưởng tích cực của kinh tế Việt Nam, bất chấp bối cảnh kinh tế – chính trị quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Với mức tăng trưởng GDP vượt 8%, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao hàng đầu thế giới, cùng với lạm phát được kiểm soát hiệu quả và các cân đối vĩ mô lớn duy trì ổn định, nền kinh tế trong nước đã tạo nền tảng quan trọng cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, với sự ủng hộ liên tục và quan trọng của các cổ đông lớn, sự quyết tâm, chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ, người lao động, VINARE đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2025 được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao. Bên cạnh việc tập trung



phát triển mảng nghiệp vụ cốt lõi, VINARE đã chủ động triển khai nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước.

Thị trường bảo hiểm Việt Nam bắt đầu ghi nhận những dấu hiệu phục hồi nhẹ sau giai đoạn giảm tốc của năm 2023 - 2024. Tuy vậy, thị trường vẫn mang màu sắc đan xen giữa thách thức và cơ hội. Bảo hiểm nhân thọ phục hồi chậm, doanh thu nhìn chung ghi nhận mức tăng trưởng thấp và gần như đi ngang so với năm 2024. Niềm tin của người tiêu dùng đang cải thiện nhưng vẫn chưa hoàn toàn ổn định, đặc biệt trong nhóm sản phẩm đầu tư. Trong khi đó, bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục thể hiện sự bền bỉ, đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của thị trường, với doanh thu phí bảo hiểm tăng khoảng 11%. Tăng trưởng chủ yếu đến từ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới – hai phân khúc duy trì nhu cầu cao và một số sản phẩm bảo hiểm cá nhân.

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	So với kế hoạch	Thực hiện 2024	Tăng trưởng
Doanh thu	3.870.280	3.594.000	107,7%	3.319.927	116,6%
Doanh thu phí bảo hiểm (*)	3.410.066	-	-	2.900.584	117,6%
Thu nhập hoạt động đầu tư và hoạt động khác	460.214	-	-	419.343	109,8%
Lợi nhuận trước thuế	507.813	503.000	101,0%	465.332	109,1%

(*) Doanh thu phí bảo hiểm = Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm – Dự phòng phí nhận chưa được hưởng

Năm 2025, VINARE ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, vượt kế hoạch và duy trì đà tăng trưởng so với năm trước. Doanh thu đạt 3.870 tỷ đồng, hoàn thành 107,7% kế hoạch và tăng 16,6% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả chung trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.

Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm đạt 3.410 tỷ đồng, tăng 17,6% so với năm trước, cho thấy hoạt động nhận tái bảo

hiểm duy trì quy mô và chất lượng tăng trưởng ổn định. Thu nhập từ hoạt động đầu tư và các hoạt động khác đạt 460 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ, góp phần bổ trợ tích cực cho kết quả chung.

Trên cơ sở đó, lợi nhuận trước thuế đạt 507,8 tỷ đồng, vượt nhẹ kế hoạch (101,0%) và tăng 9,1% so với năm 2024, thể hiện nỗ lực của VINARE trong việc cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát hiệu quả, an toàn tài chính.

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm



Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt

3.660 TỶ ĐỒNG

↑ 16,1% so với năm trước

Nghiệp vụ Tài sản là nguồn đóng góp lớn trong doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, chiếm khoảng 27,2% tổng phí. Tăng trưởng doanh thu phí của nghiệp vụ này chưa đạt kỳ vọng do cạnh tranh trên thị trường tiếp tục gay gắt, nhiều dịch vụ không được đưa vào các hợp đồng nhận tái vì không đáp ứng điều kiện nhận tái tối thiểu (minimum underwriting conditions).

Nghiệp vụ Hồn hợp và khác chiếm tỷ trọng 45,9% trong doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và tăng trưởng gần 48% so với năm trước.

Nghiệp vụ Hàng hải đóng góp 17,3% trong doanh thu phí nhận tái bảo hiểm. Trong đó mảng Hàng hóa bị ảnh hưởng bởi tình hình cạnh tranh gia tăng trên thị trường khiến tỷ lệ phí giảm mạnh. Ở chiều ngược lại, Nghiệp vụ Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I) ghi nhận sự tăng trưởng của đội tàu thuộc các doanh nghiệp tư nhân.

Nghiệp vụ Kỹ thuật đã trải qua một năm khó khăn do thị trường bảo hiểm Kỹ thuật suy giảm sau giai đoạn tăng trưởng nóng từ giữa năm 2022 đến năm 2024. Mặt bằng phí của thị trường giảm mạnh, đồng thời nhiều dự án chưa được triển khai do ảnh hưởng của quá trình tái cấu trúc các đơn vị hành chính. Doanh thu phí nhận của nghiệp vụ chỉ bằng 83% so với năm trước.

Số chi bồi thường thực trả (chi bồi thường – thu bồi thường) tăng 107 tỷ, tương đương 18,7% so với cùng kỳ năm trước

Nghiệp vụ Tài sản có số chi bồi thường thực trả thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 34% so với 2024 do 2025 thanh toán nhiều tổn thất lớn và nhiều tổn thất thuộc mức giữ lại của VINARE. Nghiệp vụ Kỹ thuật có số chi bồi thường thực trả thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 33% so với 2024, chủ yếu do thanh toán một số tổn thất lớn thuộc bảo Yagi và một số tổn thất lớn có tỷ lệ giữ lại cao. Các nghiệp vụ Hồn hợp có số chi bồi thường thực trả thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 21% so với cùng kỳ 2024 do 2025 tăng quy mô khai thác, nhận thêm nhiều hợp đồng mới. Nghiệp vụ Hàng hóa có số chi bồi thường thực trả tăng 15% so với cùng kỳ 2024 do đã thanh toán phần lớn các tổn thất Yagi.

Dự phòng bồi thường tại thời điểm 31/12/2025 tăng 151,7 tỷ đồng so với 31/12/2024, chủ yếu do phát sinh một số vụ tổn thất lớn của nghiệp vụ Thân tàu, Hàng hóa cùng với ảnh hưởng của các cơn bão xảy ra vào cuối năm 2025 (Bualoi, Matmo, Kalmaegi, Fengshen) và trận lụt ở miền Trung gây ra nhiều tổn thất Tài sản và Kỹ thuật.

Tổn thất do thiên tai

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Sự kiện	100% tổn thất	Trách nhiệm nhận của VINARE	Trách nhiệm giữ lại của VINARE
2024	Bão Yagi	5.329.980	540.148	303.392
	Bão Bualoi	327.953	36.263	17.613
	Bão Matmo	165.499	16.936	5.017
2025	Bão Kalmaegi	106.257	16.609	10.448
	Bão Fengshen	32.174	1.978	1.602
	Lũ lụt ở miền Trung và Nam Trung bộ	506.285	71.514	36.798
Tổng cộng		1.138.168	143.299	71.478



Kết quả hoạt động đầu tư tài chính 2025

Đánh giá phân bổ tài sản đầu tư 2025

Tổng tài sản đầu tư đến 31/12/2025 đạt 5.937 tỷ đồng, tăng 412 tỷ đồng (+7,5%) so với đầu năm.

Việc phân bổ tài sản đầu tư của VINARE tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ và định hướng phân bổ tài sản đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

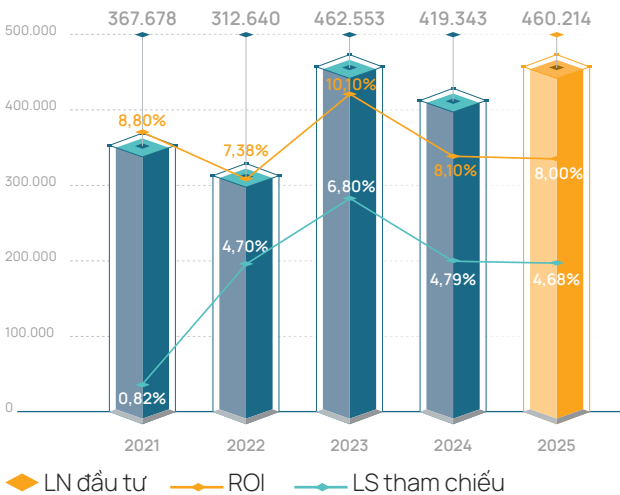
Kết quả hoạt động đầu tư 2025

Môi trường đầu tư diễn biến phức tạp do các yếu tố kinh tế vĩ mô và địa chính trị đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập hoạt động đầu tư năm 2025 của VINARE. Để hạn chế bớt rủi ro, gia tăng hiệu quả, VINARE đã tiến hành cơ cấu lại danh mục tiền gửi và trái phiếu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong dài hạn.



Lợi nhuận danh mục đầu tư giai đoạn 2021 - 2025

Đơn vị: triệu đồng, %



Đánh giá tình hình tài chính

Tài sản hợp nhất

Tổng tài sản hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty đạt **9.616** tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2024 (8.777 tỷ đồng). Tài sản đầu tư tiếp tục là danh mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của VINARE, chiếm tỷ lệ 63,8% (năm 2024 là 65,5%).

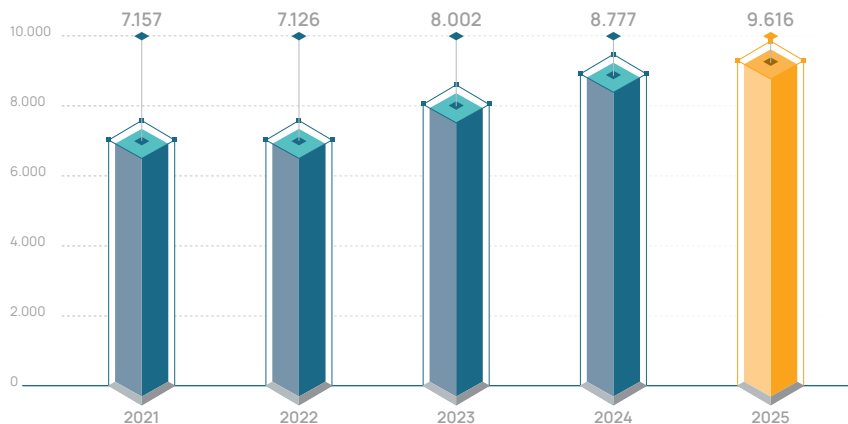
Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2021 - 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Danh mục tài sản	2025		2024		2023		2022		2021	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Đầu tư dài hạn	2.780	28,91	3.242	36,94	2.279	28,49	1.948	27,33	1.676	23,42
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.351	34,85	2.359	26,88	2.655	33,18	2.448	34,36	2.556	35,71
Tài sản tái bảo hiểm	1.756	18,26	1.699	19,35	1.504	18,79	1.441	20,22	1.618	22,61
Phải thu ngắn hạn, dài hạn	863	8,97	796	9,07	1.072	13,39	759	10,65	775	10,83
Tài sản khác	867	9,01	681	7,76	492	6,15	530	7,44	532	7,43
Cộng	9.616	100	8.777	100	8.002	100	7.126	100	7.157	100

Tổng tài sản hợp nhất theo khoản mục chính (2021-2025)

ĐVT: Tỷ đồng



Nguồn vốn hợp nhất

Quy mô Nguồn vốn

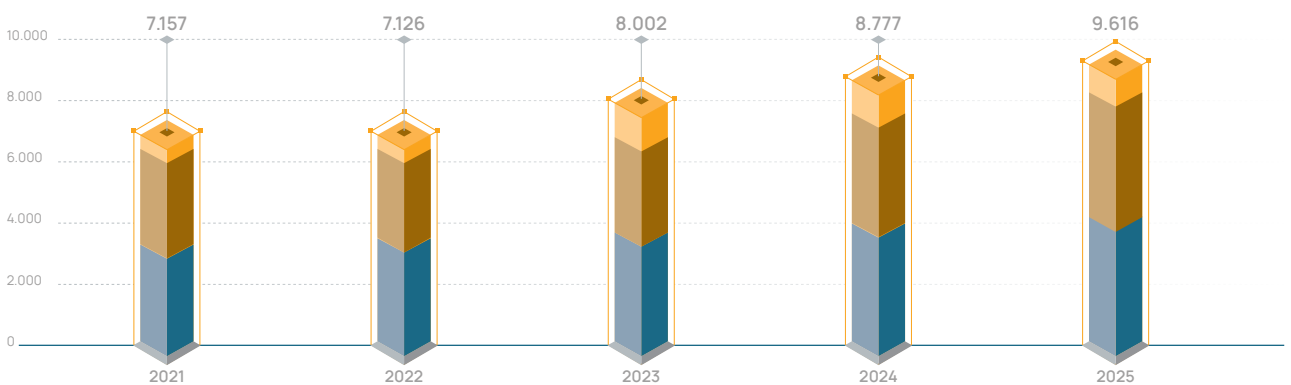
Số liệu nguồn vốn hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

	2025		2024		2023		2022		2021	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Vốn chủ sở hữu	4.188	44	3.944	45	3.717	46	3.457	49	3.286	46
Dự phòng nghiệp vụ	4.159	43	3.733	43	3.117	39	2.938	41	3.137	44
Các khoản phải trả	1.269	13	1.100	12	1.168	15	731	10	734	10
Cộng	9.616	100	8.777	100	8.002	100	7.126	100	7.157	100

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2021-2025

ĐVT: Tỷ đồng



Nguồn vốn chủ sở hữu hợp nhất năm 2025 đạt 4.188 tỷ đồng, tăng 244 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Quỹ dự phòng nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm tăng 426 tỷ đồng. Tổng công ty luôn tuân thủ việc trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo các phương pháp đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, thể hiện trách nhiệm và các cam kết của Tổng công ty với khách hàng được đảm bảo.

Biên khả năng thanh toán

Biên khả năng thanh toán của VINARE được tính toán dựa trên quy định tại các điều 63, 64, 65 Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Điều 20 Thông tư số 50/2017/TT-BTC:

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu là số lớn hơn của các kết quả tính toán sau**
 - 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;
 - 12,5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản (sau khi giảm trừ giá trị) và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2025	2024
1	Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	3.884	3.657
2	Giá trị tài sản bị loại trừ tính biên khả năng thanh toán	1.391	1.049
3	Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty	2.493	2.608
4	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	531	435
5	So sánh (3) và (4)		
	• Giá trị tuyệt đối	1.962	2.173
	• Tỷ lệ phần trăm	469%	599%

Biên khả năng thanh toán của VINARE cao gấp nhiều lần so với Biên khả năng thanh toán tối thiểu, vượt xa so với yêu cầu của quy định hiện hành.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

Các chỉ tiêu môi trường

Xin tham khảo Chương V – Các tiêu chuẩn về môi trường.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Xin tham khảo Chương V – Các tiêu chuẩn về xã hội.

Trách nhiệm đối với cộng đồng

Xin tham khảo Chương V – Phân tích các tác động của VINARE liên quan đến phát triển bền vững – Tác động đến sự phát triển của xã hội.

Phương hướng nhiệm vụ

và Kế hoạch kinh doanh 2026

Dự báo tình hình kinh tế 2026


Xin tham khảo Chương II – Môi trường kinh doanh – Dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam 2026.

Dự báo tình hình thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm 2026

Xin tham khảo Chương II – Môi trường kinh doanh – Triển vọng thị trường bảo hiểm Việt Nam 2026.


Định hướng Mục tiêu giai đoạn 2025-2029

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

- 


Định hướng chung:

hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả lâu dài của doanh nghiệp; đảm bảo quyền lợi tối ưu của cổ đông, người lao động và các đối tác đồng hành với VINARE; hướng đến xếp hạng tín nhiệm quốc tế “A-” hoặc cao hơn khi có điều kiện thuận lợi.




Trong lĩnh vực kinh doanh Tái bảo hiểm:

Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cẩn trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số.



Trong lĩnh vực đầu tư:

Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An Toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.



Tổng quan về VINARE

Môi trường kinh doanh & chiến lược kinh doanh

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025 & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2026

Quản trị Công ty

Phát triển bền vững

Báo đạo tài chính

61

KẾ HOẠCH DOANH THU 2026

4.266

TỶ ĐỒNG

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2026

560

TỶ ĐỒNG

TỶ LỆ CỔ TÚC 2026 DỰ KIẾN

10%

BẰNG TIỀN

Kế hoạch kinh doanh 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	Tăng trưởng
Doanh thu (bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Thu nhập hoạt động đầu tư và hoạt động khác)	4.266.000	3.870.280	10,2%
Lợi nhuận trước thuế	560.000	507.813	10,3%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền 5% bằng cổ phiếu	10% bằng tiền 5% bằng cổ phiếu	

(*) Các chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 của VINARE được xây dựng dựa trên một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2026 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025:

Chỉ tiêu	Nghị quyết số 244/2025/QH15
Tăng trưởng GDP	Từ 10% trở lên
GDP bình quân đầu người	5.400 – 5.500 USD
Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	Khoảng 4,5%
Đầu tư công	1.008,3 nghìn tỷ đồng

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE



Dưới sự lãnh đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt và linh hoạt của Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết và nỗ lực không ngừng của tập thể Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên, VINARE đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2025, tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu số một trên thị trường tái bảo hiểm Việt Nam. Song song với việc thúc đẩy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, VINARE luôn chú trọng bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản trị và điều hành doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, các quy chế quản trị nội bộ và hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty phù hợp với thực tế hoạt động của VINARE.



Chủ tịch Hội đồng quản trị - ông Nguyễn Anh Tuấn đánh giá rằng những kết quả tích cực mà VINARE đạt được trong năm 2025 là kết tinh của sự đồng thuận và gắn kết trong nội bộ, bắt đầu từ vai trò định hướng của Hội đồng quản trị, sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, sự giám sát của Ban Kiểm soát, cùng với sự ủng hộ, tin tưởng và đồng hành quý báu của các cổ đông lớn và các đối tác đồng hành gắn bó với VINARE trong suốt thời gian qua. VINARE tự hào và tự tin khẳng định vai trò nhà tái bảo hiểm quốc gia (National Reinsurer), không chỉ theo đuổi lợi ích

của doanh nghiệp mà còn chủ động đóng góp vào sự phát triển an toàn, bền vững của toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam. Trong nhiều năm qua, VINARE đã và đang giữ vai trò là cầu nối quan trọng trong hợp tác quốc tế, đồng thời là đầu mối cung cấp thông tin khách quan, trung lập và có giá trị tham chiếu cho thị trường. Theo đó, VINARE xác định rằng phát triển bền vững chỉ có thể đạt được khi doanh nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định, nhận được sự ủng hộ lâu dài của cổ đông và xây dựng được đội ngũ người lao động gắn bó, đồng hành cùng sự phát triển của Tổng công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực, tinh thần trách nhiệm và sự chủ động của Tổng công ty trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị, điều hành, qua đó hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025, đặc biệt là các chỉ tiêu trọng yếu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế. Những kết quả tích cực này đã khẳng định hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành, đồng thời giúp Tổng công ty hoàn thành đầy đủ các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cùng với kết quả kinh doanh khả quan, năng lực cạnh tranh của VINARE tiếp tục được củng cố và nâng tầm, thể hiện ở việc duy trì

vững chắc vị thế doanh nghiệp tái bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư bài bản, đồng bộ, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả khai thác nghiệp vụ và khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường trong nước và quốc tế. Đây là nền tảng quan trọng để Tổng công ty tiếp tục mở rộng hợp tác, phát triển bền vững và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị ghi nhận Tổng công ty đã chấp hành nghiêm túc và đầy đủ các quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, cũng như các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong quá trình quản trị và điều hành. Công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao tính minh bạch, kỷ cương và hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của VINARE trong các giai đoạn tiếp theo.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã nghiêm túc, chủ động và trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bảo đảm các quyết định quản trị chiến lược được cụ thể hóa kịp thời trong công tác điều hành và tổ chức thực hiện. Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành đã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và Kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tăng cường kiểm soát rủi ro và tuân thủ pháp luật.

Ban Điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời chủ động, tích cực tham gia ý kiến, báo cáo và giải trình các nội dung liên quan, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của Tổng công ty. Các đề xuất, kiến nghị của Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị đều được chuẩn bị nghiêm túc, có cơ sở thực tiễn,



được Hội đồng quản trị nghiên cứu, thảo luận kỹ lưỡng và có ý kiến chỉ đạo kịp thời, bảo đảm tính hiệu quả và thống nhất trong chỉ đạo, điều hành.

Tổng Giám đốc đã chỉ đạo nghiêm túc việc tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, đồng thời yêu cầu đội ngũ cán bộ quản lý các cấp chấp hành đầy đủ, kịp thời các quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty và các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết, qua đó góp phần duy trì kỷ cương, nâng cao hiệu quả quản trị và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định, bền vững của VINARE.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE



Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty cũng như đã có những giải pháp thích ứng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh:

- Về kinh doanh tái bảo hiểm: chú trọng kết nối, hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm để tăng cường khai thác, tối ưu hóa năng lực nhận tái bảo hiểm, tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả;
- Về kết nối thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế: tổ chức thành công Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 9; phát hành định kỳ Bản tin Bảo hiểm – Tái Bảo hiểm song ngữ Anh – Việt;
- Về hoạt động đầu tư: đảm bảo an toàn, hiệu quả trong bối cảnh lãi suất tiến gửi ở mức thấp trong hầu hết thời gian của năm 2025, đề xuất và thực thi giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư; tiếp tục chú trọng công tác giám sát, xử lý phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp mà VINARE góp vốn;
- Về kiểm soát tuân thủ: thực hiện chương trình kiểm toán nội bộ theo kế hoạch; chú trọng đến việc kiểm soát tuân thủ và quản lý rủi ro thông qua cập nhật khung quản trị rủi ro ERM, rà soát, tư vấn pháp lý đối với các vấn đề phát sinh;
- Về thể chế, quy trình, quy chế và quản trị nội bộ: ban hành Bộ Quy tắc về Văn hóa doanh nghiệp; sửa đổi Hướng dẫn khai thác tái bảo hiểm tạm thời, hướng dẫn giải quyết bồi thường;
- Về công tác tổ chức-nhân sự: bổ nhiệm lại đối với các vị trí lãnh đạo cấp cao (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc) và các cán bộ quản lý đến hạn, thực hiện quy trình bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc Ban; bổ sung quy hoạch chức danh Phó Tổng giám đốc, cập nhật Danh sách quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT; đồng thời đã hoàn thành rà soát, tái cấu trúc bộ máy để nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Về cơ sở vật chất: đã thực hiện cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc và cho thuê, trang thiết bị đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu công việc; dần triển khai các công việc liên quan đến dự án trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động theo yêu cầu mới của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị
thông qua và chỉ đạo
Tổng công ty thực hiện
kế hoạch kinh doanh
và các nhiệm vụ trọng tâm
trong năm 2026 như sau:

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2026 và các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029.
- Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới.
- Tăng cường cung cấp giải pháp/ năng lực Tái bảo hiểm cho thị trường.
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
- Tiếp tục đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
- Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường).
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm của AM Best.
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
- Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.
- Thực hành quản trị công ty đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, áp dụng theo thông lệ tốt và hướng tới vượt trên sự tuân thủ.



QUẢN TRỊ?

CÔNG TY



CHƯƠNG

04

- 68 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 73 Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- 74 Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị
- 84 Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro

- 88 Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- 94 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
- 95 Quan hệ cổ đông, thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thù lao và các khoản lợi ích
- 101 Hệ thống kiểm soát nội bộ

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI VINARE



Quản trị công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để VINARE nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ.



Nguyên tắc và giá trị cốt lõi của quản trị công ty tại VINARE

(NGUYÊN TẮC 1.6 VÀ 7.2 - VNCG CODE 2026)

Dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, VINARE đã nghiêm túc tuân thủ và triển khai đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty bao gồm Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Song song với việc tuân thủ quy định pháp luật, VINARE đã từng bước tiếp cận và áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty Việt Nam 2026 (VNCG Codes 2026), Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (G20-OECD) và Thê điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN (ACGS).

Các nguyên tắc quản trị liên quan đến:

1. Quyền của cổ đông;
2. Đối xử bình đẳng với cổ đông;
3. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan;
4. Công bố thông tin và minh bạch;
5. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

Đã được VINARE chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề để phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu rộng hơn như nâng cao niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tiếp cận thị trường vốn và mở rộng phạm vi hoạt động trên thị trường khu vực và quốc tế.

Các Nguyên tắc quản trị tại VINARE

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên có lợi ích liên quan;
- Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp;
- Đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, VINARE đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên có lợi ích liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Các nguyên tắc quản trị công ty được VINARE quán triệt thực hiện cụ thể như sau:

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị (HĐQT)

1. Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT;
2. Thiết lập một HĐQT có năng lực và tính chuyên nghiệp cao;
3. Đảm bảo tính độc lập của HĐQT;
4. Thiết lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT;
5. Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT;
6. Thiết lập và duy trì Văn hóa đạo đức VINARE;

Môi trường kiểm soát

7. Thiết lập khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động kiểm toán nội bộ;

Công bố thông tin và minh bạch

8. Đảm bảo hoạt động công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch;

Quyền của cổ đông

9. Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông;

Quan hệ với các bên hữu quan

10. Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI VINARE

Cam kết về trách nhiệm của Hội đồng quản trị

(NGUYÊN TẮC 1.1 - VNCG CODE 2026)



Mô hình quản trị doanh nghiệp của VINARE được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề trọng yếu liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.

BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ Hội đồng quản trị, đảm bảo việc giải trình của Hội đồng quản trị trước công ty và các cổ đông.

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của VINARE.

Mô hình quản trị công ty bền vững của VINARE được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị của VINARE có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Chuẩn mực quản trị quốc tế

Hướng tới việc tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thệ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của đối tác chiến lược nước ngoài.

Phù hợp thông lệ và pháp luật Việt Nam

Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy định về quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, rà soát và điều chỉnh kịp thời theo các thay đổi và cập nhật về chính sách và quy định.

Áp dụng thống nhất trên toàn VINARE

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

Khung quản trị doanh nghiệp của VINARE

(NGUYÊN TẮC 1.2 - VNCG CODE 2026)

Khung quản trị doanh nghiệp của VINARE bao gồm các cấu phần sau:

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thủ lao cho HĐQT
- Kế hoạch kế nhiệm

Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
- Ủy ban Chiến lược và phát triển bền vững
- Ủy ban Nhân sự và Thủ lao
- Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro
- Đánh giá hoạt động của HĐQT, các Ủy ban, từng thành viên

Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của VINARE và hiệu quả quản trị
- Chiến lược Công nghệ thông tin
- Quản lý nguồn nhân lực

Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả

- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

Minh bạch & Công bố thông tin

- Báo cáo tài chính
- Quan hệ cổ đông
- Công bố thông tin

Trách nhiệm của VINARE (xã hội, đạo đức & môi trường)

- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên/An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY TẠI VINARE



Các danh hiệu và thành tích về Quản trị công ty
đã đạt được trong năm 2025

- Top 10** Doanh nghiệp quản trị công ty nhóm Vốn hóa vừa, Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA).

Top 10 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt của HNX (11/2025).

Các danh hiệu tại Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty lần thứ 8 (AF8) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức:

 - ACGS20 – Top doanh nghiệp Doanh nghiệp cam kết & tiên phong hướng tới đạt chuẩn xếp hạng Tài sản ASEAN;
 - Top VNCG50 2025 - Doanh nghiệp tiên phong cam kết thực hành quản trị công ty tốt;
 - Top 05 "Hội đồng Quản trị của năm" 2025 - Tôn vinh các Hội đồng quản trị tiêu biểu tiên phong cam kết thực hành quản trị công ty tốt ;
 - Top 5 doanh nghiệp "Bứt phá và Dẫn dắt" trong Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN (ACGS) 2024.

Vinh danh trong Bảng xếp hạng Doanh nghiệp đạt Chuẩn Công bố thông tin (IR Award) năm 2025 do Vietstock, Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam (VAFE) và Tạp chí điện tử FiLi đồng tổ chức (7/2025).

CÁC NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(NGUYÊN TẮC 8.2 - VNCG CODE 2026)

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam được tổ chức ngày 28/4/2025 với sự tham dự của các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, đại diện Chi nhánh công ty TNHH PWC (Việt Nam) tại Hà Nội.

Cuộc họp đã được tổ chức theo đúng các quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và các quy định pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

Cuộc họp đã tổ chức thành công với tỷ lệ cổ đông tham gia đại diện cho 94,2% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

Đại hội đã nhất trí thông qua các nội dung:

- Điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024;

Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2024;

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;

Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024;

Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký năm 2024

Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025;

Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2024;

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2024;

Thông qua các mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2025 – 2029;

Thông qua mức chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị áp dụng từ nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập cho năm 2025;

Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Kết quả thực hiện các nghị quyết
của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

1. Hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền 10% vào ngày 25/7/2025;

2. Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 10%;

3. Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính 2025;

4. Hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2025.




Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 được tổ chức vào ngày 22/07/2025 và đã nhất trí thông qua các nội dung:

1. Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hương Giang chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam nhiệm kỳ 2025 – 2030.

2. Thông qua việc sửa đổi Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

 “Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo sự tham gia hiệu quả của Hội đồng quản trị đối với việc định hướng chiến lược và giám sát công tác quản lý của công ty cũng như trách nhiệm giải trình của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông.”

Các Nguyên tắc Quản trị công ty của G20-OECD 2023



Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) (NGUYÊN TẮC 2 - VNCG CODE 2026)

Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HDQT
1. Ông Nguyễn Anh Tuấn 47 tuổi	Chủ tịch HDQT chuyên trách	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
2. Ông Nguyễn Xuân Việt 55 tuổi	Phó Chủ tịch HDQT Thành viên không điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
3. Bà Anna Lee On Wah 54 tuổi	Phó Chủ tịch HDQT/Thành viên HDQT độc lập Thành viên không điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
4. Ông Mai Xuân Dũng 51 tuổi	Thành viên HDQT Thành viên điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
5. Ông Đoàn Việt Trang 50 tuổi	Thành viên HDQT Thành viên không điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
6. Ông Phạm Phan Dũng 68 tuổi	Thành viên HDQT độc lập Thành viên không điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
7. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương 46 tuổi	Thành viên HDQT chuyên trách Thành viên không điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025
8. Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam 32 tuổi	Thành viên HDQT Thành viên không điều hành	Bầu thành viên HDQT Nhiệm kỳ V từ ngày 28/4/2025

Chứng chỉ về Quản trị công ty:

Thành viên HĐQT

- Ông Nguyễn Anh Tuấn
- Ông Nguyễn Xuân Việt
- Ông Mai Xuân Dũng
- Ông Phạm Phan Dũng
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Ban Kiểm soát

- Ông Vũ Ngọc Vượng
- Ông Đào Mạnh Dương

Người phụ trách QTCT

- Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

(NGUYÊN TẮC 4.3 - VNCG CODE 2026)

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị VINARE đã không ngừng nỗ lực nâng cao vị thế và vai trò của mình, nhằm bảo đảm việc thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chức năng, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Tổng công ty.

Đồng thời, VINARE chú trọng xây dựng một Hội đồng quản trị có năng lực và tinh chuyên nghiệp cao, bảo đảm sự đa dạng về chuyên môn, kỹ năng, quan điểm và giới tính, cũng như phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo và tính độc lập trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

Kết quả đánh giá:

ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN	
Mỗi thành viên HDQT đều được đánh giá theo các tiêu chí sau:	
1.	Tiêu chí về tham dự và đóng góp ý kiến tại cuộc họp <ul style="list-style-type: none">a. Tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳb. Nghiên cứu tài liệu, có sự chuẩn bị trước khi đến dự họpc. Tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến tại cuộc họp.
2.	Tiêu chí về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm <ul style="list-style-type: none">a. Mức độ am hiểu về lĩnh vực hoạt động và phạm vi rủi ro kinh doanhb. Kiến thức chung về thị trường bảo hiểm, môi trường pháp lýc. Có những đóng góp cho hoạt động của VINARE: về định hướng chiến lược, phát triển bền vững, năng lực hoạt động, quản trị rủi ro,...
3.	Tiêu chí về Quản trị và tuân thủ <ul style="list-style-type: none">a. Tôn trọng các nguyên tắc minh bạch, chính trực và trách nhiệm giải trìnhb. Đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luậtc. Giám sát việc thực hành quản trị công ty.
4.	Tiêu chí về mối quan hệ với Ban Điều hành và các bên có lợi ích liên quan <ul style="list-style-type: none">a. Đảm bảo tính chuyên nghiệp và xây dựng trong mối quan hệ với Ban Điều hànhb. Tôn trọng lợi ích của cổ đôngc. Duy trì quan hệ tương tác với các bên có lợi ích liên quan.

Kết quả đánh giá cho thấy các thành viên HDQT VINARE đều có kiến thức chung về thị trường bảo hiểm, môi trường pháp lý, am hiểu về lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính. Các thành viên đã có đóng góp hiệu quả cho hoạt động của VINARE ở các mức độ khác nhau về định hướng chiến lược, phát triển bền vững, năng lực hoạt động, quản trị rủi ro, ...

Các thành viên HDQT VINARE đã tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳ, nghiên cứu tài liệu, có sự chuẩn bị trước khi đến dự họp và tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến tại cuộc họp.

Các thành viên HDQT VINARE đều thực hiện tốt các nguyên tắc minh bạch, chính trực và trách nhiệm giải trình, đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật, thực hiện giám sát việc thực hành quản trị công ty, tôn trọng lợi ích của cổ đông và duy trì quan hệ tương tác với các bên có lợi ích liên quan.

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ TẬP THỂ

8/8 thành viên HĐQT đã nhất trí cao với các nhận định dưới đây về HĐQT VINARE:

1. HĐQT có chuyên môn tương thích và đa dạng
2. HĐQT có chia sẻ những định hướng chiến lược phù hợp với hoạt động của VINARE
3. HĐQT đã giám sát hiệu quả việc quản trị rủi ro
4. HĐQT thảo luận trên tinh thần cởi mở, hợp tác và có trọng tâm
5. HĐQT đã giám sát hiệu quả hoạt động kinh doanh của VINARE
6. HĐQT đã thực hiện tốt việc quy hoạch kế nhiệm bộ máy lãnh đạo
7. HĐQT đã thảo luận và có các đề xuất liên quan đến ESG, biến đổi khí hậu
8. HĐQT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cần trọng, vì lợi ích cao nhất của VINARE và cổ đông

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC ỦY BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mức độ đánh giá:

Thấp hơn kỳ vọng	1
Bình thường	2
Tốt	3
Rất tốt	4
Xuất sắc	5

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT:

Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững	S
Ủy ban Nhân sự và Thù lao	H
Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro:	A

	Tiêu chí	Mô tả	Điểm đánh giá		
			S	H	A
1	Thực hiện nhiệm vụ	Mức độ hoàn thành chức năng, tuân thủ quy chế	5	5	5
2	Hiệu quả hoạt động	Chất lượng họp, thảo luận, khuyến nghị	5	5	5
3	Tuân thủ pháp luật	Mức độ tuân thủ quy định và chuẩn mực quản trị	5	5	5
4	Tương tác & phối hợp	Sự phối hợp với Ban Điều hành và các bên có lợi ích liên quan	5	5	5
5	Giá trị mang lại	Đóng góp vào quyết định và chiến lược HĐQT	5	5	5

Chương trình phát triển năng lực liên tục

(NGUYÊN TẮC 4.4 - VNCG CODE 2026)

Chương trình phát triển năng lực liên tục nhằm bảo đảm các thành viên HĐQT duy trì và nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết để thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao. Chương trình tập trung cập nhật các quy định pháp luật có liên quan, chuẩn mực quản trị công ty, quản lý rủi ro, tài chính – bảo hiểm – tái bảo hiểm, chiến lược, phát triển bền vững, ESG và các thông lệ quốc tế phù hợp với hoạt động của VINARE. Thành viên Hội đồng quản trị được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế. Việc tham gia chương trình phát triển năng lực liên tục được theo dõi, ghi nhận và xem xét trong đánh giá hoạt động của HĐQT hằng năm.



Danh sách tham gia đào tạo trong năm 2025 do Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức

- Ông Phạm Phan Dũng**
Thành viên độc lập HĐQT
Khóa đào tạo
 - Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (DCP32)
Thời gian: 17 – 19/4/2025
 - Chương trình Chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán (ACMP10)
Thời gian: 11-12/11/2025
- Bà Lê Thị Thanh Hiền**
Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2024
Khóa đào tạo
 - Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (DCP32)
Thời gian: 17 – 19/4/2025
- Ông Vũ Ngọc Vượng**
Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030
Khóa đào tạo
 - Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (DCP34)
Thời gian: 17 – 19/7/2025
- Ông Trần Anh Tuấn**
Giám đốc Ban Nghiệp vụ đặc biệt
Khóa đào tạo
 - Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (DCP34)
Thời gian: 17 – 19/7/2025
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương**
Thành viên HĐQT
Khóa đào tạo
 - Chương trình Chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán (ACMP9)
Thời gian: 17 – 19/7/2025

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Các hội thảo về quản trị công ty đã tham dự trong năm 2025:

Hội thảo chuyên đề “VNCG50 - Doanh nghiệp cần tập trung gì trong năm 2025” (VIOD)	Directors Talk #23: Thu hút đầu tư qua Thị trường Chứng khoán Việt Nam và Hành trình nâng hạng quốc tế (VIOD)
Directors Talk 19: Bổ nhiệm và đánh giá HĐQT (VIOD)	Directors Talk #24: Câu chuyện thị trường tháng 9 (VIOD)
Diễn đàn “Vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới” năm 2025 (VIOD)	Directors Talk #25: Giải mã Báo cáo Tài chính: Xác định Rủi ro Thuế & Thiết kế Khung Quản trị (VIOD)
Hội thảo Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân - Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp niêm yết và công ty đại chúng? (Ủy ban Chứng khoán nhà nước và VIOD)	Hội nghị phổ biến nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
Đào tạo Quản trị công ty và Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (HNX)	Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS) (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
Directors Talk #20: Vai trò của HĐQT trong quản trị biến đổi khí hậu tại Đông Nam Á (VIOD)	Hội thảo Cập nhật các quy định về kế toán Việt Nam - Thông tư 99 mới thay thế cho Thông tư 204 (KPMG)

Việc giám sát thực thi chiến lược của Hội đồng quản trị

(NGUYÊN TẮC 1.2 - VNCG CODE 2026)

QUY TRÌNH GIÁM SÁT CHIẾN LƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINARE

Quy trình giám sát chiến lược của HĐQT VINARE gồm 5 bước chính, gắn với vai trò của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc, đặc biệt là Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững – bộ phận được giao nhiệm vụ hỗ trợ HĐQT trong giám sát, định hướng và theo dõi việc thực thi chiến lược.



A. Xây dựng, rà soát và phê duyệt tầm nhìn – sứ mệnh – mục tiêu chiến lược

- Xem xét và phê duyệt tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược dài hạn của Tổng công ty.
- Đánh giá mức độ phù hợp của chiến lược với bối cảnh thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm, xu hướng ESG, quy định pháp luật và mục tiêu phát triển bền vững.
- Đảm bảo chiến lược phù hợp với kỳ vọng của cổ đông.

B. Thẩm định và giám sát việc lập kế hoạch chiến lược (top-down & bottom-up)

- Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững giám sát quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược hàng năm và trung hạn, bao gồm các mục tiêu tài chính, thị trường, sản phẩm và rủi ro.
- HĐQT yêu cầu Ban Điều hành trình bày các phương án, đánh giá tính khả thi, và đưa ra ý kiến chỉ đạo điều chỉnh khi cần thiết.
- Đối chiếu chiến lược với:

Năng lực tài chính của công ty

Cơ cấu khách hàng

Mức độ sẵn sàng về nhân sự, công nghệ, quản trị rủi ro

C. Giám sát triển khai chiến lược và KPIs: HĐQT thực hiện giám sát liên tục thông qua:

- Theo dõi định kỳ kết quả thực thi chiến lược: Xem xét báo cáo kinh doanh quý, bán niên và năm, đối chiếu với mục tiêu chiến lược.
- Sử dụng hệ thống Ủy ban để giám sát chuyên sâu:

Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững: giám sát chiến lược, ESG, cổ tức, chỉ số phát triển.

Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro: đánh giá rủi ro chiến lược, khả năng đáp ứng vốn, các vấn đề tài chính – kiểm toán.

Ủy ban Nhân sự và Thủ lao: giám sát chiến lược nhân sự, kế hoạch kế nhiệm, đánh giá năng lực lãnh đạo – các yếu tố then chốt để thực hiện chiến lược.

D. Đánh giá mức độ hoàn thành chiến lược và điều chỉnh chiến lược

- HĐQT thực hiện đánh giá hàng năm về:

Mức độ hoàn thành mục tiêu chiến lược

Các yếu tố thị trường tác động đến tính khả thi

- Khi cần, HĐQT chỉ đạo điều chỉnh chiến lược theo biến động môi trường kinh doanh, đặc biệt trong:

Biến động thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm

Rủi ro thiên tai khí hậu (liên quan ESG)

Chính sách Nhà nước đối với ngành bảo hiểm

E. Báo cáo – Công bố thông tin – Đối thoại cổ đông

HĐQT đảm bảo sự minh bạch trong quá trình giám sát chiến lược:

- Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược trong Báo cáo Quản trị Công ty, Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo thường niên.
- Tương tác và giải trình với cổ đông, đặc biệt trong ĐHĐCĐ thường niên, các cuộc họp bất thường về điều chỉnh chiến lược hoặc thay đổi mô hình quản trị, công bố đầy đủ thông tin về kết quả thực thi chiến lược và các thay đổi lớn trong định hướng.

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về cơ cấu vốn của VINARE



VINARE quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo hoạt động liên tục và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và nợ phải trả.



Cấu trúc vốn của VINARE chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). VINARE không có bất cứ khoản vay nợ nào.

Cấu trúc vốn của VINARE là tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro đã được HĐQT thông qua.

Tỷ lệ Biên khả năng thanh toán/Biên khả năng thanh toán tối thiểu tiếp tục được duy trì ở mức ổn định, đáp ứng tốt quy định pháp luật hiện hành về việc duy trì khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.

Quy hoạch kế nhiệm đối với các chức danh quản trị điều hành

(NGUYÊN TẮC 1.7 - VNCG CODE 2026)

Việc thực hiện quy trình quy hoạch đối với các chức danh quản trị điều hành được thực hiện theo Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh quản trị, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT (ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2021). Theo đó, hàng năm, Chủ tịch HĐQT chủ trì, phối hợp với Ban Điều hành và Đảng ủy VINARE, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ quản trị, điều hành gồm các nội dung:

- Nhận xét, đánh giá đối với cán bộ quy hoạch;
- Xem xét việc duy trì cán bộ trong quy hoạch; đưa cán bộ ra khỏi danh sách quy hoạch và đề xuất chủ trương bổ sung thêm danh sách cán bộ đủ điều kiện quy hoạch theo quy định.

Trong năm 2025, căn cứ số lượng thành viên Ban Điều hành hiện tại và việc thực hiện bổ nhiệm trong năm 2024, Ủy ban Nhân sự và Thủ lao đã chủ trì phối hợp với phối hợp với Ban Điều hành và Đảng ủy VINARE họp và thống nhất một số nội dung liên quan đến việc quy hoạch nhân sự Ban Điều hành. Ủy ban Nhân sự và Thủ lao đã trình HĐQT thông qua việc bổ sung quy hoạch và HĐQT đã ra quyết định thông qua danh sách quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành vào tháng 10/2025.



Tiêu chí để cử thành viên Hội đồng quản trị VINARE



Tuân thủ quy định pháp luật

- Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các quy định pháp luật liên quan.



Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm làm việc

- Có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực bảo hiểm và tái bảo hiểm, tài chính, pháp luật;
- Có kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành bảo hiểm hoặc các ngành liên quan; đã và đang giữ các vị trí quản lý trong các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm, tài chính hoặc các ngành có liên quan.



Trình độ học vấn

- Tốt nghiệp đại học trở lên, ưu tiên các ngành liên quan đến bảo hiểm, tài chính, kinh tế, pháp luật, quản trị kinh doanh.



Tính độc lập khách quan và Đạo đức nghề nghiệp

- Không có mối quan hệ lợi ích với các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, hoặc Ban Điều hành;
- Có khả năng đưa ra các quyết định khách quan và độc lập;
- Có đạo đức nghề nghiệp và uy tín trong lĩnh vực hoạt động.



Ưu tiên

- Giới tính: hướng đến mục tiêu có tối thiểu 1/3 số thành viên là nữ;
- Độ tuổi: hướng đến mục tiêu đa dạng về độ tuổi.

Hoạt động ESG của Hội đồng quản trị

(NGUYÊN TẮC 9.1 - VNCG CODE 2026)



Trong nhiệm kỳ 2025 – 2030, Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững chịu trách nhiệm giám sát việc lập, triển khai và thực thi Chính sách phát triển bền vững; xác định các mục tiêu và chiến lược liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG) phù hợp với giá trị cốt lõi và mục tiêu dài hạn của VINARE; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu ESG đã đề ra.

Tại phiên họp HĐQT ngày 28/8/2025, HĐQT đã nhất trí thông qua kế hoạch triển khai thực hiện lộ trình ESG đến 2030 (xem thêm tại Chương II – Môi trường kinh doanh và Chiến lược kinh doanh).

Hội đồng quản trị đã công bố các rủi ro và cơ hội về phát triển bền vững trọng yếu tại Báo cáo quản trị rủi ro năm 2025 - xem thêm tại Chương V – Phát triển bền vững.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

Tham khảo Chương IV – Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của VINARE

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

(NGUYÊN TẮC 3 - VNCG CODE 2026)

Tại phiên họp ngày 29/05/2025 HĐQT đã thông qua việc thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT và phân công các thành viên tham gia các Ủy ban như sau:

Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Ủy ban	
Ông Đoàn Việt Trang	Thành viên	
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên	Xin xem thông tin tại Chương 01 - Báo cáo thường niên 2025
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên	


Ủy ban Nhân sự và Thù lao

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Ủy ban	
Ông Phạm Phan Dũng Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên	Xin xem thông tin tại Chương 01 - Báo cáo thường niên 2025
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên	

Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
Ông Phạm Phan Dũng Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch Ủy ban	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Xin xem thông tin tại Chương 01 - Báo cáo thường niên 2025
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	

Hoạt động của các Ủy ban



01

CUỘC HỌP trong năm 2025

Ủy ban Chiến lược và Phát triển bền vững

- Xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban;
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029;
- Chỉ đạo và giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029;
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực thi lộ trình ESG;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ủy ban trong năm 2026.




02

CUỘC HỌP trong năm 2025

Ủy ban Nhân sự và Thù lao

- Xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban;
- Xây dựng bộ tiêu chí để cử đối với thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030;
- Công tác nhân sự cho nhiệm kỳ mới của HĐQT và BKS 2025 - 2030;
- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tổng công ty;
- Trình ĐHCĐ phê chuẩn mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS và thư ký từ nhiệm kỳ 2025 - 2030 và triển khai công bố thù lao của HĐQT, BKS, Ban Điều hành theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
- Thực hiện việc rà soát và bổ sung quy hoạch đối với các chức danh quản trị, điều hành;
- Xây dựng kế hoạch triển khai việc đánh giá hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ủy ban trong năm 2026.



03

CUỘC HỌP trong năm 2025

Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro

- Xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban;
- Trình HĐQT về việc ủy quyền cho Tổng giám đốc đối với giao dịch với các bên có lợi ích liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ và xem xét các báo cáo của Kiểm toán nội bộ trước khi trình HĐQT thông qua;
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026;
- Xem xét các báo cáo quản trị rủi ro định kỳ;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ủy ban trong năm 2026

BẢO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO



Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của VINARE và các quy định của pháp luật hiện hành (Luật doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính

Ủy ban đã giám sát Báo cáo Tài chính bán niên, Báo cáo Tài chính năm 2025 trước khi Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật. Kết quả giám sát bước đầu cho thấy:

1. Báo cáo Tài chính bán niên và Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được lập và công bố cơ bản phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte) được lựa chọn để kiểm toán là đảm bảo độ tin cậy, tính trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
3. VINARE đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng (cả bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh).

Kết quả giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện các cuộc kiểm toán Báo cáo Tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm 2025 cho VINARE. Phạm vi, nội dung, phương pháp, thời gian kiểm toán đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

Ủy ban ghi nhận về tính độc lập cũng như chất lượng của cuộc kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện tại VINARE.

Giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của VINARE

- Doanh thu năm 2025 đạt **3.870** tỷ đồng, vượt **7,7%** kế hoạch năm.
- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt **3.660** tỷ đồng, vượt **7,0%** so với kế hoạch.
- Thu nhập hoạt động đầu tư và hoạt động khác đạt **460** tỷ đồng, vượt **7,1%** so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt khoảng **508** tỷ đồng, vượt **1%** so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tổng công ty duy trì tuân thủ đầy đủ các giới hạn an toàn tài chính, biên khả năng thanh toán.

Giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành của VINARE

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã tuân thủ tốt các quy định của pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VINARE, Quy chế quản trị nội bộ VINARE và thực hiện công việc đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.

Tất cả các nội dung quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ và minh bạch trong các phiên họp Hội đồng quản trị. Các vấn đề nêu ra đều được xem xét, đánh giá, phân tích cẩn thận để đảm bảo quyết định đồng thuận trước khi ban hành Nghị quyết, Ban Điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành.

Việc thực thi, công bố thông tin của VINARE theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan được thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định.

Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ (KTNB)

Chức năng KTNB đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và đóng góp vào việc nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị công ty, từ đó có thể tăng cường và bảo vệ giá trị của tổ chức. Do đó, Ủy ban luôn giám sát và hỗ trợ KTNB để có đủ điều kiện và nguồn lực cần thiết để thực hiện công việc, đảm bảo KTNB hoạt động một cách độc lập và khách quan, tối ưu chất lượng và hiệu quả hoạt động của KTNB.

Quy chế tổ chức hoạt động, quy trình và phương pháp KTNB đã được xây dựng, và ban hành đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch kiểm toán năm được lập theo nguyên tắc bám sát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của VINARE. KTNB đã tham vấn ý kiến và trao đổi với Ban Điều hành trước khi lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA

ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Giám sát hoạt động

Kiểm toán nội bộ (KTNB)

KTNB đã hoàn thành kế hoạch theo đúng thời gian và nguồn lực dự kiến. Kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy hệ thống kiểm soát trong VINARE cơ bản được thiết kế phù hợp. Các đơn vị và quy trình được kiểm toán có kết quả tuân thủ ở mức chấp nhận được. Phần lớn các phát hiện kiểm toán liên quan tới các rủi ro mức độ thấp, không trọng yếu.

Hiệu quả hoạt động và nhận thức về tuân thủ của các đơn vị được nâng cao, đóng góp vào việc đạt được mục tiêu hoạt động của VINARE.

Đánh giá về

các giao dịch với

các bên liên quan

Các giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát chặt chẽ và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ cũng như các quy định nội bộ của VINARE về kiểm soát giao dịch các bên liên quan, chưa phát hiện xung đột lợi ích trọng yếu trong giao dịch với các bên liên quan.

Thù lao và chi phí

Thù lao và chi phí hoạt động của Ủy ban được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được tổng hợp, công bố theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá

hệ thống kiểm soát

nội bộ và quản lý

rủi ro

Trên cơ sở thực hiện chức năng giám sát theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, các quy định nội bộ về quản lý rủi ro và kết quả báo cáo của các đơn vị chức năng, Ủy ban ghi nhận VINARE đã ban hành và đang triển khai khung quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm các chính sách, quy trình liên quan đến quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ.

Ủy ban nhận thấy hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của VINARE cơ bản được thiết kế phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm, phục vụ cho việc nhận diện, theo dõi và kiểm soát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động kinh doanh, tài chính và đầu tư.

Trong năm 2025, Ủy ban tập trung giám sát các rủi ro đặc thù của VINARE, bao gồm rủi ro nghiệp vụ tái bảo hiểm, rủi ro tích lũy, rủi ro thảm họa, rủi ro dự phòng nghiệp vụ và rủi ro đầu tư. Trên cơ sở giám sát bước đầu, chưa ghi nhận rủi ro trọng yếu vượt ngoài khẩu vị rủi ro đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Ủy ban nhận thấy rằng, năm 2025 là giai đoạn đầu triển khai mô hình Ủy ban KT&QTRR. Do đó, các đánh giá nêu trên mang tính bước đầu, trong phạm vi chức năng giám sát của Ủy ban, và hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro sẽ tiếp tục được theo dõi, rà soát và hoàn thiện trong các kỳ tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro của VINARE.

Kết quả đánh giá

tình hình tuân thủ

pháp luật, tuân thủ

đạo đức nghề nghiệp

Trên cơ sở thực hiện chức năng giám sát theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, các quy định nội bộ của VINARE và thông tin, báo cáo do Ban Điều hành, các đơn vị chức năng cung cấp, Ủy ban ghi nhận VINARE cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm, tài chính – kế toán và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Ủy ban ghi nhận VINARE đã ban hành và triển khai các quy định nội bộ về tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp, bao gồm các quy chế, quy trình liên quan đến quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, công bố thông tin và phòng ngừa xung đột lợi ích, làm cơ sở cho việc giám sát và kiểm soát tuân thủ trong toàn hệ thống.

Trong năm 2025, trên cơ sở giám sát bước đầu, Ủy ban chưa ghi nhận các vi phạm pháp luật hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp mang tính trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động, tình hình tài chính hoặc uy tín của VINARE. Các nghĩa vụ về công bố thông tin, báo cáo tài chính, tuân thủ quy định của cơ quan quản lý được thực hiện theo quy định.

Ủy ban lưu ý rằng công tác tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp là yêu cầu thường xuyên, liên tục, đặc biệt trong bối cảnh môi trường pháp lý và hoạt động kinh doanh bảo hiểm – tái bảo hiểm có nhiều thay đổi. Do đó, Ủy ban kiến nghị Ban Điều hành tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, đào tạo, giám sát tuân thủ và phòng ngừa rủi ro vi phạm, đồng thời kịp thời rà soát, cập nhật các quy định nội bộ nhằm bảo đảm VINARE duy trì mức độ tuân thủ phù hợp với yêu cầu pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

(NGUYÊN TẮC 2.3 - VNCG CODE 2026)

Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) độc lập của VINARE, bà Anna Lee On Wah và ông Phạm Phan Dũng, đã đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và pháp luật về chứng khoán, không tồn tại bất kỳ yếu tố nào ảnh hưởng đến tính độc lập của các thành viên này.

Bà Anna Lee On Wah, đồng thời là Phó Chủ tịch HDQT, Ông Phạm Phan Dũng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro.

Với tư cách là thành viên HDQT độc lập nhiệm kỳ V (2025 - 2030) của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE), trong năm 2025, các thành viên HDQT độc lập đã tuân thủ Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các quy định về quản lý thành viên HDQT độc lập

áp dụng đối với công ty niêm yết, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty; thực hiện nhiệm vụ một cách tận tâm, cẩn trọng, trung thành, trung thực và có trách nhiệm, qua đó phát huy đầy đủ vai trò của thành viên HDQT độc lập trong quản trị công ty.

Trong năm 2025, các thành viên HDQT độc lập đã tích cực tham dự các cuộc họp HDQT và các cuộc họp liên quan, xem xét kỹ lưỡng các đề xuất của HDQT, các Ủy ban chuyên trách ...; thường xuyên cập nhật thông tin/quy định liên quan đến công ty niêm yết; thực hiện trung thực nghĩa vụ của thành viên HDQT độc lập; đưa ra các kiến nghị hợp lý đối với các vấn đề trọng yếu của Tổng công ty; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2025:

Báo cáo gồm 2 phần:

Phần I

Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập ANNA LEE ON WAH



Thông tin chung

Họ và tên: Anna Lee On Wah

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Phó Chủ tịch HDQT

Nhiệm kỳ: 2025 – 2030

Tính độc lập và cam kết

Tôi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HDQT độc lập căn cứ theo các tiêu chuẩn của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và pháp luật về chứng khoán; không thuộc các trường hợp ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Tôi cam kết thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HDQT độc lập một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích hợp pháp của VINARE và cổ đông.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025:

Phân công nhiệm vụ của HDQT

Trong nhiệm kỳ 2025 – 2030 tôi được phân công các nhiệm vụ sau:

- Phụ trách chiến lược phát triển trao đổi dịch vụ và quan hệ thị trường quốc tế của VINARE.
- Hỗ trợ của Swiss Re trong vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE trong các lĩnh vực (năng lực quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, năng lực IT và các lĩnh vực khác phù hợp).

Thực hiện nhiệm vụ

Trong năm 2025, tôi đã tham dự hoặc ủy quyền hợp lệ tham dự đầy đủ 05/05 cuộc họp của HDQT và các cuộc họp liên quan khác theo quy định.

Tôi đã cung cấp thông tin và đưa ra ý kiến tư vấn cho HDQT và Ban Điều hành về tình hình thị trường, các cơ hội và rủi ro kinh doanh tái bảo hiểm trên thị trường quốc tế và khu vực.

Biểu quyết và nghị quyết

Trong năm 2025, tôi đã nghiên cứu đầy đủ tài liệu họp, chủ động tìm hiểu các vấn đề pháp lý liên quan, trao đổi với Tổng công ty khi cần thiết; đảm bảo các thủ tục hợp hợp pháp, nội dung thảo luận đầy đủ; đưa ra ý kiến độc lập, khách quan và thận trọng.

Việc triệu tập và tổ chức họp ĐHĐCĐ và HDQT đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật; các nghị quyết được thông qua hợp pháp, hợp lệ. Tôi không có ý kiến phản đối hay bỏ phiếu trắng và đã bỏ phiếu tán thành tất cả các đề xuất trong năm.

Khảo sát thực tế và hỗ trợ từ Tổng công ty

Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ của tôi; tích cực tiếp thu và triển khai các ý kiến đóng góp hợp lý để cải thiện tình hình kinh doanh nhận/nhượng tái bảo hiểm trong điều kiện thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Các vấn đề trọng tâm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ:

Kết quả tham gia ý kiến và giám sát

Tại các cuộc họp, tôi đã nghiên cứu hồ đầy đủ sơ, tài liệu, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến độc lập đối với các vấn đề chiến lược, kế hoạch, định hướng kinh doanh, đầu tư, nhân sự cấp cao, ESG, biến đổi khí hậu, quản trị rủi ro và các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền của HDQT và Đại hội đồng cổ đông.

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- Trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Điều hành không ghi nhận kết luận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.
- Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị đã cử đại diện tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Điều hành, phân tích, phản biện và tham mưu với Ban Điều hành nhằm đạt được giải pháp tối ưu cho lợi ích của Tổng công ty.

Bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên HDQT:

Việc bầu thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ V tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 được thực hiện đúng quy định.

Thù lao, đãi ngộ và kế hoạch chi trả cổ tức:

Các nghị quyết, quyết định liên quan đến thù lao, chế độ đãi ngộ và kế hoạch chi trả cổ tức được xem xét, thông qua đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, góp phần bảo đảm quản trị minh bạch và phát triển bền vững.

Đánh giá về quản trị công ty và tuân thủ pháp luật

Qua quá trình theo dõi và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, tôi nhận thấy VINARE đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các nguyên tắc quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết, cũng như hướng tới việc áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty theo các chuẩn mực quốc tế; việc công bố thông tin được thực hiện kịp thời, minh bạch; các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông được ban hành đúng thẩm quyền.

Kiến nghị

Đề nghị Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo các quy định pháp luật; tăng cường vai trò của thành viên HDQT độc lập trong việc giám sát, tư vấn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Cam kết

Tôi cam kết tiếp tục đồng hành cùng VINARE trong việc nâng cao chuẩn mực quản trị, phát triển bền vững và minh bạch.

THÀNH VIÊN HDQT ĐỘC LẬP
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Anna Lee On Wah

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phần II

Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro PHẠM PHAN DŨNG



Thông tin chung

Họ và tên: Phạm Phan Dũng

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro

Nhiệm kỳ: 2025 – 2030

Tính độc lập và cơ sở thực hiện nhiệm vụ

Tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT độc lập căn cứ theo các tiêu chuẩn của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và pháp luật về chứng khoán; đảm bảo tính độc lập, khách quan trong việc thực hiện chức năng giám sát.

Tôi cam kết thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT độc lập một cách trung thực, cần trọng, vì lợi ích hợp pháp của VINARE và cổ đông.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025:

Phân công nhiệm vụ của HĐQT

Trong nhiệm kỳ 2025 – 2030 tôi được phân công các nhiệm vụ sau:

- Trực tiếp phụ trách Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro của HĐQT.
- Tham gia Ủy ban Nhân sự và Thù lao của HĐQT.

Thực hiện nhiệm vụ:

Trong năm 2025, tôi đã tham dự 05/05 cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ủy ban Nhân sự và Thù lao.

Tôi đã tham gia và có nhiều ý kiến đóng góp trong việc thực hiện quy trình quy hoạch, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đối với các chức danh quản trị điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tôi đã tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ủy ban Nhân sự và Thù lao và kế hoạch hoạt động năm 2026 của các Ủy ban này.

Tôi đã đồng ý với đề xuất của Ban Điều hành về việc điều chỉnh sử dụng Quỹ khen thưởng.

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro trong năm 2025:

Với vai trò Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, tôi đã:

- Phối hợp với Ban Lãnh đạo Tổng công ty, các thành viên của Ủy ban ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro.
- Chủ trì/tham gia các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán theo quy định.
- Rà soát Tờ trình của Tổng Giám đốc về việc Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các hợp đồng, các giao dịch với người có liên quan.
- Tham gia xem xét và có ý kiến độc lập đối với việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty theo quy định.
- Rà soát các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động của VINARE: Đề xuất sửa đổi Quy chế Quản lý Người đại diện vốn tại doanh nghiệp khác của VINARE.

Phối hợp với kiểm toán nội bộ:

Tôi thường xuyên theo dõi công tác kiểm toán nội bộ, xem xét kế hoạch, quy trình và kết quả thực hiện để đảm bảo tính độc lập và hiệu quả.

Các vấn đề trọng tâm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VINARE, công ty con của VINARE với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó

Trong năm 2025, tôi trực tiếp phụ trách việc xem xét, giám sát và báo cáo đối với các giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan, đánh giá việc thực hiện các giao dịch với bên có liên quan trong năm 2025 như sau:

- Giá trị của mỗi giao dịch không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VINARE.
- Các giao dịch đã được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật và theo cơ chế thị trường.
- Các giao dịch với người có liên quan được Tổng công ty trình HĐQT xem xét, phê duyệt đúng thẩm quyền;
- Trình tự, thủ tục phê duyệt và công bố thông tin được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật;
- Không phát hiện giao dịch gây xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.

Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán và soát xét. Theo đánh giá của Công ty kiểm toán độc lập, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của VINARE.
- Báo cáo tài chính năm 2025 đang trong quá trình kiểm toán bởi kiểm toán độc lập.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Kết quả kinh doanh năm 2025 của VINARE (theo số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán):

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	TH/KH	Tăng trưởng
Doanh thu (bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Thu nhập hoạt động đầu tư và hoạt động khác)	3.594.000	3.870.280	3.319.927	107,7%	116,6%
Lợi nhuận trước thuế	503.000	507.813	465.332	101,0%	109,1%

- VINARE đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy định, quy trình và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năng lực tài chính của VINARE: AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức **B++** (Tốt) và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành (ICR) mức **“bbb+”** (Tốt); xếp hạng tín nhiệm trong phạm vi quốc gia (National Scale Rating – NSR) là **aaa.VN**, mức cao nhất tại Việt Nam với triển vọng ổn định.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

- Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của VINARE đã được thiết lập và vận hành đáp ứng quy định của Thông tư 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022.
- Báo cáo quản lý rủi ro của VINARE được cập nhật định kỳ hàng năm, phản ánh đầy đủ và chi tiết các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của VINARE và các giải pháp ứng phó với rủi ro.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ được giám sát bởi Bộ phận Kiểm toán nội bộ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Tổng công ty.
- Hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về việc thực hiện kiểm toán nội bộ và các quy định có liên quan của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ, các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ và tình hình thực hiện các khuyến nghị. Kể từ tháng 9/2025, Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện báo cáo tình hình hoạt động thông qua Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro.
- Định kỳ hàng quý và hàng năm, Hội đồng quản trị xem xét Báo cáo của Chuyên gia tính toán (Actuary) về thực trạng tình hình tài chính, dự báo tình hình tài chính tương lai của doanh nghiệp, chi nhánh; tình hình hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, chi nhánh trong đó nêu các rủi ro phát sinh và đề xuất về tài sản đầu tư, thời hạn đầu tư của từng loại tài sản, đảm bảo tương xứng giữa thời hạn của tài sản đầu tư với các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm; tình hình và dự báo tình hình tương lai về tổn thất, dự phòng, hiệu quả nghiệp vụ bảo hiểm.

Kiến nghị

Đề nghị Tổng công ty tiếp tục nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường minh bạch đối với các giao dịch với người có liên quan; đảm bảo vai trò độc lập của Ủy ban Kiểm toán trong cấu trúc quản trị công ty.

Cam kết

Tôi cam kết thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro theo quy định pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

Phạm Phan Dũng

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2025/QĐ- HĐQT	24/01/2025	Tạm giao kế hoạch kinh doanh 2025 và kế hoạch công tác 2025 cho Ban Điều hành
2	Quyết định số 02/2025/QĐ- HĐQT	06/02/2025	Kết quả kinh doanh năm 2024
3	Quyết định số 03/2025/QĐ-HĐQT	13/02/2025	Phê duyệt hạn mức phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu ngân hàng
4	Quyết định số 04/2025/QĐ-HĐQT	24/02/2025	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025
5	Quyết định số 06/2025/QĐ-HĐQT	24/03/2025	Thông qua Báo cáo Quản trị rủi ro năm 2024

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT	02/04/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ 16, nhiệm kỳ IV
7	Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT	02/04/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ 16, nhiệm kỳ IV
8	Quyết định số 09/2025/QĐ-HĐQT	10/04/2025	Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
9	Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT	29/05/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ 2, nhiệm kỳ V
10	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐQT	05/06/2025	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
11	Quyết định số 14/2025/QĐ-HĐQT	05/06/2025	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
12	Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐQT	05/06/2025	Lương và các lợi ích khác đối với chức danh thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách
13	Quyết định số 16/2025/QĐ-HĐQT	05/06/2025	Hệ số lương của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách
14	Quyết định số 17/2025/QĐ-HĐQT	11/06/2025	Thay đổi thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
15	Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐQT	16/06/2025	Lựa chọn công ty công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
16	Quyết định số 19/2025/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
17	Quyết định số 20/2025/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024
18	Quyết định số 21/2025/QĐ-HĐQT	04/07/2025	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024
19	Quyết định số 22/2025/QĐ-HĐQT	08/07/2025	Phân công đại diện vốn của VINARE tại VINARE Invest
20	Quyết định số 25/2025/QĐ-HĐQT	22/08/2025	Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Nguyễn Mạnh Linh
21	Quyết định số 26/2025/QĐ-HĐQT	22/08/2025	Tái bổ nhiệm Tổng giám đốc
22	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐQT	28/08/2025	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 3, nhiệm kỳ V
23	Quyết định số 28/2025/QĐ-HĐQT	12/09/2025	Hệ số lương của Phó Tổng giám đốc Nguyễn Mạnh Linh
24	Quyết định số 29/2025/QĐ-HĐQT	23/09/2025	Ban hành Quy chế hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT
25	Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐQT	07/10/2025	Danh sách quy hoạch các chức danh quản trị điều hành thuộc thẩm quyền HĐQT
26	Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT	13/11/2025	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 4, nhiệm kỳ V
27	Quyết định số 33/2025/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan trong năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Thông tin đã cung cấp tại trang 20 (Giới thiệu Lãnh đạo VINARE – Ban Kiểm soát)



Hoạt động giám sát/phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) đối với Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành và cổ đông/các cán bộ quản lý khác:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT;
- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty;
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán;
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty;

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 22/7/2025		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 12/12/2024	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Nguyễn Anh Tuấn	15,26%	0,011%	15,26%	0,011%
2	Mai Xuân Dũng	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	12,97%	0%	12,97%	0%
4	Nguyễn Xuân Việt	17,19%	0%	17,19%	0%
5	Đoàn Việt Trang		0%		0%
6	Nguyễn Hồng Hoàng Nam	6,43%	0%	6,43%	0%
7	Phạm Phan Dũng	0%	0%	0%	0%
8	Anna Lee On Wah	0%	0%	0%	0%

Ghi chú:
Ủy quyền có thời hạn làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại VINARE từ ngày 03/03/2025 đối với các ông:
• Ông Nguyễn Anh Tuấn: 15,26%
• Ông Mai Xuân Dũng: 12,13%
• Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương: số cổ phần làm đại diện: 12,97%

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 22/7/2025		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 12/12/2024	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trần Thị Minh Phương	0,82%	0%	0,82%	0%
2	Nguyễn Xuân Việt Anh	0%	0%	0%	0%
3	Vũ Ngọc Vượng	0%	0%	0%	0%
4	Đào Mạnh Dương	0%	0,044%	0%	0,044%
5	Tushar Chatterjee	0%	0%	0%	0%

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Ban Điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 22/7/2025		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 12/12/2024	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Mai Xuân Dũng <i>Tổng Giám đốc</i>	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
2	Nguyễn Mạnh Linh <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	0%	0,00002%	0%	0,00002%
3	Đỗ Anh Đức <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	0%	0,049%	0%	0,049%
4	Lưu Thị Việt Hoa <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	0%	0,115%	0%	0,115%
5	Nguyễn Thành Công <i>Kế toán trưởng</i>	0%	0%	0%	0%

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

(NGUYÊN TẮC 7.6 - VNCG CODE 2026)

- Thù lao cố định:

 - Các thành viên HĐQT không chuyên trách và BKS: theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2025.
 - Chủ tịch HĐQT chuyên trách: theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 25/2/2021.
 - Thành viên HĐQT chuyên trách: theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐQT ngày 05/6/2025.
- Thưởng

 - Theo Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013 và Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT ngày 13/11/2025.

Hội đồng quản trị

Thu nhập (lương, thưởng) của thành viên chuyên trách:

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	3.179.198.511
2	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	1.492.325.116

Thu nhập (lương, thù lao, thưởng) của thành viên điều hành:

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Mai Xuân Dũng	Thành viên, Tổng giám đốc	2.894.099.367

Thu nhập (thù lao, thưởng) của thành viên không điều hành:

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Nguyễn Xuân Việt	Thành viên, Phó Chủ tịch	266.868.435
2	Lee On Wah Anna	Thành viên, Phó Chủ tịch	237.216.386
3	Nguyễn Đình An <i>(Miễn nhiệm từ ngày 28/4/2025)</i>	Thành viên	66.921.071
4	Nguyễn Thị Hương Giang <i>(Miễn nhiệm từ ngày 22/7/2025)</i>	Thành viên	62.808.174
5	Phạm Phan Dũng	Thành viên độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro	292.309.324
6	Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên	238.309.324
7	Ông Đoàn Việt Trang - Thành viên <i>(Bổ nhiệm từ ngày 28/4/2025)</i>	Thành viên	171.388.254

Ban Kiểm soát (thù lao, thưởng):

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Vũ Ngọc Vượng	Trưởng Ban Kiểm soát	172.673.458
2	Lê Thị Thanh Hiền <i>(Miễn nhiệm từ ngày 28/4/2025)</i>	Trưởng Ban Kiểm soát	53.160.350
3	Tushar Chatterjee	Thành viên	119.458.759
4	Đào Mạnh Dương	Thành viên, Giám đốc Marketing VINARE	1.083.710.249
5	Trần Thị Minh Phương	Thành viên	134.391.104
6	Nguyễn Xuân Việt Anh <i>(Bổ nhiệm từ ngày 28/4/2025)</i>	Thành viên	105.359.494

Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Mai Xuân Dũng	Tổng giám đốc	2.894.099.367
2	Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc	2.280.512.677
3	Đỗ Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	2.019.130.020
4	Lưu Thị Việt Hoa	Phó Tổng giám đốc	2.507.497.341
5	Nguyễn Thành Công	Kế toán trưởng	2.019.259.176

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (sau đây gọi chung là giao dịch với bên có liên quan):

(NGUYÊN TẮC 8.5 - VNCG CODE 2026)

Phê duyệt và rà soát giao dịch với bên có liên quan của người nội bộ

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE quy định:

- ĐHĐCĐ thông qua việc "Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất." (Tiết q, khoản 2, Điều 17 Điều lệ)
- HDQT thông qua "hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp." (Tiết h, khoản 2, Điều 30 Điều lệ)

Để tạo sự chủ động trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo hiệu quả kinh tế và tuân thủ quy định về thẩm quyền chấp thuận giao dịch với người có liên quan, hàng năm HDQT xem xét đề xuất của Tổng giám đốc về các nguyên tắc thực hiện giao dịch với bên có liên quan.

Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro của HDQT có trách nhiệm rà soát và báo cáo về các giao dịch với bên có liên quan thuộc thẩm quyền của HDQT hoặc ĐHĐCĐ. Việc rà soát các giao dịch với bên có liên quan đã được báo cáo cụ thể tại Báo cáo của thành viên HDQT độc lập (xin xem thêm tại Báo cáo của thành viên HDQT độc lập Phạm Phan Dũng).

Xác định các cổ đông lớn và bên liên quan của người nội bộ:

- 

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC): là cổ đông lớn sở hữu 40,36% vốn điều lệ của VINARE.
- 

Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re: là cổ đông lớn sở hữu 25% vốn điều lệ của VINARE
- 

Tập đoàn Bảo Việt: là cổ đông lớn sở hữu 9,18% vốn điều lệ của VINARE
- 

Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- 

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (Baoviet Fund - BVF)
- 

Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)
- 

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)
- 

Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI)
- 

Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)
- 

Công ty cổ phần đầu tư VINARE (VINARE Invest)

Giao dịch giữa VINARE với người có liên quan của VINARE; hoặc giữa VINARE với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ năm 2025

Trong năm 2025, VINARE đã có các giao dịch với các bên có lợi ích liên quan - là các công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành đang nắm giữ chức vụ quản lý và chi trả cổ tức cho các cổ đông lớn của VINARE. Thông tin về các giao dịch được trình bày tại bảng sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
		Nội dung	Giá trị giao dịch (Đồng)	Số lượng hợp đồng
1	Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	298.071.639.574	267
		Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	70.325.848.705	
		Bồi thường nhận tái bảo hiểm	136.638.974.717	
		Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	227.477.794.782	115
		Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	183.425.448.146	
		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.267.630.815	
2	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu (GIC)	Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	230.916.331.806	61
		Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	201.379.194.830	
		Bồi thường nhận tái bảo hiểm	6.601.594.075	
		Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	2.419.493.745	37
		Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	766.375.092	
		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	695.698.951	
3	Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	Doanh thu cho thuê văn phòng	1.435.679.994	2
		Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	222.701.127.480	87
		Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	108.102.061.559	
		Bồi thường nhận tái bảo hiểm	100.194.653.749	
		Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	49.006.725.083	110
		Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	12.211.623.223	
4	Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI)	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	34.527.513.348	1
		Doanh thu cho thuê văn phòng	290.816.487	
		Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	154.307.104.202	175
		Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	30.084.963.754	
		Bồi thường nhận tái bảo hiểm	68.878.129.119	
		Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	-	2
		Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-	
		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.067.108	
		Cổ tức đã nhận được từ SVI	13.488.602.478	1

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
		Nội dung	Giá trị giao dịch (Đồng)	Số lượng hợp đồng
5	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Tổng Phí nhận tái bảo hiểm	79.869.084.215	115
		Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	18.313.608.353	
		Bồi thường nhận tái bảo hiểm	21.644.002.254	
		Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	115.489.926.488	174
		Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	27.629.788.535	
		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	65.504.379.272	
6	Swiss Re	Cổ tức đã trả	11.726.878.000	1
		Tổng Phí nhượng tái bảo hiểm	253.971.623.074	48
		Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	95.188.149.576	
		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	133.474.491.590	
7	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Cổ tức đã trả	45.598.047.000	1
		Hợp đồng ủy thác đầu tư	30.000.000.000	1
		Cổ tức đã trả	14.604.627.000	1
		Cổ tức đã trả	16.735.319.000	1
		Cổ tức đã trả	73.618.747.000	1
8	Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt	Cổ tức đã trả	198.198.000	1
		Thu hồi công nợ vốn gốc tại Dự án 142 Định Công	6.169.373.933	1
		Thu hồi công nợ vốn gốc tại Dự án 360 Giải Phóng	1.081.404.672	1

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: không có.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ



Cam kết của Hội đồng quản trị về Hệ thống Kiểm soát nội bộ

Hội đồng quản trị VINARE cam kết xây dựng và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm bảo vệ tài sản của VINARE, đảm bảo tính chính xác và tin cậy của các báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông và các bên liên quan, và đảm bảo sự phát triển bền vững của VINARE.

-  **Cam kết về môi trường kiểm soát:** Chúng tôi cam kết tạo ra một môi trường làm việc tích cực, trong đó mọi nhân viên đều nhận thức rõ về tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ các chính sách, quy trình của VINARE.
-  **Cam kết về đánh giá rủi ro:** Chúng tôi sẽ liên tục đánh giá và quản lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VINARE, đồng thời phát triển các biện pháp phòng ngừa phù hợp để giảm thiểu rủi ro.
-  **Cam kết về hoạt động kiểm soát:** Chúng tôi sẽ thiết lập và thực hiện các biện pháp kiểm soát cụ thể nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và hiệu quả của các hoạt động kinh doanh. Các biện pháp kiểm soát này sẽ được cập nhật thường xuyên để phù hợp với thay đổi của môi trường kinh doanh.
-  **Cam kết về thông tin và truyền thông:** Chúng tôi cam kết đảm bảo mọi thông tin quan trọng được truyền đạt chính xác và kịp thời đến tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan. Chúng tôi sẽ xây dựng các kênh thông tin hiệu quả để đảm bảo sự minh bạch và kết nối trong toàn bộ tổ chức.
-  **Cam kết về giám sát:** Chúng tôi sẽ thực hiện các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ để đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, đồng thời sẵn sàng tiếp nhận và thực hiện các khuyến nghị cải thiện từ các cuộc kiểm tra độc lập và từ các đơn vị tư vấn.
-  **Cam kết về điều chỉnh và cải thiện:** Chúng tôi sẽ liên tục điều chỉnh và cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ dựa trên các kết quả giám sát và đánh giá, nhằm đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát nội bộ luôn đáp ứng được yêu cầu của pháp luật và nhu cầu của công ty.

Cơ cấu tổ chức về Kiểm soát nội bộ


Hội đồng quản trị

Bộ phận Kiểm toán nội bộ

Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ



 **Hội đồng quản trị:** Có trách nhiệm tổ chức và giám sát toàn bộ hệ thống Kiểm soát nội bộ.


 **Bộ phận Kiểm toán nội bộ:** Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thành lập theo Quyết định số 05/2021/QĐ-VNR ngày 30/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.

Chức năng của Kiểm toán nội bộ: thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, Kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và khuyến nghị về các nội dung sau:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của VINARE.
- Các quy trình quản trị và quản lý rủi ro đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác đạt được.

 **Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ:** Là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức của VINARE với các chức năng nhiệm vụ chính:

- Chủ trì thực hiện chương trình Quản lý rủi ro doanh nghiệp (Enterprise Risk Management Framework)
- Khảo sát, đánh giá rủi ro được bảo hiểm (Risk Engineering)
- Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ tái bảo hiểm (Underwriting Risk Management)
- Quản lý rủi ro trong lĩnh vực đầu tư (Investment Risk)
- Quản lý rủi ro hoạt động (Operational Risk)
- Kiểm soát tuân thủ.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Quản trị rủi ro

(NGUYÊN TẮC 1.3 - VNCG CODE 2026)



Với đặc thù của ngành bảo hiểm là kinh doanh rủi ro, việc xây dựng quy trình đánh giá và nhận/nhượng rủi ro một cách chặt chẽ, có kiểm soát là yếu tố tiên quyết để đảm bảo an toàn vốn, gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông. VINARE đã thực hiện quản lý rủi ro một cách có hệ thống, triển khai toàn diện đối với các ban/bộ phận để nhận diện các rủi ro có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, từ đó đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

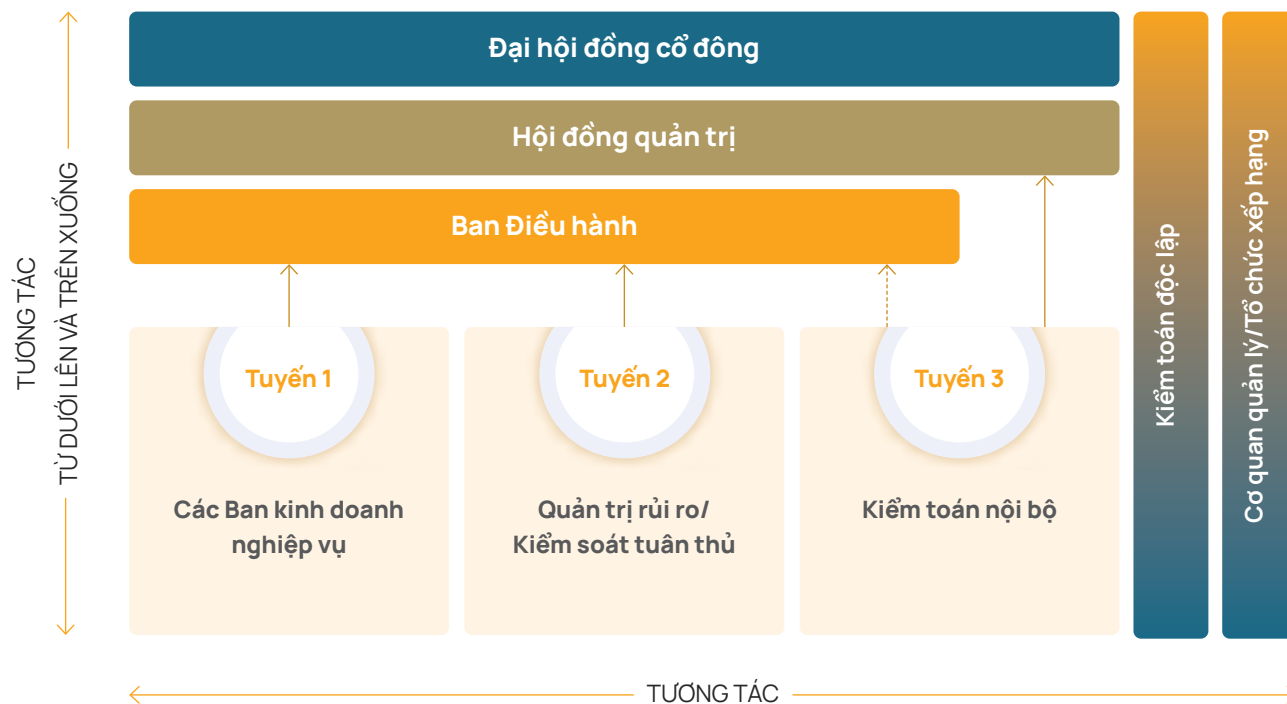
Công tác quản lý rủi ro của VINARE được thực hiện trên nguyên tắc là tất cả các bộ phận trong hệ thống đều phải tham gia vào quá trình quản lý rủi ro để đảm bảo mọi rủi ro trong quá trình kinh doanh của Tổng công ty được nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu.

Vai trò của Hội đồng quản trị trong quản trị rủi ro

- Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 22/11/2023 thông qua Chính sách quản trị rủi ro và Quy định nội bộ về quản trị rủi ro, bao gồm: tuyên bố về khẩu vị rủi ro, các hạn mức rủi ro trọng yếu, kịch bản kiểm tra sức chịu đựng và kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp.
- Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp và tổ chức việc giám sát hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp hiệu quả.
- Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo Quản trị rủi ro hàng năm của VINARE.

Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM)

(NGUYÊN TẮC 6.4 - VNCG CODE 2026)



Đánh giá mức độ đầy đủ của hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022 (Thông tư số 70) của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2022, VINARE đã hệ thống hóa công tác quản trị rủi ro bằng việc xây dựng và ban hành Chính sách quản trị rủi ro, Quy định nội bộ về quản trị rủi ro tuân thủ quy định tại Thông tư số 70. Theo đó, VINARE tổ chức công tác quản trị rủi ro gồm 03 tuyến bảo vệ độc lập hoạt động phối hợp với nhau với nhiệm vụ nhận diện, đánh giá rủi ro, theo dõi, báo cáo Ban Điều hành và Hội đồng quản trị của VINARE.

Trên cơ sở thực tế hoạt động, VINARE đã nhận diện các rủi ro trọng yếu, xác định rõ khẩu vị rủi ro, các hạn mức của các rủi ro trọng yếu và biện pháp quản trị rủi ro khi các rủi ro trọng yếu có tình trạng, chỉ số đến hoặc gần đến hạn mức đã được nêu ra.

Ngoài ra VINARE cũng đã xây dựng kịch bản kiểm tra sức chịu đựng về vốn và biên khả năng thanh toán, kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp như đã được quy định tại Thông tư số 70.

Quy trình Quản lý rủi ro được thực hiện định kỳ. Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ của VINARE thực hiện việc khảo sát/rà soát, trao đổi với tất cả các Ban kinh doanh nghiệp vụ/ Bộ phận liên quan thông qua mẫu báo cáo RCSA (Risk Control Self Assessment) để nhận diện/cập nhật các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Các Ủy ban, Hội đồng cũng tham gia vào quá trình nhận diện rủi ro thông qua các động hỗ trợ cho Ban Điều hành. Các rủi ro sau khi được nhận diện sẽ được thảo luận đa chiều (giữa các Ban kinh doanh, Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ, Ban Điều hành) về giải pháp đang thực hiện và mức tác động của các rủi ro đó. Báo cáo rủi ro được lập hàng năm để tổng hợp thông tin, làm cơ sở để theo dõi, đánh giá hiệu quả của các giải pháp đang áp dụng.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Phương thức quản trị các rủi ro trọng yếu

(NGUYÊN TẮC 7.5 - VNCG CODE 2026)

Quản trị rủi ro bảo hiểm

Kết quả, hiệu quả của từng hợp đồng đối với từng khách hàng được theo dõi, đánh giá nhiều năm trên từng nghiệp vụ. Các hợp đồng đều được xem xét tái tục hàng năm.

Diễn biến tổn thất lớn, tổn thất thiên tai đối với danh mục nhận tái bảo hiểm được cập nhật thường xuyên. Cập nhật thông tin về xu hướng thiên tai đang diễn ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. VINARE duy trì đánh giá mô phỏng tổn thất thiên tai hàng năm để lựa chọn giải pháp bảo vệ thích hợp, đảm phán mở rộng phạm vi bảo hiểm để tăng cường năng lực bảo vệ trước các sự kiện thiên tai cực đoan.

Khi cần các biện pháp chuyên môn được áp dụng: điều chỉnh điều kiện, điều khoản tái bảo hiểm, thay đổi tỷ lệ tham gia đối với nghiệp vụ có kết quả không thuận lợi kéo dài (như bảo hiểm thân tàu biển) hoặc áp dụng các điều kiện tối thiểu đối với một số loại rủi ro.

Công tác trích lập dự phòng bồi thường được Ban Quản trị nghiệp vụ và bồi thường kiểm tra chi tiết, đồng thời các ban nghiệp vụ liên quan cũng rà soát chặt chẽ. Chuyên gia tính toán thực hiện rà soát, xác nhận kết quả trích lập dự phòng và đánh giá tính đầy đủ của quỹ dự phòng nghiệp vụ tại các kỳ báo cáo đảm bảo tuân thủ phương pháp, căn cứ pháp lý đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Công ty cũng duy trì kiểm toán độc lập đối với nội dung này

Quản trị rủi ro thị trường

Trong bối cảnh lãi suất tiền gửi thấp, VINARE chủ động rút ngắn kỳ hạn tiền gửi để chờ cơ hội tái đầu tư vào thời điểm lãi suất tăng, đồng thời gia tăng đầu tư vào trái phiếu tăng vốn cấp II của các ngân hàng có xếp hạng từ B1 trở lên nhằm đảm bảo nguồn thu ổn định. Đồng thời, công ty theo dõi chặt chẽ thời hạn đáo hạn của danh mục đầu tư để đảm bảo tương thích với nghĩa vụ tái bảo hiểm và duy trì khả năng thanh toán hiệu quả.

Đối với danh mục đầu tư ủy thác, VINARE xác định đây là khoản đầu tư dài hạn và thường xuyên phối hợp với các công ty quản lý quỹ để giám sát, điều chỉnh danh mục.

Rủi ro tỷ giá được hạn chế do các giao dịch chủ yếu thực hiện theo hình thức đối trừ.

Hiệu quả hoạt động, triển vọng của các doanh nghiệp được góp vốn cổ phần được theo dõi, đánh giá định kỳ. Tổng Công ty tuân thủ các chính sách nắm giữ, thoái vốn.

Tổng Công ty theo dõi và đảm bảo tỷ trọng đầu tư trong mỗi danh mục tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ.



Quản trị rủi ro hoạt động

VINARE thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật các văn bản Hướng dẫn nghiệp vụ (khai thác TBH, bồi thường, phát sinh, xử lý công nợ, đầu tư...), Quy chế chức năng, hoạt động của các Ban/ Bộ phận. Năm 2025, công ty tiếp tục ban hành Hướng dẫn thực hiện chương trình tái bảo hiểm 2025, Bộ Quy tắc Văn hóa Doanh nghiệp và rà soát, cập nhật một số hướng dẫn nghiệp vụ.

Tuyển thứ nhất được yêu cầu tuân thủ đầy đủ các quy định, trong khi tuyển thứ hai thực hiện giám sát và kiểm tra định kỳ hàng quý. Hoạt động kiểm toán nội bộ được triển khai theo kế hoạch hàng năm, báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ và tuân thủ Sổ tay kiểm toán nội bộ.

Đối với rủi ro pháp lý, VINARE thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới và tích cực tham gia góp ý xây dựng chính sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính và Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, qua đó chủ động điều chỉnh các quy định, hướng dẫn nội bộ phù hợp. Đồng thời, công ty duy trì dịch vụ tư vấn pháp lý thường xuyên với công ty luật để được hỗ trợ tư vấn chuyên sâu trong tình huống cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

Đối với rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, bảo mật dữ liệu và an ninh mạng, VINARE đã tái cấu trúc hệ thống CNTT theo hướng tăng cường kiểm soát an toàn, bảo mật và áp dụng các biện pháp bảo vệ đối với thiết bị di động phục vụ làm việc từ xa. Công ty cũng ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống CNTT nhằm quy định rõ trách nhiệm của Ban CNTT và cán bộ khi sử dụng hệ thống.

VINARE triển khai hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung (SOC) để phát hiện sớm và xử lý các lỗi hỏng, nguy cơ tấn công mạng theo thời gian thực; đồng thời thực hiện sao lưu dữ liệu với tần suất cao (dữ liệu nghiệp vụ và kế toán được sao lưu hàng ngày). Thiết bị firewall được nâng cấp theo khuyến cáo của nhà sản xuất, phòng máy chủ được xây dựng mới theo tiêu chuẩn cao nhằm đảm bảo hệ thống vận hành an toàn và ổn định.

Đối với rủi ro gián đoạn kinh doanh, Tổng Công ty triển khai dịch vụ Disaster Recovery Cloud với hệ thống dự phòng ngoài trụ sở, sao lưu định kỳ các ứng dụng quan trọng và đồng bộ dữ liệu mã hóa lên cloud, đảm bảo thời gian gián đoạn không quá 4 giờ. Năm 2025, phần mềm kế toán mới được vận hành và sao lưu tại site dự phòng; đồng thời thực hiện diễn tập khôi phục dữ liệu hàng quý và chuyển hoạt động sang DR site 6 tháng/lần. Công ty cũng trang bị thêm UPS nhằm hạn chế rủi ro mất điện đột ngột và đảm bảo vận hành hệ thống máy chủ.

Quản trị rủi ro đối tác

Đối với hoạt động nghiệp vụ, VINARE duy trì việc đối chiếu – đối trừ công nợ thường xuyên theo Hướng dẫn thanh toán công nợ tái bảo hiểm; Tiểu ban xử lý công nợ tăng cường giám sát nhằm giảm thiểu công nợ tồn đọng.

Công ty cũng theo dõi, cập nhật xếp hạng tín nhiệm quốc tế của khách hàng, đảm bảo các nhà nhận tái bảo hiểm đứng đầu hoặc tham gia trên 10% trách nhiệm hợp đồng có xếp hạng từ A- theo AM Best (hoặc tương đương) trở lên; khi phát hiện tín nhiệm suy giảm, VINARE kịp thời xem xét và điều chỉnh chính sách phù hợp.

Đối với hoạt động đầu tư, trong tiền gửi và trái phiếu, 100% đối tác của VINARE là tổ chức tín dụng có xếp hạng tín nhiệm từ B1 (Moody's) trở lên và không ghi nhận trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Trong hoạt động ủy thác đầu tư, VINARE hợp tác với các công ty quản lý quỹ uy tín như SSIAM, VCBF, BVF và MBC; dù thị trường biến động ngắn hạn, danh mục vẫn duy trì kết quả tích cực theo định hướng đầu tư dài hạn.

Quản trị rủi ro thanh khoản

VINARE tuân thủ việc phân bổ tài sản đầu tư theo Quy chế đầu tư nội bộ và các quy định pháp luật liên quan.

Tại 31/12/2025, các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền gửi và ủy thác đầu tư chiếm 62,6% tổng tài sản đầu tư; các hợp đồng tiền gửi đều có thể tắt toán trước hạn.

Trong thời gian tới, công ty tiếp tục định kỳ rà soát khả năng thanh khoản, đảm bảo các chỉ tiêu khả năng thanh toán tổng quát và khả năng thanh toán hiện hành luôn lớn hơn 1, đồng thời làm việc với các đối tác để duy trì điều kiện tắt toán trước hạn đối với các hợp đồng tiền gửi.

Quản trị các rủi ro trọng yếu khác theo đánh giá của doanh nghiệp

Năm 2025, VINARE đã rà soát và không phát hiện rủi ro trọng yếu nào ngoài các rủi ro đã nêu.

Tuyển thứ hai tiếp tục phối hợp với các ban, bộ phận thuộc tuyển thứ nhất để thường xuyên rà soát, đánh giá hoạt động kinh doanh nhằm kịp thời phát hiện các rủi ro có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Tổng công ty.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

KHUNG QUẢN TRỊ

rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo (AI)

(NGUYÊN TẮC 6.5 - VNCG CODE 2026)

AI

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của ngành bảo hiểm và sự gia tăng các mối đe dọa công nghệ, Hội đồng quản trị đã phê duyệt Khung quản lý rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo nhằm:

- | | |
|--|---|
| <p>1. Bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin, dữ liệu và các tài sản thông tin quan trọng của Tổng công ty.</p> | <p>2. Tăng cường khả năng chống chịu và năng lực ứng phó của hệ thống công nghệ thông tin trước các mối đe dọa an ninh mạng ngày càng phức tạp.</p> |
| <p>3. Đảm bảo việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) trong hoạt động kinh doanh được triển khai an toàn, minh bạch và có kiểm soát.</p> | <p>4. Giảm thiểu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.</p> |

Khung quản lý này là một bộ phận cấu thành của hệ thống quản trị rủi ro tổng thể (ERM) của VINARE.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát tổng thể việc quản trị rủi ro công nghệ của VINARE, bao gồm rủi ro an ninh mạng và rủi ro phát sinh từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Các trách nhiệm của Hội đồng quản trị bao gồm:

- Phê duyệt khung quản lý rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo;
- Giám sát việc triển khai và hiệu quả của hệ thống kiểm soát rủi ro công nghệ;
- Xem xét các báo cáo định kỳ về rủi ro công nghệ và các sự cố an ninh mạng trọng yếu.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm tổ chức triển khai khung quản lý rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động của VINARE.

Bao gồm:

- Ban hành các quy trình, hướng dẫn thực hiện và biện pháp kiểm soát cần thiết;
- Phân bổ nguồn lực nhằm duy trì hệ thống an ninh mạng và quản trị công nghệ hiệu quả;
- Chỉ đạo các Ban/Bộ phận thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo.

Các nhóm rủi ro trọng yếu liên quan đến an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của VINARE

- | | |
|--|--|
| <p>1. Rủi ro tấn công mạng</p> | <p>Hệ thống công nghệ thông tin của VINARE có thể trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng nhằm truy cập trái phép, mã hóa, đánh cắp dữ liệu hoặc làm gián đoạn hoạt động của hệ thống.</p> |
| <p>2. Rủi ro rò rỉ hoặc mất dữ liệu</p> | <p>VINARE quản lý lượng lớn dữ liệu quan trọng như thông tin khách hàng, dữ liệu hợp đồng bảo hiểm, dữ liệu tài chính và tái bảo hiểm. Việc rò rỉ hoặc mất dữ liệu có thể dẫn đến vi phạm quy định pháp luật và ảnh hưởng đến uy tín của VINARE.</p> |
| <p>3. Rủi ro gián đoạn hệ thống công nghệ thông tin</p> | <p>Các sự cố như lỗi phần mềm, sự cố hạ tầng công nghệ hoặc sự cố từ nhà cung cấp dịch vụ có thể dẫn đến gián đoạn hoạt động kinh doanh của VINARE.</p> |
| <p>4. Rủi ro từ nhà cung cấp dịch vụ công nghệ</p> | <p>Việc sử dụng dịch vụ công nghệ từ bên thứ ba có thể phát sinh các rủi ro liên quan đến bảo mật dữ liệu, gián đoạn dịch vụ hoặc phụ thuộc vào nhà cung cấp.</p> |

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

5.
 Rủi ro từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo

- Việc ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ công việc có thể dẫn đến nguy cơ người dùng lạm dụng, phụ thuộc vào kết quả do AI đưa ra mà không đánh giá, không kiểm chứng được tính phù hợp, chính xác kết quả từ đó dẫn đến những quyết định sai lầm gây hậu quả về uy tín, kinh tế.
 - Sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo cho các hành động vi phạm luật pháp (ví dụ: tấn công mạng, đánh cắp thông tin...) hoặc các hành động ảnh hưởng tới uy tín và lợi ích của cá nhân, tổ chức (tạo và lan truyền tin giả, giả mạo thông tin...).
6.
 Rủi ro rò rỉ thông tin khi sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo

Việc sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo bên ngoài có thể dẫn đến nguy cơ tiết lộ thông tin nội bộ hoặc dữ liệu kinh doanh quan trọng của VINARE khi người dùng tự ý đưa vào các công cụ AI.
7.
 Rủi ro tuân thủ pháp lý

Việc không tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ Thông tin có thể dẫn đến các chế tài pháp lý và ảnh hưởng đến uy tín của VINARE.

Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong Khung quản trị rủi ro an ninh mạng và AI

1.
 Tuyến thứ nhất

CÁC BAN/BỘ PHẬN KINH DOANH, PHỤC VỤ KINH DOANH

Các Ban/Bộ phận (bao gồm các cá nhân, người sử dụng internet) có trách nhiệm tuân thủ các hướng dẫn, quy trình nội bộ về quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, công cụ AI; có trách nhiệm đề cao cảnh giác, thận trọng trước những hiện tượng gây nghi vấn về mất an toàn thông tin mạng, thận trọng trước khi sử dụng kết quả do các công cụ AI đưa ra trong hoạt động hằng ngày.

Ban Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm chính về việc:

 - Quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin của VINARE tuân thủ theo Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ thông tin VINARE;
 - Giám sát các hệ thống ứng dụng, bao gồm các công cụ trí tuệ nhân tạo được sử dụng trong hoạt động kinh doanh;
 - Triển khai các biện pháp bảo mật kỹ thuật nhằm phòng ngừa các mối đe dọa an ninh mạng;
 - Xây dựng và triển khai các kế hoạch ứng phó sự cố, đảm bảo khả năng duy trì hoạt động khi xảy ra sự cố công nghệ.
 - Đào tạo cho người sử dụng hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao ý thức và kỹ năng xử lý tình huống.
 - Định kỳ kiểm tra, đánh giá mức độ sẵn sàng của hệ thống Công nghệ thông tin VINARE theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của hiện hành của nhà nước và các tổ chức quốc tế. Qua đó sớm nhận diện rủi ro, lên phương án phòng ngừa và lập báo cáo lên tuyến phòng thủ thứ 2.

2.
 Tuyến thứ hai

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ có trách nhiệm xây dựng và giám sát việc triển khai khung quản lý rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo.

Các nhiệm vụ chính bao gồm:

 - Phối với với Ban Công nghệ thông tin xây dựng và cập nhật khung quản lý rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo;
 - Phối hợp với Ban Công nghệ thông tin thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ về an toàn, an ninh đối với hệ thống công nghệ thông tin và việc sử dụng các công cụ AI;
 - Theo dõi và đánh giá mức độ tuân thủ các quy định nội bộ và quy định pháp luật;
 - Tổng hợp và báo cáo các rủi ro công nghệ trọng yếu định kỳ hoặc phát sinh cho Ban Điều hành và Hội đồng quản trị.
3.
 Tuyến thứ ba

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm kiểm tra và đánh giá độc lập, khách quan đối với mức độ đầy đủ, hiệu quả và tuân thủ của việc triển khai khung quản lý rủi ro an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo.

Kết quả kiểm toán được báo cáo Hội đồng quản trị theo Quy chế kiểm toán nội bộ ban hành theo Quyết định số 05/2021/QĐ-HDQT ngày 31/03/2021.



PHÁT TRIỂN

BỀN VỮNG



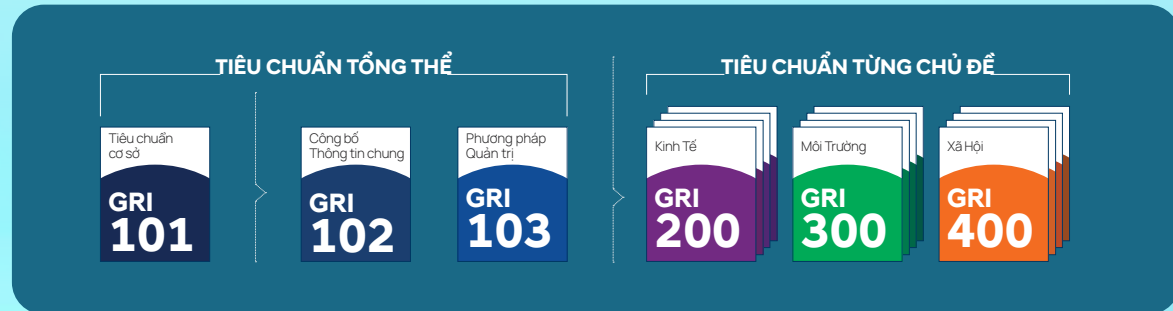
CHƯƠNG

05

- 114 Tổng quan về báo cáo
- 116 Hoạt động phát triển bền vững tại VINARE
- 125 Quản trị phát triển bền vững
- 130 Các tiêu chuẩn về Kinh tế, Môi trường, Xã hội

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

Báo cáo ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2025. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh doanh trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.



VINARE phối hợp với cơ quan quản lý và các bên liên quan khác để thúc đẩy rộng rãi hành động trong toàn xã hội về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, đồng thời thể hiện trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc thường xuyên công bố thông tin đầy đủ và toàn diện tại báo cáo này.

Liên hệ

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của VINARE cũng như nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin như sau:

Bà **NGUYỄN THỊ MINH CHÂU**

Người phụ trách Quản trị công ty

Điện thoại: +024-3942-2354

Địa chỉ: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Hà Nội.

Ý kiến của các anh/chị sẽ giúp VINARE đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm hiện thực hóa sứ mệnh phát triển bền vững của mình.

1. Phạm vi báo cáo

Bao gồm các chỉ số hoạt động của toàn Tổng công ty VINARE.

2. Giai đoạn báo cáo

1/1/2025 - 31/12/2025

3. Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo được xây dựng theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Báo cáo bao gồm các lĩnh vực, chỉ số hoạt động được chia ra theo các chỉ tiêu dành cho ngành tài chính GRI G4 (FS) và các chỉ tiêu công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung (GRI 100).

4. Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp

Tại VINARE, chúng tôi luôn đảm bảo cơ chế minh bạch liên quan đến việc phòng chống tham nhũng cũng như báo cáo sai phạm, được quy định cụ thể trong Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp trên trang website chính thức của Tổng công ty theo đường link dưới đây:

<https://vinare.com.vn/2024/02/23/cong-bo-bo-quy-tac-ung-xu-va-dao-duc-nghe-nghiep-2022/>



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE

VINARE

Đồng hành cùng hành trình vươn mình của nền kinh tế

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới với khát vọng vươn lên mạnh mẽ trên bản đồ kinh tế khu vực và thế giới, vai trò của các định chế tài chính – bảo hiểm ngày càng trở nên quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tăng trưởng và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những biến động toàn cầu.

Trên hành trình hơn ba thập kỷ hình thành và phát triển, VINARE đã khẳng định vị thế là doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời từng bước mở rộng hoạt động theo định hướng khu vực. Không chỉ là một đối tác tài chính của thị trường bảo hiểm, VINARE còn đóng vai trò là “bệ đỡ” cho nền kinh tế, góp phần đảm bảo sự ổn định cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư trong bối cảnh môi trường kinh tế ngày càng nhiều biến động.

Trong kỷ nguyên phát triển mới – nơi những thách thức về biến đổi khí hậu, chuyển dịch công nghệ, cũng như các rủi ro kinh tế – địa chính trị ngày càng gia tăng – VINARE xác định rằng tăng trưởng bền vững không chỉ được đo lường bằng hiệu quả kinh doanh mà còn bằng khả năng tạo ra giá trị dài hạn cho toàn bộ hệ sinh thái mà doanh nghiệp đang phục vụ. Bởi vậy, bên cạnh việc không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, VINARE luôn hướng tới việc cân bằng hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, VINARE tiếp tục kiên định với định hướng tăng trưởng bền vững, không ngừng nâng cao năng lực tài chính, quản trị và đổi mới sáng tạo. Với nền tảng đã được xây dựng trong hơn ba thập kỷ, doanh nghiệp tin tưởng sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển ổn định của thị trường bảo hiểm, đồng hành cùng sự vươn mình của nền kinh tế Việt Nam và kiến tạo giá trị lâu dài cho các bên liên quan.

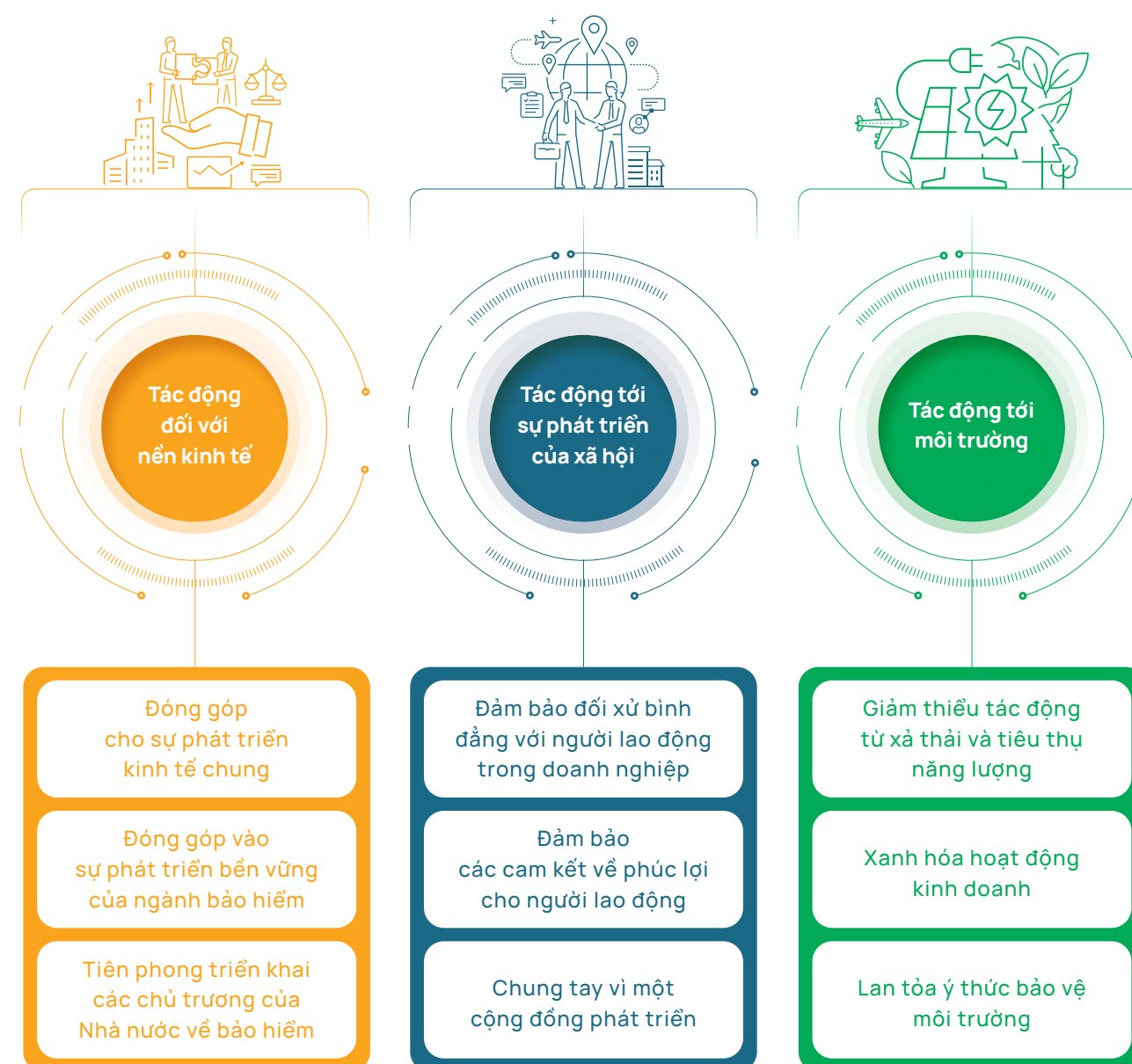


Để hiện thực hóa định hướng này, VINARE đặc biệt chú trọng xây dựng nền tảng quản trị hiện đại và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Chúng tôi tin rằng một hệ thống quản trị minh bạch, chuẩn mực cùng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu năng lực và tinh thần đổi mới sẽ là động lực quan trọng giúp VINARE tiếp tục thích ứng với những thay đổi của thị trường và nắm bắt các cơ hội phát triển mới.

Song song với đó, VINARE duy trì sự gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan nhằm nhận diện và giải quyết những vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững. Những nội dung này được đánh giá, rà soát và cập nhật thường xuyên để phản ánh đầy đủ trong Báo cáo Phát triển bền vững – một phần quan trọng của Báo cáo thường niên.



Phân tích các tác động của VINARE liên quan đến phát triển bền vững



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE



Tác động đối với nền kinh tế

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung và thị trường bảo hiểm

- Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường tái bảo hiểm, đến nay VINARE trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam, nhà đầu tư chuyên nghiệp. Hơn 30 năm qua, VINARE đã phát huy vai trò là cầu nối của thị trường bảo hiểm, trung tâm trao đổi dịch vụ của thị trường, cung cấp giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành bảo hiểm Việt Nam.
- Thông qua việc cung cấp các dịch vụ tái bảo hiểm, VINARE góp phần nâng cao năng lực bảo vệ rủi ro của thị trường, đồng hành cùng các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc bảo vệ hoạt động sản xuất – kinh doanh của nền kinh tế. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn tạo việc làm cho người lao động, đầu tư hiệu quả nguồn vốn vào nền kinh tế và góp phần hỗ trợ quá trình phục hồi, ổn định hoạt động kinh tế khi xảy ra các sự kiện rủi ro, đồng thời đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước về bảo hiểm

- Với vai trò và vị thế quan trọng trên thị trường, VINARE luôn tích cực tham gia triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực bảo hiểm. Doanh nghiệp đã đi đầu trong việc phối hợp thực hiện nhiều chương trình bảo hiểm mang tính chính sách như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tàu cá xa bờ, bảo hiểm thiên tai..., qua đó góp phần hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nâng cao khả năng ứng phó với rủi ro, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế.



Tác động tới sự phát triển của xã hội

Đảm bảo đối xử bình đẳng và cam kết về phúc lợi cho người lao động

- VINARE xây dựng môi trường làm việc công bằng và tôn trọng sự đa dạng, trong đó mọi người lao động đều được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay vùng miền. Các chế độ về tiền lương, thưởng và phúc lợi luôn được thực hiện đầy đủ, tạo điều kiện để người lao động yên tâm gắn bó và phát triển lâu dài cùng doanh nghiệp.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

- Tổng công ty thường xuyên quan tâm, hỗ trợ và đồng hành cùng các đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn thông qua những hoạt động ý nghĩa được tổ chức định kỳ hằng năm. Những chương trình này không chỉ thể hiện tinh thần sẻ chia trong nội bộ doanh nghiệp mà còn lan tỏa giá trị nhân văn và trách nhiệm xã hội của VINARE.
- Với mong muốn đóng góp tích cực cho cộng đồng, VINARE hằng năm dành nguồn lực đáng kể cho các hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng. Thông qua các chương trình này, VINARE thay mặt cổ đông triển khai các sáng kiến hướng tới lợi ích thiết thực cho người dân địa phương, đồng thời góp phần nâng cao giá trị xã hội mà doanh nghiệp mang lại cho cộng đồng.



Tác động tới môi trường

- VINARE tích cực hưởng ứng các sáng kiến nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường của ngành bảo hiểm. Một trong những bước đi cụ thể là việc từng bước dừng hỗ trợ tái bảo hiểm đối với các rủi ro liên quan đến điện than, cả trong nước và quốc tế, qua đó thể hiện cam kết đồng hành cùng xu hướng phát triển bền vững và chuyển dịch năng lượng.
- Với khoảng 90% danh mục đầu tư cổ phần và vốn góp tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi là tái bảo hiểm và đầu tư tài chính – những ngành nghề có mức độ tác động trực tiếp đến môi trường tương đối thấp – các ảnh hưởng môi trường của VINARE chủ yếu phát sinh từ hoạt động vận hành tại văn phòng, như tiêu thụ năng lượng, phát sinh chất thải sinh hoạt và việc sử dụng tài nguyên trong quá trình làm việc.
- Nhằm giảm thiểu các tác động này, VINARE đã xây dựng và triển khai đề án bảo vệ môi trường tại các văn phòng làm việc. Đề án tập trung vào việc rà soát, đánh giá các nguồn phát sinh chất thải có khả năng ảnh hưởng đến môi trường tại tòa nhà văn phòng, đồng thời đề ra các giải pháp quản lý và giảm thiểu ô nhiễm, hướng tới xây dựng môi trường làm việc xanh và bền vững hơn.



ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững ngày càng trở thành yêu cầu cốt lõi đối với các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm trên thế giới. Trong bối cảnh các rủi ro về khí hậu, xã hội và quản trị ngày càng có tác động sâu rộng đến nền kinh tế, VINARE xác định việc tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp mà còn là điều kiện quan trọng để duy trì tăng trưởng dài hạn và nâng cao khả năng chống chịu trước những biến động của thị trường.

Trên cơ sở đó, VINARE từng bước xây dựng định hướng phát triển bền vững với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu rõ ràng, nhằm tạo ra giá trị lâu dài cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Tầm nhìn VINARE

Xây dựng một thị trường bảo hiểm bền vững

Sứ mệnh về phát triển bền vững

Chúng tôi bảo hiểm, đầu tư, vận hành và chia sẻ kiến thức của mình nhằm giải quyết các thách thức về phát triển bền vững và tạo ra giá trị lâu dài

Ba trụ cột này được VINARE triển khai xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, từ hoạt động nghiệp vụ tái bảo hiểm, đầu tư đến vận hành doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực.



Tăng trưởng kinh tế bền vững

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro của thị trường bảo hiểm
- Hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau các sự kiện rủi ro
- Tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động tái bảo hiểm và đầu tư

Trong hoạt động kinh doanh cốt lõi, VINARE từng bước lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào quá trình đánh giá rủi ro và ra quyết định đầu tư. Tổng công ty định hướng giảm dần và tiến tới loại bỏ các hoạt động liên quan đến điện than và các lĩnh vực có tác động tiêu cực đến môi trường, phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng và phát triển bền vững trên thế giới.

Tái bảo hiểm các dự án nhiệt điện than nước ngoài (tạm thời)

2025: Loại bỏ hoàn toàn

Tái bảo hiểm các dự án nhiệt điện than trong nước (tạm thời)

2025: Hạn chế | 2035: Loại bỏ hoàn toàn

Tái bảo hiểm vận chuyển than

2025: Hạn chế | 2035: Loại bỏ hoàn toàn

Tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than

2025: Loại bỏ hoàn toàn

Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than

2025: Không phát sinh mới | 2035: Loại bỏ hoàn toàn

Danh mục đầu tư ủy thác

2025 - 2035: Cần nhắc đến các yếu tố ESG trong các thỏa thuận đầu tư ủy thác

Mục tiêu phát triển bền vững



Xây dựng xã hội bền vững

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- Xây dựng môi trường làm việc bình đẳng
- Đóng góp tích cực cho cộng đồng

VINARE luôn coi con người là yếu tố trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Tổng công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc minh bạch, bình đẳng và tạo điều kiện để người lao động phát triển toàn diện, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và an sinh xã hội.

Bảo vệ môi trường bền vững

- Giảm tác động môi trường trong vận hành
- Khuyến khích đầu tư và bảo hiểm thân thiện với môi trường
- Hạn chế các hoạt động liên quan đến năng lượng hóa thạch

Bên cạnh việc điều chỉnh danh mục nghiệp vụ và đầu tư theo hướng thân thiện với môi trường, VINARE cũng chú trọng giảm thiểu tác động môi trường trong hoạt động vận hành hàng ngày, hướng tới xây dựng môi trường làm việc xanh và tiết kiệm tài nguyên.

TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN ESG NĂM 2025



Trên cơ sở định hướng phát triển bền vững đã đề ra, trong năm 2025 VINARE tiếp tục triển khai nhiều hoạt động cụ thể nhằm tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động quản trị, kinh doanh và vận hành. Các nội dung này được theo dõi định kỳ thông qua hệ thống mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể, qua đó giúp đánh giá mức độ tiến triển của Tổng công ty trong quá trình thực hiện các cam kết phát triển bền vững.

1. Quản trị doanh nghiệp bền vững

Mục tiêu	Năm mục tiêu	Tiến trình năm 2025
Giám sát tiến độ quản lý các vấn đề ESG và thường xuyên công bố thông tin một cách công khai	Hàng năm	Đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và khách quan
Xác định và đánh giá các rủi ro ESG và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh	Hàng năm	Thường xuyên họp và đánh giá các rủi ro ESG và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh
Có đại diện nữ trong Hội đồng quản trị	Theo nhiệm kỳ	Hiện có 2/8 đại diện nữ trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

2. Phát triển bền vững Hoạt động nghiệp vụ

Mục tiêu	Năm mục tiêu	Tiến trình năm 2025
Loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho các dự án nhiệt điện than nước ngoài (tạm thời)	2025	Không phát sinh mới các hợp đồng tạm thời Dự án nhiệt điện than nước ngoài Đã loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho các hợp đồng tạm thời Dự án nhiệt điện than nước ngoài
Hạn chế tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho các dự án nhiệt điện than trong nước (tạm thời)	Hạn chế: 2025 Loại bỏ hoàn toàn: 2035	Không phát sinh mới các hợp đồng tạm thời Dự án nhiệt điện than trong nước Hiện Chỉ duy trì các hợp đồng nhiệt điện than của năm cũ (hiện vẫn còn hiệu lực)
Hạn chế tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho vận chuyển than	Hạn chế: 2025 Loại bỏ hoàn toàn: 2035	Đã loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm cho vận chuyển than
Tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than	2025	Đã loại bỏ hoàn toàn việc nhận tái bảo hiểm Bồi thường cho người lao động, Trách nhiệm đối với người lao động, Bồi thường cho Kiến trúc sư & Kỹ sư của các nhà máy nhiệt điện than



3. Phát triển bền vững Hoạt động đầu tư

Mục tiêu	Năm mục tiêu	Tiến trình năm 2025
Đầu tư vào trái phiếu phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than	Không phát sinh mới: 2025 Loại bỏ hoàn toàn: 2035	Không đầu tư vào trái phiếu (mới) phát hành cho các dự án khai thác than và/hoặc điện than
Đầu tư vào trái phiếu xanh/phát triển bền vững (green and sustainability bonds)		Ưu tiên đầu tư vào trái phiếu xanh khi loại hình trái phiếu này được phát hành

4. Phát triển bền vững Hoạt động vận hành

Mục tiêu	Năm mục tiêu	Tiến trình năm 2025
Ưu tiên hoạt động chuyển đổi số trong vận hành	Hàng năm	
Sử dụng các sản phẩm tái chế	Hàng năm	Sử dụng chai thủy tinh dùng nhiều lần thay vì sử dụng chai nhựa một lần
Giảm thiểu chất thải, tiêu thụ điện và nước	Hàng năm	Bổ sung thùng rác để tiến hành phân loại rác thải hữu cơ và vô cơ (phục vụ cho việc tính khối lượng chất thải hàng năm)
Thực hiện các hoạt động từ thiện nhằm giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính	Hàng năm	VINARE đặc biệt quan tâm đến các hoạt động từ thiện gắn liền với mục tiêu giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. VINARE thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.

5. Con người

Mục tiêu	Năm mục tiêu	Tiến trình năm 2025
Tỷ lệ lao động	Hàng năm	Năm 2024, tỷ lệ lao động Nam chiếm 48% so với lao động Nữ 52%

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI ESG

Nhằm tiếp tục hệ thống hóa các sáng kiến đã triển khai và nâng cao mức độ tích hợp ESG trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị VINARE đã phê duyệt lộ trình triển khai ESG trong giai đoạn tới. Lộ trình này tập trung vào ba lĩnh vực trọng tâm gồm vận hành doanh nghiệp, hoạt động nghiệp vụ tái bảo hiểm và hoạt động đầu tư, qua đó từng bước xây dựng mô hình kinh doanh bền vững và phù hợp với các xu hướng phát triển của thị trường bảo hiểm quốc tế.



VẬN HÀNH



Hạng mục	Mục tiêu & Giải pháp	Thời gian thực hiện
Phân loại rác	Bố trí thùng rác phân loại (hữu cơ – vô cơ) tại toàn bộ các tầng tòa nhà	Năm 2026
Tiết giảm nhiên liệu hóa thạch	Chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang ô tô điện	2025 - 2030
Tiết kiệm điện năng	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái tòa nhà	Năm 2027
Hệ thống điều hòa - máy lạnh	Rà soát hiệu suất, thay thế dần bằng thiết bị đạt chuẩn tiết kiệm năng lượng	2025 - 2030
Quản lý chai thủy tinh tái sử dụng	Gắn nhãn hạn sử dụng trực tiếp lên từng chai (ví dụ: SD trước tháng/năm) để kiểm soát vòng đời sử dụng; đến ngưỡng thời gian nhất định thì loại bỏ, tránh tái sử dụng quá mức gây mất an toàn. Đồng thời, rà soát toàn bộ quy trình đun rửa, vệ sinh chai thủy tinh để đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn sử dụng nội bộ.	Triển khai từ 2025, rà soát định kỳ

NGHIỆP VỤ



Hạng mục	Mục tiêu & Giải pháp	Thời gian thực hiện
Lồng ghép yếu tố ESG trong đánh giá rủi ro	Xây dựng bộ tiêu chí ESG cho khách hàng; yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến môi trường – xã hội – quản trị khi tham gia nhận tái	2025 - 2026
Tăng doanh thu nhận tái từ các lĩnh vực ESG-positive	Tăng doanh thu nhận tái từ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tòa nhà xanh...	2027 - 2030

ĐẦU TƯ



Hạng mục	Mục tiêu & Giải pháp	Thời gian thực hiện
Đầu tư có trách nhiệm	Rà soát lại danh mục đầu tư, loại bỏ dần các khoản đầu tư vào lĩnh vực ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường	2025 - 2028
Tăng tỷ trọng đầu tư xanh	Ưu tiên đầu tư vào trái phiếu xanh, quỹ ESG, dự án năng lượng tái tạo, công trình xanh	2026 - 2040

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững đang trở thành một yếu tố quan trọng trong hoạt động của ngành bảo hiểm và tái bảo hiểm. Các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) không chỉ tạo ra những rủi ro, thách thức mới mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm. Việc quản trị hiệu quả các yếu tố ESG giúp VINARE tăng cường khả năng chống chịu trước các rủi ro dài hạn và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.



Rủi ro liên quan đến phát triển bền vững (Sustainability Risk / ESG Risk) là các rủi ro phát sinh từ các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) bao gồm:



1.

Rủi ro môi trường



Rủi ro vật lý phát sinh từ các hiện tượng thời tiết cực đoan hoặc từ những thay đổi dài hạn của khí hậu.

- Rủi ro cấp tính: Phát sinh từ các sự kiện thời tiết cực đoan xảy ra bất ngờ như bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng...
- Rủi ro mãn tính: Xuất phát từ những thay đổi dài hạn của khí hậu như nhiệt độ trung bình tăng, mực nước biển dâng hoặc thay đổi lượng mưa...

Phương thức quản trị:

- Các rủi ro khí hậu, bao gồm hiện tượng thời tiết cực đoan và xu hướng biến đổi khí hậu dài hạn, được lồng ghép vào quy trình thẩm định, định phí, quản lý danh mục nhận tái và xác định mức giữ lại, nhằm bảo đảm khả năng chống chịu và ổn định tài chính trong dài hạn.
- Sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Xác định mức tái bảo hiểm bảo vệ cần mua phù hợp với mức độ tổn thất và tần suất tổn thất nhất định.
- Hội đồng quản trị giám sát các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và tích hợp nội dung này vào định hướng chiến lược, quản lý vốn và phát triển bền vững của VINARE.

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.

Rủi ro chuyển đổi



Rủi ro chuyển đổi phát sinh trong quá trình nền kinh tế chuyển dịch sang mô hình phát triển phát thải thấp. Những thay đổi về chính sách, công nghệ và thị trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và danh mục rủi ro của doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Rủi ro chính sách và pháp lý: Các quy định liên quan đến giảm phát thải, thuế carbon hoặc tiêu chuẩn môi trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động của các ngành kinh tế mà doanh nghiệp đang cung cấp bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm.
- Rủi ro công nghệ: sự xuất hiện của các công nghệ mới có mức độ phát thải thấp thay thế công nghệ cũ có mức độ phát thải cao làm thay đổi bản chất của rủi ro được bảo hiểm.
- Rủi ro thị trường: Nhu cầu bảo hiểm đối với một số ngành có cường độ phát thải cao có thể suy giảm trong dài hạn kéo theo suy giảm doanh thu phí bảo hiểm trong khi nguồn doanh thu bảo hiểm của các loại hình mới chưa đủ bù đắp.
- Rủi ro đầu tư: Danh mục đầu tư của doanh nghiệp tái bảo hiểm có thể chịu tác động từ sự thay đổi giá trị của các tài sản/ cổ phiếu/ doanh nghiệp liên quan đến nhiên liệu hóa thạch hoặc các ngành có mức phát thải cao.
- Rủi ro danh tiếng: áp lực từ xã hội, nhà đầu tư hoặc khách hàng nếu doanh nghiệp bị đánh giá là chưa có cam kết mạnh mẽ về khí hậu.

Phương thức quản trị:

- Các rủi ro chuyển dịch được xem xét trong quá trình xây dựng chiến lược, quản lý danh mục nhận tái, đầu tư và quản lý vốn, nhằm bảo đảm VINARE chủ động thích ứng với xu hướng phát triển bền vững và duy trì năng lực cạnh tranh trong dài hạn.
- Hội đồng quản trị giám sát các rủi ro chuyển dịch liên quan đến ESG, bao gồm thay đổi về chính sách, quy định, thị trường và kỳ vọng của nhà đầu tư, đối tác và các tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

Cơ hội:

- Phát sinh nhu cầu bảo hiểm, tái bảo hiểm đối với các hình thức sản xuất kinh doanh có mức phát thải thấp (nông nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, xe điện...)
- Gia tăng nhu cầu bảo hiểm và tái bảo hiểm đối với rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Nâng cao uy tín trên thị trường thông qua vai trò cung cấp năng lực bảo hiểm; thông qua vai trò cầu nối, tham gia hỗ trợ xây dựng, phát triển các chính sách, sản phẩm về bảo hiểm thiên tai, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm chỉ số
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nhà tái bảo hiểm toàn cầu trong việc tìm kiếm, đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro biến đổi khí hậu cho thị trường trong nước.
- Đầu tư vào tài sản xanh, năng lượng tái tạo (trực tiếp hoặc gián tiếp qua thị trường tài chính).

3.

Rủi ro xã hội



- Rủi ro “khoảng trống bảo hiểm” khi nhiều khu vực có rủi ro thiên tai cao nhưng tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm thấp.
- Rủi ro khách hàng và trách nhiệm xã hội: từ chối chi trả bồi thường do thiên tai có thể ảnh hưởng uy tín.
- Rủi ro nhân sự và nguồn nhân lực chất lượng cao (thiếu chuyên gia ESG, AI, dữ liệu...).

Phương thức quản trị:

- Các rủi ro xã hội được lồng ghép vào hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, chính sách nhân sự và quản lý quan hệ với các bên liên quan, nhằm góp phần thu hẹp khoảng trống bảo hiểm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và duy trì sự phát triển ổn định, bền vững trong dài hạn.
- Hội đồng quản trị giám sát các rủi ro xã hội liên quan đến khả năng tiếp cận bảo hiểm (insurance gap), trách nhiệm xã hội và phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm các yếu tố này được xem xét trong định hướng chiến lược và phát triển bền vững của VINARE.

Cơ hội:

- Phát triển, thúc đẩy sản phẩm bảo hiểm vi mô, bảo hiểm cho nhóm dễ bị tổn thương.
- Tăng lòng tin của khách hàng và uy tín thương hiệu thông qua việc giải quyết bồi thường chính xác, minh bạch, nhanh chóng.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo và tuyển dụng mới.

4.

Rủi ro quản trị



- Rủi ro chiến lược liên quan ESG: phát sinh khi các yếu tố ESG chưa được tích hợp đầy đủ và nhất quán vào quá trình xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh dài hạn của VINARE. Trong bối cảnh yêu cầu của thị trường, nhà đầu tư và các tổ chức xếp hạng ngày càng coi trọng năng lực quản trị rủi ro khí hậu, phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, việc chậm thích ứng hoặc thiếu định hướng ESG rõ ràng có thể làm suy giảm năng lực cạnh tranh, hạn chế khả năng tiếp cận cơ hội kinh doanh mới và ảnh hưởng đến vị thế, xếp hạng tín nhiệm của Tổng công ty.
- Rủi ro tuân thủ và minh bạch ESG: phát sinh từ khả năng chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về công bố thông tin ESG, đặc biệt liên quan đến tính nhất quán, độ tin cậy và khả năng kiểm chứng của dữ liệu. Trong bối cảnh VINARE hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý và các tổ chức xếp hạng, việc công bố thông tin ESG không đầy đủ hoặc thiếu chính xác có thể dẫn đến rủi ro pháp lý, ảnh hưởng đến uy tín, niềm tin của nhà đầu tư và các bên liên quan.

Phương thức quản trị:

- Các rủi ro quản trị được quản lý thông qua việc củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý tuân thủ, kiểm toán nội bộ và cơ chế công bố thông tin, nhằm bảo đảm tính liêm chính, trách nhiệm giải trình và duy trì niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan trong dài hạn.
- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát các rủi ro quản trị liên quan đến ESG, bao gồm cơ cấu quản trị, phân định trách nhiệm, tuân thủ pháp luật, đạo đức kinh doanh và minh bạch thông tin.

Cơ hội:

- Nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp.
- Cải thiện hệ thống quản trị rủi ro tích hợp (ERM).
- Tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn quốc tế.



Với vai trò là doanh nghiệp tái bảo hiểm quốc gia, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) nhận thức rằng biến đổi khí hậu vừa đặt ra những thách thức đáng kể đối với quản trị rủi ro bảo hiểm, vừa mở ra cơ hội phát triển các giải pháp tài chính nhằm nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các rủi ro thiên tai. Công ty tiếp tục tăng cường năng lực đánh giá rủi ro khí hậu, đồng thời thúc đẩy phát triển các sản phẩm và giải pháp tái bảo hiểm hỗ trợ thị trường bảo hiểm và cộng đồng trong quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu.

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Các tác động của môi trường, xã hội đối với VINARE



VINARE là công ty kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của VINARE.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, thiên tai với tần suất và mức độ nghiêm trọng gia tăng đang tạo ra những tác động đáng kể đối với hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, hạn hán và nắng nóng kéo dài làm gia tăng tổn thất bảo hiểm, gây áp lực lên khả năng dự báo rủi ro, mức phí, dự phòng nghiệp vụ và hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, sự thay đổi về mô hình rủi ro thiên tai làm gia tăng tính bất định và nguy cơ tích tụ tổn thất, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực mô hình hóa rủi ro, quản trị vốn, tái cấu trúc danh mục nhận bảo hiểm – tái bảo hiểm và tích hợp rủi ro khí hậu vào khuôn khổ quản trị rủi ro tổng thể nhằm đảm bảo an toàn tài chính và phát triển bền vững trong dài hạn.

Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của VINARE chịu ảnh hưởng trực tiếp của các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Năm 2024, trách nhiệm giữ lại của các tổn thất do bão Yagi chiếm 38,5% tổng trách nhiệm giữ lại của các tổn thất. Đây là năm VINARE chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do tổn thất thiên tai, khiến lợi nhuận trước thuế giảm gần 2% so với năm 2023.

Năm 2025, các cơn bão Bualoi, Matmo, Kalmaegi, Fengshen và đợt lũ lụt nghiêm trọng ở miền Trung và Nam Trung Bộ cũng đã gây ra một số tổn thất đáng kể, tuy không nặng nề như tổn thất do bão Yagi. Trách nhiệm giữ lại của các tổn thất do thiên tai trong năm 2025 chiếm 8,6% tổng trách nhiệm giữ lại của các tổn thất.

Ảnh hưởng của tổn thất do thiên tai được trình bày chi tiết tại Chương IV – Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 2025.

Các tác động từ hoạt động kinh doanh của VINARE đối với môi trường, xã hội



VINARE tiến hành đánh giá các tác động tới môi trường của từng chức năng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động này. Việc xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường, xã hội giúp VINARE giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

VINARE không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của VINARE đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của VINARE (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của VINARE).

Quản lý rủi ro trong chuỗi giá trị:

Xác định và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh: Tầm nhìn về phát triển bền vững của VINARE được tích hợp với chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, lợi ích cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.

Xây dựng chính sách quản lý rủi ro phát triển bền vững: xây dựng quy trình để đảm bảo áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của VINARE đối với phát triển bền vững.

Thực hiện đánh giá các rủi ro của hoạt động đầu tư: Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của hoạt động đầu tư giúp cho VINARE nhận diện và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi quyết định thực hiện đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của phương án phân bổ tài sản, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của việc đầu tư đối với cộng đồng và xã hội.

Quản lý rủi ro trong hoạt động của VINARE đối với môi trường và xã hội: việc khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của VINARE có những tác động nhất định đến môi trường. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị thuê diện tích văn phòng, VINARE đã thực hiện các biện pháp phù hợp

nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo.

Đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp: VINARE xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của VINARE đối với môi trường, xã hội.

Đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống: Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về các tác động đối với môi trường và xã hội, đảm bảo rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của VINARE.

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



Các tiêu chuẩn về KINH TẾ

Phát huy tăng trưởng hiệu quả, bền vững

Tham khảo nội dung tại Chương IV

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Tham gia tích cực vào các chương trình bảo hiểm của chính phủ

**Bảo hiểm Nông nghiệp
theo Nghị định
số 58/2018/NĐ-CP**

Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp có hiệu lực từ ngày 5/6/2018 quy định khung pháp lý cho việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. VINARE cùng với đối tác chiến lược Swiss Re và các công ty bảo hiểm trong nước gồm Bảo Việt và Bảo Minh đã tích cực tham gia công tác tổng kết, đánh giá kết quả triển khai bảo hiểm nông nghiệp từ năm 2018 đến 2024 cũng như thực trạng tình hình triển khai trong gần hai năm vừa qua theo yêu cầu của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Hiện tại, dưới sự chủ trì của Bộ Tài chính, VINARE cùng với các thành viên trong Tổ biên tập đang tích cực đóng góp, đề xuất ý kiến cho việc xây dựng các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2018/NĐ-CP nhằm đưa chính sách an sinh xã hội của Chính phủ đi sâu hơn vào đời sống của người dân, đặc biệt đối với lĩnh vực tam nông. Dự kiến, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2018/NĐ-CP sẽ được Chính phủ thông qua vào quý 2/2026.

Tác động kinh tế gián tiếp



VINARE là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trên thị trường Việt Nam, cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, góp phần bảo đảm giải quyết tốt quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.

Số tiền chi bồi thường nhận tái bảo hiểm của VINARE (đơn vị: tỷ VNĐ)



Năm 2025

1.302

Năm 2024

1.204

Năm 2023

1.025

Năm 2022

977

Năm 2025, tổng số tiền chi bồi thường nhận tái bảo hiểm của VINARE đạt 1.302 tỷ đồng, tăng so với 1.024 tỷ đồng năm 2024 và 1.025 tỷ đồng năm 2023. Mức chi trả gia tăng phản ánh diễn biến tổn thất trên thị trường bảo hiểm trong bối cảnh rủi ro ngày càng phức tạp, đồng thời cho thấy vai trò của VINARE trong việc chia sẻ rủi ro và hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hiểm gốc thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với người được bảo hiểm.

Với vai trò là doanh nghiệp tái bảo hiểm quốc gia, VINARE góp phần củng cố năng lực tài chính và nâng cao khả năng chống chịu của thị trường bảo hiểm, đặc biệt khi xảy ra các sự kiện tổn thất quy mô lớn.

Song song với đó, VINARE luôn chú trọng xây dựng quy trình giải quyết bồi thường minh bạch, kịp thời và hiệu quả, qua đó hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hiểm nhanh chóng khắc phục hậu quả tổn thất và bảo đảm quyền lợi của khách hàng. Với nền tảng tài chính vững mạnh cùng chiến lược quản trị rủi ro chặt chẽ, VINARE tiếp tục khẳng định uy tín và vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn cho hoạt động bảo hiểm cũng như sự phát triển bền vững của thị trường.



CÁC TIÊU CHUẨN VỀ

KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



Gián tiếp đầu tư trở lại nền kinh tế

VINARE không chỉ thực hiện vai trò là doanh nghiệp tái bảo hiểm hàng đầu mà còn chủ động phân bổ và tái đầu tư nguồn vốn vào nền kinh tế, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính và các lĩnh vực sản xuất – kinh doanh.

Năm 2025, tổng giá trị nguồn vốn được VINARE tái đầu tư đạt 5.666 tỷ đồng, tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng so với các năm trước (5.099 tỷ đồng năm 2024; 4.504 tỷ đồng năm 2023 và 4.156 tỷ đồng năm 2022). Quy mô đầu tư ngày càng mở rộng cho thấy hiệu quả trong công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn, đồng thời phản ánh năng lực tài chính ổn định của Công ty.

Thông qua hoạt động đầu tư, VINARE không chỉ tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn mà còn góp phần cung cấp nguồn lực tài chính cho nền kinh tế. Điều này khẳng định vai trò của VINARE không chỉ là một doanh nghiệp tái bảo hiểm vững mạnh mà còn là một tổ chức tài chính tích cực đồng hành cùng sự phát triển bền vững của thị trường và nền kinh tế Việt Nam.

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế của VINARE (đơn vị: tỷ VNĐ)



Gắn kết tiêu chí môi trường xã hội và quản trị (ESG) trong hoạt động đầu tư của VINARE

Tại VINARE, an toàn và hiệu quả luôn là nguyên tắc cốt lõi trong mọi quyết định đầu tư, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Chúng tôi tin rằng một chiến lược đầu tư vững chắc không chỉ bảo vệ quyền lợi của cổ đông, khách hàng và người lao động, mà còn tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Các đóng góp gián tiếp về kinh tế

Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Số tiền nộp ngân sách nhà nước của VINARE (đơn vị: tỷ VNĐ)



VINARE luôn đề cao trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, góp phần quan trọng vào nguồn thu ngân sách quốc gia. Trong những năm qua, Công ty duy trì mức đóng góp ổn định cho ngân sách nhà nước, thể hiện sự phát triển bền vững cũng như cam kết lâu dài đối với nền kinh tế.

Năm 2025, tổng số tiền VINARE nộp ngân sách nhà nước đạt 94,3 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định vai trò của Công ty là doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, minh bạch trong

hoạt động tài chính và tích cực đóng góp cho ngân sách quốc gia.

Mỗi khoản đóng góp của VINARE không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh mà còn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và sự phát triển chung của đất nước. Với nền tảng tài chính vững chắc và định hướng tăng trưởng bền vững, VINARE sẽ tiếp tục duy trì và phát huy vai trò là một trong những doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước trong những năm tới.

Chi trả cổ tức cho cổ đông

Số tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông của VINARE (đơn vị: tỷ VNĐ)

Chi tiêu	Năm 2025 (dự kiến)	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Số tiền chi trả cổ tức	200,6	182,3	165,8	150
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	10%	10%	10%	10%
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	5%	10%	10%	10%

Năm 2025, VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2024 với tỷ lệ 10% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 được Hội đồng quản trị thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông là 10% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu.

Chống tham nhũng

VINARE luôn coi tính minh bạch, liêm chính và tuân thủ pháp luật là những nguyên tắc nền tảng trong hoạt động quản trị và kinh doanh. Tổng công ty kiên định xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng, trong đó mọi hành vi tham nhũng, hối lộ hay gian lận đều không được chấp nhận dưới bất kỳ hình thức nào.



Trong năm 2025, VINARE không ghi nhận trường hợp tham nhũng nào phát sinh trong toàn hệ thống. Kết quả này cho thấy hiệu quả của các cơ chế quản trị và kiểm soát nội bộ mà Tổng công ty đang duy trì, đồng thời phản ánh ý thức tuân thủ cao của đội ngũ cán bộ nhân viên trong việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật.

Nhằm củng cố văn hóa liêm chính trong tổ chức, VINARE tiếp tục triển khai và thực thi Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, qua đó thiết lập các chuẩn mực rõ ràng về hành vi và trách nhiệm của mỗi cán bộ nhân viên trong quá trình thực hiện công việc. Các quy định này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm các hoạt động kinh doanh được tiến hành minh bạch, công bằng và phù hợp với thông lệ quản trị tốt.

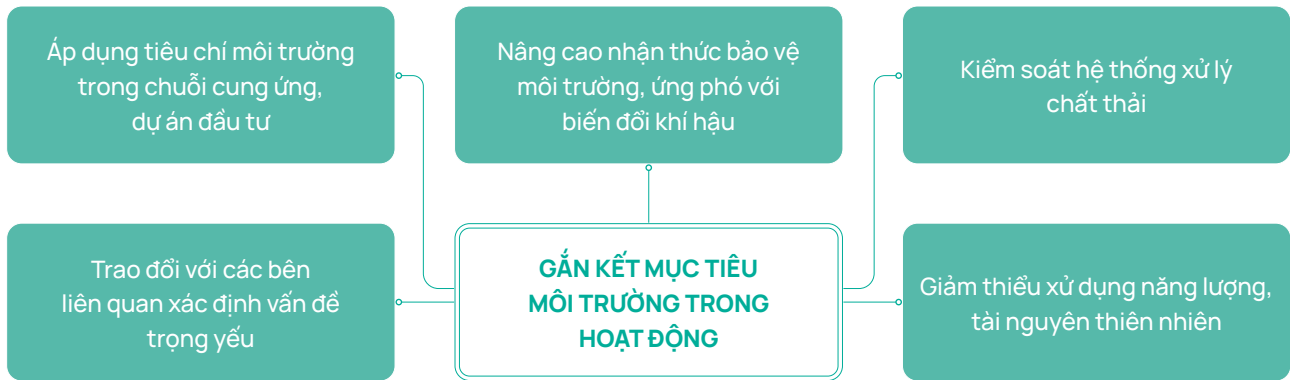
Song song với đó, VINARE chú trọng nâng cao nhận thức về phòng, chống tham nhũng thông qua các chương trình truyền thông và đào tạo nội bộ, giúp cán bộ nhân viên chủ động nhận diện các rủi ro liên quan, cũng như kịp thời phản ánh và xử lý các hành vi vi phạm nếu phát sinh. Các cơ chế giám sát và phản hồi tiếp tục được duy trì nhằm bảo đảm mọi hoạt động của Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

Với hệ thống quản trị minh bạch và văn hóa doanh nghiệp đề cao tính liêm chính, VINARE tiếp tục củng cố uy tín của mình trên thị trường tái bảo hiểm, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển ổn định và bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Các tiêu chuẩn về MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của VINARE tác động không đáng kể đến môi trường. Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của VINARE – đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.



Kết quả kiểm kê khí nhà kính năm 2024-2025

Phạm vi	Hoạt động phát thải	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Phạm vi 1	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống	tCO ₂ e	0,41	0,67
	Đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp	tCO ₂ e	17,70	21,81
	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống điều hòa	tCO ₂ e	0	0
	Phạm vi 1 - Tổng	tCO ₂ e	18,11	22,48
Phạm vi 2	Tiêu thụ điện cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng, tiêu thụ điện cho hệ thống nóng lạnh và sưởi	tCO ₂ e	409,18	392,74
	Phạm vi 2 - Tổng	tCO ₂ e	409,18	392,74
Tổng cộng		tCO ₂ e	427,29	415,23

Bảng tổng hợp phát thải theo nguồn phát thải năm 2025

Nguồn số	Các nguồn phát thải	Tổng lượng phát thải (tấn CO ₂ e)	% phát thải
Phát thải trực tiếp		22,48820	-
Nguồn 1	Quá trình đốt nhiên liệu thiết bị cố định	0,67111	0,16%
Nguồn 2	Quá trình đốt nhiên liệu từ thiết bị di động	21,81909	5,26%
Phát thải gián tiếp		392,7465	-
Nguồn 3	Sử dụng điện mua ngoài	392,7465	94,58%
Tổng		415,2347	100%

Bảng tổng hợp phát thải theo phạm vi năm 2025

Phạm vi	Nguồn phát thải	Lượng phát thải (tấn CO ₂ e) năm 2025	% phát thải 2025
Phạm vi 1	Phát thải trực tiếp từ hoạt động vận hành cơ sở	22,48820	5,42
Phạm vi 2	Phát thải gián tiếp từ năng lượng mua bên ngoài	392,7465	94,58
Tổng		415,2347	100%

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Kết quả kiểm kê khí nhà kính cho thấy tổng lượng phát thải của VINARE trong năm 2025 đạt 415,23 tCO₂e, giảm so với mức 427,29 tCO₂e của năm 2024. Mức giảm này chủ yếu đến từ việc tối ưu hóa tiêu thụ điện năng trong hoạt động vận hành, qua đó giúp phát thải thuộc Phạm vi 2 giảm từ 409,18 tCO₂e xuống 392,74 tCO₂e. Trong khi đó, phát thải Phạm vi 1 tăng nhẹ do nhu cầu di chuyển phục vụ hoạt động kinh doanh, tuy nhiên tỷ trọng vẫn ở mức thấp so với tổng lượng phát thải. Kết quả này cho thấy các nỗ lực cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng đã bước đầu mang lại tác động tích cực trong việc giảm dấu chân carbon của doanh nghiệp.

Cơ cấu phát thải cũng phản ánh đặc thù hoạt động của VINARE với phần lớn phát thải đến từ nguồn năng lượng tiêu thụ gián tiếp. Trong năm 2025, phát thải từ điện mua ngoài chiếm khoảng 94,58% tổng lượng phát thải, trong khi phát thải từ các hoạt động đốt nhiên liệu trực tiếp chỉ chiếm khoảng 5,42%. Điều này cho thấy phát thải khí nhà kính của VINARE chủ yếu phát sinh từ việc vận hành hệ thống văn phòng, thiết bị công nghệ và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh, thay vì từ các hoạt động sản xuất hay công nghiệp. Do đó, việc quản lý và tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược giảm phát thải của doanh nghiệp.

Việc giảm lượng phát thải trong năm 2025 không chỉ phản ánh hiệu quả của các biện pháp tiết kiệm năng lượng được triển khai, mà còn thể hiện trách nhiệm của VINARE đối với môi trường và phát triển bền vững. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng trở thành thách thức toàn cầu, các doanh nghiệp ngày càng được kỳ vọng đóng vai trò chủ động trong việc giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động của mình. Với nhận thức đó, VINARE xác định việc quản lý phát thải khí nhà kính và sử dụng năng lượng hiệu quả là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trên thực tế, VINARE đã và đang triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong hoạt động vận hành. Các biện pháp như tối ưu hóa hệ thống điều hòa và chiếu sáng, khuyến khích thói quen sử dụng điện tiết kiệm trong môi trường làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để giảm tiêu thụ tài nguyên, cũng như từng bước nghiên cứu khả năng tiếp cận các nguồn năng lượng sạch hoặc năng lượng tái tạo đang được ưu tiên thực hiện. Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm phát thải khí nhà kính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí năng lượng và xây dựng môi trường làm việc thân thiện với môi trường.

Thông qua việc kiểm kê và quản lý phát thải khí nhà kính một cách minh bạch, VINARE thể hiện cam kết đồng hành cùng các mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời góp phần vào nỗ lực chung của cộng đồng doanh nghiệp trong việc giảm thiểu tác động đến môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và hướng tới nền kinh tế carbon thấp. Trong thời gian tới, VINARE sẽ tiếp tục duy trì các giải pháp tiết kiệm năng lượng, đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý phát thải nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát và giảm thiểu dấu chân carbon trong toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Theo dõi và kiểm soát số liệu năng lượng tiêu thụ

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, VINARE đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Số liệu thống kê lượng xăng tiêu thụ của Tổng công ty VINARE năm 2025

	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lượng xăng tiêu thụ	3.099 lít	2.430 lít	5.022,5 lít
	106,93 GJ	80,73 GJ	166,87 GJ
Tổng lượng điện tiêu thụ	595.840 Kwh	620.728 Kwh	589.920 Kwh
	2.145,02 GJ	2.234,62 GJ	2.123,71 GJ
Tổng năng lượng tiêu thụ	2.251,95 GJ	2.315,35 GJ	2.290,58 GJ

Phát thải, Nước thải và Chất thải



	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023
Nước thải	5.457 m ³	5.300 m ³	4.947 m ³
Chất thải	168 m ³	168 m ³	168m ³

Năm 2025, VINARE tiếp tục thực hiện đánh giá toàn diện về tác động môi trường từ hoạt động của tòa nhà trụ sở, nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích mức tiêu thụ năng lượng trong năm 2025, bao gồm điện và nhiên liệu, để tối ưu hóa việc sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường.
- Báo cáo tổng quan về công tác bảo vệ môi trường tại trụ sở, bao gồm các biện pháp kiểm soát chất lượng không khí, quản lý ô nhiễm nguồn nước, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Đồng thời, đánh giá năng lực và trang thiết bị của lực lượng phòng cháy chữa cháy tại chỗ nhằm đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định.

Thông qua các hoạt động này, VINARE không ngừng củng cố cam kết phát triển bền vững, hướng tới một môi trường làm việc xanh và an toàn hơn.



1 Nguồn chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà.

Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, VINARE đều trang bị 01 thùng composit lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà.
- Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty môi trường để xử lý.

Các giải pháp môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in.
- Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa.
- Triển khai phân loại rác thải tại nguồn (giấy, nhựa, rác hữu cơ) nhằm nâng cao hiệu quả thu gom, tái chế và giảm lượng rác thải phải xử lý.

2 Nguồn chất thải khí

Khí thải từ các phương tiện giao thông:

- Từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà.
- Từ các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Duẩn.

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Các giải pháp môi trường

- Khởi động chương trình Văn phòng xanh, khuyến khích việc trang trí nơi làm việc bằng cây xanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.
- Khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường như phương tiện công cộng, đi chung xe hoặc phương tiện tiết kiệm nhiên liệu khi di chuyển phục vụ công việc.
- Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên và khu vực văn phòng nhằm cải thiện chất lượng không khí và tạo môi trường làm việc thân thiện với môi trường.
- Lồng ghép các hoạt động truyền thông nội bộ về bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính nhằm nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc gìn giữ môi trường làm việc xanh – sạch – bền vững.

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



VINARE xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của VINARE, các giải pháp được tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc... được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của VINARE.

Người lao động làm việc tại VINARE được đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, vùng miền. Các chế độ lương thưởng và phúc lợi được đảm bảo.



Việc làm



Năm 2025, tổng số lao động của VINARE

102

người

Năm 2025, tổng số lao động của VINARE là 102 người (giảm 01 người so với năm 2024) bao gồm 13 Ban chức năng và Chi nhánh. Về cơ cấu lao động năm 2025 ít có sự thay đổi so với năm 2024, tỉ lệ lao động Nam chiếm 48% so với lao động Nữ 52%; tỉ lệ lao động trẻ vẫn được VINARE duy trì trong những năm gần đây, năm 2025, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 6%, lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 72%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gần bỏ lâu năm với VINARE chiếm 22%.

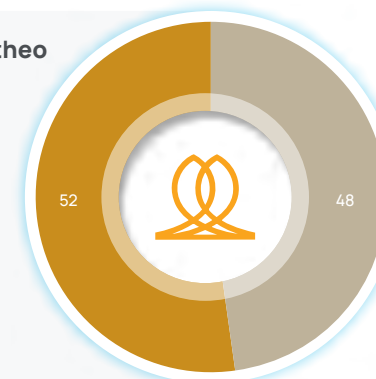
Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2025 lao động của VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, chiếm trên 80%, riêng lao động có trình độ trên đại học chiếm 26%, lao động có trình độ từ cao đẳng trở xuống chiếm 18% (trong đó lao động có trình độ cao đẳng chiếm 10%).

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí

Cơ cấu lao động theo giới tính

ĐVT: %

- Nam
- Nữ



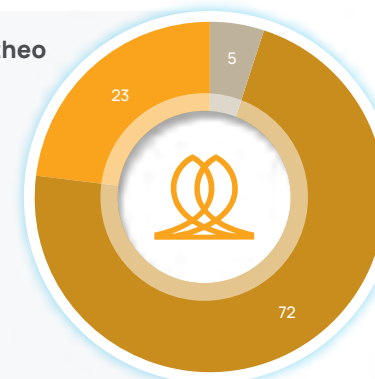
Số lượng cán bộ

- Nam: 49
- Nữ: 53

Cơ cấu lao động theo độ tuổi

ĐVT: %

- Dưới 30 tuổi
- 30-50 tuổi
- Trên 50 tuổi



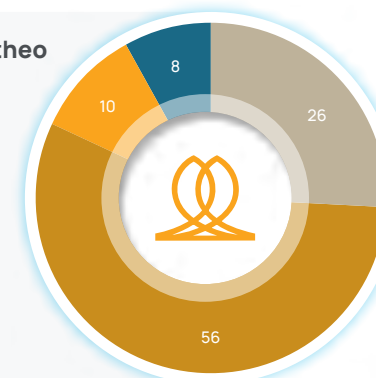
Số lượng cán bộ

- Dưới 30 tuổi: 7
- 30-50 tuổi: 76
- Trên 50 tuổi: 21

Cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo

ĐVT: %

- Trên Đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Khác



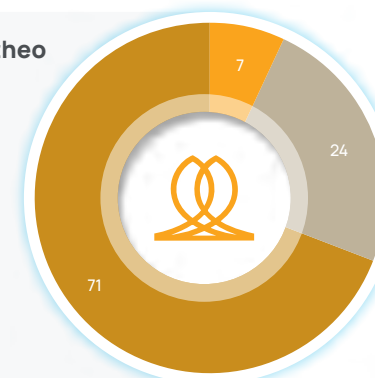
Số lượng cán bộ

- Trên Đại học: 26
- Đại học: 59
- Cao đẳng: 10
- Khác: 8

Cơ cấu lao động theo cấp quản lý

ĐVT: %

- Cấp cao
- Cấp trung
- Nhân viên



Số lượng cán bộ

- Cấp cao: 7
- Cấp trung: 24
- Nhân viên: 71

Năm 2025, tỷ lệ thôi việc của VINARE là 2%, tương đương 02 cán bộ nghỉ việc; trong năm, Công ty tuyển dụng thêm 01 nhân sự mới.

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



Mối quan hệ Lao động và Quản lý



Năm 2025, tổng số cán bộ quản lý của VINARE là

31 người

chiếm tỉ lệ 31% trong tổng số lao động

Trong đó,

Cán bộ quản lý cấp cao là 7 người, chiếm 7%

Cán bộ quản lý cấp trung là 24 người, chiếm 24%.



An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

VINARE nhận thức rằng sự phát triển bền vững của doanh nghiệp luôn gắn liền với vai trò và đóng góp của đội ngũ nhân sự. Vì vậy, VINARE luôn coi con người là tài sản quan trọng nhất và dành sự quan tâm đặc biệt đến việc đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, ổn định và tạo động lực cho người lao động. Chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi của Tổng công ty được xây dựng theo hướng cạnh tranh với thị trường, nhằm đảm bảo đời sống vật chất cho cán bộ nhân viên, đồng thời ghi nhận những nỗ lực, sự gắn bó và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ nhân sự đối với sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp.



Giáo dục và Đào tạo

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ngày càng gắn kết và cạnh tranh, VINARE xác định việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để duy trì và củng cố vị thế trên thị trường. Quá trình hội nhập không chỉ mở ra nhiều cơ hội phát triển mà còn đặt ra những yêu cầu mới về năng lực chuyên môn, khả năng thích ứng và tư duy đổi mới của đội ngũ nhân sự. Nhận thức rõ điều đó, VINARE luôn chú trọng đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực như một phần trong chiến lược phát triển bền vững. Hàng năm, Tổng công ty dành nguồn lực đáng kể cho các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng, nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ, phát triển tư duy chiến lược và tăng cường khả năng thích ứng của cán bộ nhân viên trước những biến động của thị trường, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn của VINARE.



Trong năm 2025, VINARE đã thực hiện đào tạo:

28 lượt cán bộ đào tạo các khóa nghiệp vụ, hội thảo trong nước

06 lượt cán bộ đào tạo các khóa nghiệp vụ nước ngoài



Cơ hội bình đẳng

VINARE luôn chú trọng đến việc tuyển dụng nhân sự và thu hút người tài, cũng như đối xử công bằng với người lao động.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của VINARE đều có sự tham gia của nữ cán bộ.

Cơ cấu giới tính nữ trong:

HĐQT: 2/8 người

Ban kiểm soát: 1/5 người

Ban Điều hành: 1/5 người

Quản lý cấp trung: 10/24 người



Không phân biệt đối xử

VINARE luôn đề cao nguyên tắc công bằng và tôn trọng sự đa dạng trong môi trường làm việc. Công ty cam kết đảm bảo mọi cán bộ nhân viên đều có cơ hội phát triển bình đẳng, không bị phân biệt đối xử về bất kỳ khía cạnh nào, và được đánh giá dựa trên năng lực, hiệu quả công việc cũng như những đóng góp thực tế cho tổ chức. Nguyên tắc này được cụ thể hóa thông qua hệ thống quản trị nhân sự minh bạch, cơ chế đánh giá hiệu quả làm việc khách quan cùng chính sách tiền lương, thưởng và đãi ngộ gắn với thành tích. Việc duy trì môi trường làm việc công bằng không chỉ giúp VINARE thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn khuyến khích mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể

Tại VINARE, chúng tôi luôn xây dựng văn hóa đoàn kết, lối ứng xử hòa nhã trong môi trường làm việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp giàu bản sắc trong đó mỗi cán bộ là một đại sứ thương hiệu không chỉ gắn kết trong hoạt động kinh doanh mà còn góp sức trong hoạt động môi trường vì mục tiêu chung của doanh nghiệp.

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Thực hiện trách nhiệm xã hội

Phát triển sản phẩm cộng đồng

Đóng góp cho cộng đồng

THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với VINARE, các hoạt động vì cộng đồng không chỉ mang ý nghĩa trách nhiệm xã hội mà còn được xem như một khoản đầu tư dài hạn cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thông qua các chương trình và dự án hướng tới cộng đồng, Công ty mong muốn góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời lan tỏa những giá trị tích cực mà doanh nghiệp theo đuổi.

Trên cơ sở đó, VINARE đại diện cho lợi ích của các cổ đông trong việc triển khai các sáng kiến và dự án phát triển cộng đồng, hướng tới việc tạo ra giá trị thiết thực cho xã hội. Những hoạt động này không chỉ mang lại lợi ích cho người dân tại địa phương mà còn góp phần củng cố mối quan hệ gắn kết giữa doanh nghiệp với cộng đồng, qua đó nâng cao uy tín và giá trị lâu dài của VINARE tại những khu vực mà Công ty hoạt động.

1 Hỗ trợ Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Thắm Dương – Lào Cai

Trong năm 2025, VINARE triển khai chương trình hỗ trợ tại Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Thắm Dương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai – nơi phần lớn học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn. Tổng công ty đã tài trợ xây dựng 02 giếng khoan nước sạch, lắp đặt 02 máy nước nóng năng lượng mặt trời và trang bị 01 tủ nấu cơm công nghiệp cùng hệ thống giá để bát inox, với tổng giá trị 155.400.000 đồng. Các hạng mục này góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và bữa ăn bán trú cho học sinh. Bên cạnh đó, đoàn thiện nguyện của VINARE cũng trao tặng nhiều vật dụng thiết yếu như chiếu, giày dép, sách vở, bút và thực phẩm cho các em. Hoạt động góp phần nâng cao điều kiện học tập và sinh hoạt cho học sinh vùng cao.

3 Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt tại tỉnh Thái Nguyên

Trước những thiệt hại do mưa lũ gây ra tại tỉnh Thái Nguyên, VINARE đã ủng hộ 50.000.000 đồng thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên nhằm hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai. Khoản hỗ trợ góp phần giúp các hộ gia đình bị ảnh hưởng sớm ổn định đời sống và từng bước phục hồi sinh kế. Hoạt động thể hiện sự đồng hành của VINARE với cộng đồng trong những thời điểm khó khăn. Thông qua các chương trình hỗ trợ thiên tai, Công ty mong muốn góp phần chia sẻ trách nhiệm xã hội và lan tỏa tinh thần tương thân tương ái.

2 Tri ân các gia đình có công với cách mạng tại tỉnh Bạc Liêu

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, VINARE đã tổ chức thăm hỏi và trao tặng quà cho các gia đình có công với cách mạng tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu với tổng giá trị 50.000.000 đồng. Chương trình nhằm bày tỏ sự tri ân đối với những đóng góp và hy sinh của các thế hệ đi trước trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Thông qua hoạt động này, VINARE tiếp tục phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và lan tỏa các giá trị nhân văn trong cộng đồng. Đây cũng là một trong những hoạt động xã hội được Tổng công ty duy trì thường xuyên trong nhiều năm qua.



4 Hỗ trợ Trường Mầm non Hương Sơn sau thiên tai – Nghệ An

Sau trận lũ lớn do ảnh hưởng của bão số 10 gây thiệt hại nghiêm trọng tại xã Tân An, tỉnh Nghệ An, Công đoàn và Đoàn Thanh niên VINARE đã đại diện tập thể cán bộ, nhân viên Công ty trao tặng bộ giá kệ và đồ chơi cho Trường Mầm non Hương Sơn với tổng giá trị 40.000.000 đồng. Sự hỗ trợ này nhằm góp phần giúp nhà trường khắc phục hậu quả sau thiên tai và cải thiện điều kiện học tập, vui chơi cho các em nhỏ. Món quà tuy không lớn nhưng mang ý nghĩa động viên tinh thần đối với thầy cô và học sinh của trường. Qua đó, VINARE tiếp tục thể hiện sự sẻ chia và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

5 Hỗ trợ học sinh bán trú tại Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Khẩu Ly – Lào Cai

Trong năm 2025, VINARE đã triển khai chương trình hỗ trợ tại Trường PTDT Bán trú Tiểu học và THCS Khẩu Ly, xã Phình Hồ, tỉnh Lào Cai. Cụ thể, Công ty trao tặng 26 suất học bổng (mỗi suất 1.000.000 đồng) cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm khuyến khích tinh thần học tập và tiếp thêm động lực cho các em trên con đường đến trường. Bên cạnh đó, VINARE cũng trao tặng 200 khay cơm inox loại 5 ngăn phục vụ bữa ăn bán trú của học sinh tại trường. Tổng giá trị hỗ trợ của chương trình là 40.000.000 đồng. Hoạt động góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và học tập cho học sinh tại khu vực vùng cao còn nhiều khó khăn.

6 Quyên góp hỗ trợ đồng bào bị thiên tai tại nhiều địa phương

Bên cạnh các chương trình hỗ trợ cụ thể, trong năm 2025 cán bộ, nhân viên VINARE cũng tích cực tham gia quyên góp nhằm hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại Thái Nguyên, khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Tổng số tiền quyên góp và hỗ trợ đạt gần 175.000.000 đồng. Nguồn kinh phí này được sử dụng để hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả mưa lũ, ổn định đời sống và tái thiết sinh kế. Hoạt động thể hiện tinh thần đoàn kết và sự chung tay của tập thể VINARE trong các hoạt động vì cộng đồng.

Bên cạnh các chương trình hỗ trợ trên phạm vi cả nước, VINARE cũng duy trì các hoạt động thiện nguyện tại phường Cửa Nam, qua đó góp phần xây dựng mối quan hệ gắn bó và đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026
Xác nhận của Người Đại diện theo pháp luật
về Báo cáo thường niên năm 2025



MAI XUÂN DŨNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH



CHƯƠNG

06

148 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

148 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

150 Báo cáo kiểm toán độc lập

152 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

156 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

159 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

160 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

208 Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch
Bà Anna Lee Oh Wah	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2025)
Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên
Ông Đoàn Việt Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Ngọc Vượng	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Việt Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Ông Tushar Chatterjee	Thành viên
Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giàng Võ,
Thành phố Hà Nội,
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0670/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026, từ trang 152 đến trang 207, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1



Phạm Huy Bắc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5197-2026-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DNPNT/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		6.778.849.018.714	5.466.527.432.290
I. Tiền và tương đương tiền	110	5	58.367.304.896	145.428.912.948
1. Tiền	111		7.367.304.896	95.428.912.948
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.351.144.807.498	2.359.284.349.627
1. Chứng khoán kinh doanh	121		173.907.022	173.907.022
2. Đầu tư ngắn hạn	121		3.351.144.807.498	2.359.284.349.627
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(173.907.022)	(173.907.022)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		834.381.186.401	765.757.228.366
1. Phải thu của khách hàng	131	7	660.641.000.966	624.191.049.354
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		660.641.000.966	624.186.606.580
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	4.442.774
2. Trả trước cho người bán	132		237.849.000	176.929.454
3. Các khoản phải thu khác	135	8	225.516.026.411	187.231.520.504
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(52.013.689.976)	(45.842.270.946)
IV. Hàng tồn kho	140		56.205.349	53.204.009
1. Hàng tồn kho	141		56.205.349	53.204.009
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		779.010.564.330	497.319.698.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	777.474.671.077	496.231.291.153
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		777.182.095.145	495.914.588.573
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		292.575.932	316.702.580
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.535.893.253	1.088.407.718
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190	20	1.755.888.950.240	1.698.684.038.469
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		762.330.147.394	701.983.536.698
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		993.558.802.846	996.700.501.771



Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		2.837.371.678.844	3.311.024.139.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.452.465.754	30.539.526.029
1. Phải thu dài hạn khác	218		28.452.465.754	30.539.526.029
1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1		28.000.000.000	28.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2	8	452.465.754	2.539.526.029
II. Tài sản cố định	220		17.391.011.613	20.334.127.715
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.050.230.029	10.171.427.542
- Nguyên giá	222		38.656.432.871	37.228.296.471
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.606.202.842)	(27.056.868.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.340.781.584	10.162.700.173
- Nguyên giá	228		18.723.320.933	16.379.185.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.382.539.349)	(6.216.485.760)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	-	954.071.644
- Nguyên giá	231		34.055.061.893	34.055.061.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(34.055.061.893)	(33.100.990.249)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.202.761.368
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	14	-	3.752.597.748
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.450.163.620
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.779.714.491.796	3.241.702.414.776
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		391.235.617.957	378.470.196.130
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		303.193.226.180	309.296.176.180
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	258		2.085.285.647.659	2.553.936.042.466
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.813.709.681	11.291.238.251
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.227.688.707	756.407.180
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.727.687.641	2.676.497.738
3. Tài sản dài hạn khác	268	15	7.858.333.333	7.858.333.333
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.616.220.697.558	8.777.551.572.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DNPNT/HN

			Đơn vị: VND	
NGUỒN VỐN			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5.428.479.834.755	4.833.092.267.465
I. Nợ ngắn hạn	310		5.424.435.834.642	4.831.361.073.837
1. Phải trả cho người bán	311	16	841.550.398.765	775.096.236.562
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		840.490.415.547	774.009.651.350
1.2. Phải trả khác cho người bán	311.2		1.059.983.218	1.086.585.212
2. Người mua trả tiền trước	312		173.352.849	409.228.046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	27.328.932.173	16.252.053.492
4. Phải trả người lao động	314		41.326.219.822	33.644.500.387
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.112.842.600	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	63.881.376.996	66.633.489.808
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	255.983.732.339	176.856.406.576
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	19	34.216.934.115	29.054.437.446
9. Dự phòng nghiệp vụ	329	20	4.158.862.044.983	3.733.414.721.520
9.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và dự phòng toán học	329.1		1.795.986.275.923	1.545.868.114.307
9.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		2.124.180.906.413	1.970.144.169.331
9.3. Dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		238.694.862.647	217.402.437.882
II. Nợ dài hạn	330		4.044.000.113	1.731.193.628
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	1.481.536.670	1.731.193.628
2. Dự phòng phải trả dài hạn	336		2.562.463.443	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		4.187.740.862.803	3.944.459.304.608
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.187.740.862.803	3.944.459.304.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.006.302.480.000	1.823.914.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.006.302.480.000	1.823.914.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		369.756.607.309	369.756.607.309
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		206.077.621.278	206.077.621.278
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		200.630.248.000	182.391.455.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.369.459.688.458	1.328.818.763.482
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		964.039.378.482	951.997.277.891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		405.420.309.976	376.821.485.591
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		35.514.217.758	33.500.307.539
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.616.220.697.558	8.777.551.572.073

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	7.229,60	3.357.310,43
Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	19.912,05	98.131,97


Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu


Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DNPNT/HN

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	2.398.388.582.321	1.903.414.913.090
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	8.828.858.303	11.481.301.480
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	472.139.271.445	425.244.331.791
3. Thu nhập khác	13	1.374.840.799	2.652.569.136
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	2.222.691.300.285	1.737.161.786.686
5. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	(3.142.107.154)	6.921.518.047
6. Chi phí hoạt động tài chính	22	31.763.633.548	26.711.489.181
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	129.178.634.746	123.316.518.427
8. Chi phí khác	24	1.080.252.370	937.052.720
9. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	25	26.254.024.305	33.144.376.173
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 11 + 12 + 13 - 20 - 21 - 22 - 23 - 24 + 25)	50	525.413.863.378	480.889.126.609
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	85.276.597.314	76.677.323.101
12. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	948.810.097	(246.095.538)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	439.188.455.967	404.457.899.046
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.112	1.961

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND					
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.2 - 01.3)	01	22	3.410.066.352.773	2.900.584.369.437	
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		3.660.184.514.389	3.153.316.424.532	
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		250.118.161.616	252.732.055.095	
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1 - 02.2)	02	23	1.473.943.793.542	1.351.525.727.839	
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.534.290.404.238	1.413.285.629.552	
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		60.346.610.696	61.759.901.713	
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		1.936.122.559.231	1.549.058.641.598	
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		462.266.023.090	354.356.271.492	
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	25	434.646.840.351	326.316.216.692	
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	26	27.619.182.739	28.040.054.800	
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		2.398.388.582.321	1.903.414.913.090	
6. Chi bồi thường (11= 11.1)	11		1.302.461.584.162	1.204.849.234.731	
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.302.461.584.162	1.204.849.234.731	
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		623.570.176.061	632.979.577.033	
8. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		117.569.244.291	300.853.628.546	
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(34.114.048.287)	85.290.039.901	
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	24	830.574.700.679	787.433.246.343	
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		21.292.424.765	6.372.200.051	
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17		1.370.824.174.841	943.356.340.292	
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	25	1.291.053.305.020	886.196.402.981	
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	26	79.770.869.821	57.159.937.311	
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		2.222.691.300.285	1.737.161.786.686	
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		175.697.282.036	166.253.126.404	

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 02-DNPNT/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		8.828.858.303	11.481.301.480
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		(3.142.107.154)	6.921.518.047
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		11.970.965.457	4.559.783.433
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	27	472.139.271.445	425.244.331.791
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	28	31.763.633.548	26.711.489.181
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		440.375.637.897	398.532.842.610
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	129.178.634.746	123.316.518.427
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 - 26)	30		498.865.250.644	446.029.234.020
23. Thu nhập khác	31		1.374.840.799	2.652.569.136
24. Chi phí khác	32		1.080.252.370	937.052.720
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		294.588.429	1.715.516.416
26. Phần lợi nhuận thuần công ty liên kết	41		26.254.024.305	33.144.376.173
27. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		525.413.863.378	480.889.126.609
28. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	85.276.597.314	76.677.323.101
29. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		948.810.097	(246.095.538)
30. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		439.188.455.967	404.457.899.046
Phân bổ cho				
31. Tổng Công ty	61		437.174.545.748	404.924.217.810
32. Cổ đông không kiểm soát	62		2.013.910.219	(466.318.764)
33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.112	1.961


Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu


Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 03-DNPNT/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	01	979.305.620.398	1.116.751.883.461
2.	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(640.310.569.449)	(627.872.352.059)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(64.546.592.997)	(59.560.865.293)
4.	Trả tiền nộp thuế TNDN	05	(74.200.278.365)	(74.947.757.823)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	43.121.582.493	17.389.818.393
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(55.153.772.117)	(45.048.131.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	188.215.989.963	326.712.594.973
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.840.489.120)	(5.958.430.322)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	152.568.182
3.	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.441.675.200.000)	(2.712.900.000.000)
4.	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.929.317.089.041	2.092.233.863.014
5.	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	47.150.000.000	-
6.	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	373.255.197.464	541.852.981.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(93.793.402.615)	(84.619.017.262)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(182.391.455.000)	(165.810.617.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	(182.391.455.000)	(165.810.617.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		50	(87.968.867.652)	76.282.960.711
Tiền và tương đương tiền đầu năm		60	145.428.912.948	67.490.368.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	907.259.600	1.655.583.777
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)		70	58.367.304.896	145.428.912.948


Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu


Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNPNT/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 28/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004. Theo giấy phép điều chỉnh gần nhất số 28/GPĐC8/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 22 tháng 9 năm 2025, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.006.302.480.000 VND.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2006, toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: VNR).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 107 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Kinh doanh nhận, nhượng Tái bảo hiểm; và
- Đầu tư tài chính.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có một công ty con và một công ty liên kết. Chi tiết như sau:

	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare (“Vinare Invest”)	Đầu tư	Hà Nội, Việt Nam	63,9%	63,9%
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Bảo hiểm	Hồ Chí Minh, Việt Nam	25%	25%

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Trong năm, Tổng Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu Phải trả về hợp đồng bảo hiểm và Dự phòng phải trả ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán liên quan đến phí tái lập ước tính phải trả, theo đó số phí tái lập phải trả sẽ ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu Phải trả về hợp đồng bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc trình bày lại này là phù hợp với bản chất giao dịch và các nguyên tắc kế toán hiện hành.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hiện vẫn còn hiệu lực áp dụng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty và công ty con bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư và các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công nợ tài chính

Công nợ tài chính của Tổng Công ty và công ty con bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty và công ty con nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty và công ty con có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty và công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, đầu tư vào các quỹ ủy thác có thời điểm tất toán được thống nhất trước với các công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư.

Nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải thu của khách hàng về hợp đồng tái bảo hiểm là khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bao gồm phải thu phí nhận tái bảo hiểm, phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, phải thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác nhận nhượng tái bảo hiểm tại thời điểm cuối năm;
- Phải thu khác của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Khi trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có số dư cả phải thu và phải trả, Tổng Công ty căn cứ biên bản đối chiếu công nợ đã gửi đi để trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xử lý theo quy định.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở giá mua bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để mua sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là một phần của tòa nhà văn phòng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty và công ty con. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và công ty con và các đối tác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. BCC được hạch toán và trình bày tùy từng quy định và điều kiện trong hợp đồng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán “Ghi nhận chi phí”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 96 Luật kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản dự phòng phải trả (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm)

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty và công ty con có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty và công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2025/TT-BTC trong đó bãi bỏ Thông tư số 180/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Do đó, kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các phương pháp mà Chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn và hướng dẫn trong:

- Công văn số 2713/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Công văn 2713”). Công văn có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2017.

- Công văn số 2134/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 2 năm 2019 (“Công văn 2134”). Công văn có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) ngày 02 tháng 11 năm 2023 về hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (“Nghị định 46”) ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 67 đã đưa ra các quy định về phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Theo đánh giá của Tổng Công ty, phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm hiện tại theo Công văn 2713 và 2134 là vẫn đảm bảo phù hợp và tuân thủ đối với quy định của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định số 46/2023/NĐ-CP. Tổng Công ty đã có Công văn số 276/VNR-2023 ngày 27 tháng 12 năm 2023 báo cáo Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài Chính về việc tiếp tục áp dụng các phương pháp trích lập dự phòng đã được phê chuẩn tại Công văn 2713 và 2134 nêu trên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có Công văn số 178/VNR-2025 đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn việc giữ nguyên phương pháp và cách thức tính toán dự phòng nghiệp vụ hiện đang áp dụng và điều chỉnh căn cứ pháp lý tham chiếu đối với các phương pháp trích, lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định hiện hành.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, Bộ Tài chính đã có Công văn số 844/BTC-QLBH, theo đó Bộ Tài chính ghi nhận đề xuất của VINARE về việc thay đổi cơ sở pháp lý tham chiếu đối với các phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ và phương pháp, cách thức tính toán dự phòng của Tổng Công ty tại Văn bản số 178/VNR-2025 nói trên.

Các khoản dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

Dự phòng phí chưa được hưởng

- Tái bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được tính dựa trên tổng phí nhận tái/nhuận tái bảo hiểm thuộc năm tài chính được quy định như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

- Tái bảo hiểm nhân thọ

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.

Trong trường hợp Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ có thời gian trên 1 năm, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo thuyết minh chi tiết tại “Dự phòng toán học”.

- Tái bảo hiểm sức khỏe

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe.

Đối với hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm, Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo thuyết minh chi tiết tại “Dự phòng toán học”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm có thể phải trả đối với từng vụ tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (“IBNR”), Tổng Công ty trích lập bằng 5% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo từng loại hình tái bảo hiểm như sau:

- Tái bảo hiểm sức khỏe: Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại.
- Tái bảo hiểm nhân thọ: Tổng Công ty trích lập hàng năm với mức 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng mức 5% của phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty tiếp tục trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất cũng như có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro, lãi suất kỹ thuật theo Công văn 2713 và Công văn 2134 đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được lập như sau:

Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8;
- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty phải đảm bảo kết quả trích lập không thấp hơn phương pháp trích lập theo hệ số 1/8.

Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày theo công thức tổng quát sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ bằng 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (02) điều kiện sau đây:

- Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- Bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường có điều khoản tái lập trách nhiệm hợp đồng, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí tái lập trách nhiệm hợp đồng. Đây là số tiền mà các nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm ban đầu của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của doanh thu phí tái lập trách nhiệm hợp đồng là bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự thu doanh thu phí tái lập trách nhiệm hợp đồng tương ứng với dự phòng bồi thường chưa được giải quyết.

Thu hoa hồng nhượng và các khoản thu khác nhận, nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

Đối với các hoạt động khác

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty và Công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

Ghi nhận chi phí

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là khoản giảm trừ đối với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm. Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận căn cứ hai (02) điều kiện sau đây:

- Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm được xác lập; và
- Bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm của Tổng Công ty, phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận cùng kỳ với kỳ ghi nhận doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tương ứng.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường có điều khoản tái lập trách nhiệm hợp đồng, Tổng Công ty ghi nhận phí tái lập trách nhiệm hợp đồng phải trả. Đây là số tiền mà Tổng Công ty phải đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm ban đầu của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của phí tái lập trách nhiệm hợp đồng phải trả là bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự chi chi phí tái lập tương ứng với dự phòng bồi thường chưa được giải quyết.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm và chi phí khác nhận nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

Chi phí lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự chi (nếu có).

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trong Bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.057.596.776	662.087.387
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.309.708.120	94.766.825.561
Các khoản tương đương tiền (i)	51.000.000.000	50.000.000.000
	58.367.304.896	145.428.912.948

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn ban đầu 7 ngày với lãi suất 0,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn ban đầu là 3 tháng với lãi suất 4,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh	173.907.022	-	(173.907.022)
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	173.907.022	-	(173.907.022)

b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.351.144.807.498	3.433.706.543.584	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.258.250.000.000	3.258.250.000.000	-
- Ủy thác đầu tư (ii)	92.894.807.498	175.456.543.584	-

- (i) Phân ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với mức lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ 4,2%/năm đến 7,5%/năm).
- (ii) Phân ánh các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với công ty liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“VCBF”) và Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (“BVF”) có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng không quá 12 tháng. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2025 VND	Dự phòng tổn thất VND
VCBF số 01/2022/HĐ/VCBF-VNR	70.000.000.000	6.038.218.617	63.961.781.383	-
BVF số 01/2023/QLĐT/VNR-BVF	30.000.000.000	1.066.973.885	28.933.026.115	-
	100.000.000.000	7.105.192.502	92.894.807.498	-

c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác	694.428.844.137	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên kết	391.235.617.957	(*)	-
Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	303.193.226.180	(*)	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền chi phối và không có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn cổ phần như sau:

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	175.037.426.180	1.210.117.239.000	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	38.416.000.000	181.367.424.000	-
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông Nghiệp	32.000.000.000	172.378.118.300	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Hưng Vương	30.000.000.000	(*)	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	17.600.000.000	(*)	-
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	10.139.800.000	(*)	-
	303.193.226.180		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư vào các công ty chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác (tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
	2.085.285.647.659	(*)	-	2.553.936.042.466	(*)	-
Tiền gửi dài hạn (i)	94.000.000.000	94.000.000.000	-	719.000.000.000	719.000.000.000	-
Trái phiếu dài hạn (ii)	1.742.076.706.849	(*)	-	1.607.283.506.849	(*)	-
Ủy thác đầu tư (iii)	249.208.940.810	323.346.415.068	-	227.652.535.617	266.329.865.671	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Phần ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại lớn hơn 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với mức lãi suất 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 6,3%/năm đến 6,4%/năm).

(ii) Phần ánh các khoản đầu tư trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước, có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến 8 năm tính từ thời điểm báo cáo với mức lãi suất từ 5,88%/năm đến 8,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 5,9%/năm đến 7,8%/năm).

(iii) Phần ánh các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo hợp đồng ủy thác ký với Công ty Quản lý Quỹ Vietcombank ("VCBF"), Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI ("SSIAM") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MBC") có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại trên 12 tháng tính từ thời điểm báo cáo. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên số tại ngày 31/12/2025 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2025 VND	Dự phòng tồn thất VND
VCBF số 02/2024/HĐ/VCBF-VNR	60.000.000.000	1.676.833.244	58.323.166.756	77.461.885.118	-
VCBF số 01/2024/HĐ/VCBF-VNR	70.000.000.000	2.750.209.946	67.249.790.054	100.313.552.072	-
SSAM số 35/2015/HĐ-SSIAM-PC	70.000.000.000	1.331.719.266	68.668.280.734	74.308.089.936	-
SSAM số 42/2021/HĐ-SSIAM-PC	16.000.000.000	391.436.129	15.608.563.871	21.817.110.344	-
MBC số 11032/UTĐT/MBCapital-VNR	40.000.000.000	640.860.605	39.359.139.395	49.445.777.598	-
	256.000.000.000	6.791.059.190	249.208.940.810	323.346.415.068	-

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	660.641.000.966	624.186.606.580
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	336.395.231.004	385.318.005.117
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	315.012.022.108	197.628.535.310
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	9.233.747.854	41.240.066.153
Phải thu khác của khách hàng	-	4.442.774
	660.641.000.966	624.191.049.354

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 36):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	66.336.060.491	19.027.271.161
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	2.977.445.618	2.359.379.726
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	(*)	34.112.053.960
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	51.338.617.603	76.139.791.101
	120.652.123.712	131.638.495.948

(*) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex không còn là bên liên quan từ ngày 22 tháng 7 năm 2025.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự thu lãi tiền gửi	101.652.460.955	63.264.640.546
Dự thu lãi trái phiếu	30.429.324.553	25.297.710.892
Phí nhận tái bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm gốc đang giữ lại	64.293.304.413	60.055.265.651
Góp vốn đầu tư tại dự án Tincom Plaza (i)	28.344.694.782	38.176.145.672
Phải thu ngắn hạn khác	796.241.708	437.757.743
	225.516.026.411	187.231.520.504
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Phải thu từ dự án Tincom Plaza (Thuyết minh 9)	(17.801.490.225)	(16.469.045.691)
	207.714.536.186	170.762.474.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Dự án Tincom Plaza

Dự án do công ty con ký theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 02/2010/HĐĐC-Tincom Plaza ngày 01 tháng 7 năm 2010 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long (“Công ty Thăng Long”, “Chủ đầu tư”) để xây dựng Dự án Tincom Plaza (nay là Dự án Skyview Plaza) (“Dự án”) tại số 360 Đường Giải Phóng, Hà Nội.

Tổng số tiền công ty con đã đầu tư vào Dự án là 60.149.250.000 VND trong đó Tổng Công ty góp 7.134.674.895 VND, công ty con góp 30.641.245.983 VND và huy động từ các nhà đầu tư khác là 22.373.329.122 VND.

Theo Quyết định số 02/2018/QĐ-HĐQT để ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã quyết định dừng đầu tư vào dự án này và khởi kiện Chủ đầu tư. Theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân để ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty Thăng Long có nghĩa vụ thanh toán cho công ty con tổng số tiền là 126.376.061.750 VND (bao gồm 60.149.250.000 VND nợ gốc và 66.226.811.750 VND nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2019) bằng tiền hoặc bằng hình thức chuyển nhượng các căn hộ thuộc Dự án để trừ nợ cho công ty con.

Trong năm 2020, Công ty Thăng Long và công ty con đã ký Hợp đồng mua bán 65 căn hộ (“HĐMBCH”) với tổng giá trị là 117.880.956.550 VND để trừ nợ, bao gồm 7 căn đã hoàn thiện tại tòa HH2 với giá trị 17.687.716.550 VND và 58 căn chưa xây tại tòa HH3 với giá trị là 100.193.240.000 VND. Nếu Công ty Thăng Long không hoàn trả toàn bộ khoản nợ thì sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 cho tới ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 13,5%/năm. Số tiền còn lại chưa được thanh toán bằng bù trừ bằng HĐMBCH là 8.495.105.200 VND. Ngoài ra, để được bàn giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu các căn hộ, công ty con cần thanh toán thêm 30% giá trị theo hợp đồng với tổng số tiền là 42.939.960.000 VND. Tổng Công ty và công ty con sẵn sàng chuyển nhượng các HĐMBCH hình thành trong tương lai này để thu hồi vốn nên đã phân loại khoản đầu tư này vào mục phải thu ngắn hạn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, 7 HĐMBCH tại tòa HH2 đã được công ty con chuyển nhượng cho bên thứ ba và Công ty Thăng Long đã thanh toán thêm 9.116.838.668 VND cho công ty con. Do đó, khoản đầu tư gốc này được ghi nhận với giá trị gốc còn lại là 28.344.694.782 VND sau khi trừ giá trị chuyển nhượng thực tế nhận được của 7 HĐMBCH và khoản thanh toán bổ sung nêu trên (trong đó, số dư phải thu còn lại từ vốn góp ban đầu của Tổng Công ty và công ty con lần lượt là 3.362.128.715 VND và 14.439.361.510 VND).

Thỏa thuận bàn giao 58 căn hộ hình thành trong tương lai tại tòa HH3 là 27 căn vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 và 31 căn vào ngày 25 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, đến ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, việc bàn giao 58 căn hộ trên vẫn chưa thực hiện nên Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu với số tiền là 17.801.490.225 VND, tương ứng với 100% giá trị của số dư phải thu còn lại từ vốn góp ban đầu của Tổng Công ty và công ty con.

Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá rằng khả năng thu hồi khoản lãi 81.046.783.855 VND là chưa chắc chắn nên khoản lãi này được trình bày là Tài sản tiềm tàng (Thuyết minh 39 - Tài sản tiềm tàng) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự thu lãi tiền gửi	452.465.754	2.539.526.029
	452.465.754	2.539.526.029

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng đã trích lập VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng đã trích lập VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	3.483.397.687	22.036.487	3.461.361.200			4.659.812.905
- Willis (Singapore) Pte Ltd	1.383.631.017	-	1.383.631.017	2.854.734.242	-	2.854.734.242
- Sogaz Insurance	34.103.334.669	6.646.173.793	27.457.160.876	30.147.898.240	10.928.630.368	19.219.267.872
- Khác	2.931.508.944	1.021.462.286	1.910.046.658	5.403.594.029	2.764.183.793	2.639.410.236
	41.901.872.317	7.689.672.566	34.212.199.751	43.103.545.478	13.730.320.223	29.373.225.255
Phải thu ngắn hạn khác						
Dự án TinCom Plaza (Thuyết minh 8(a))	28.344.694.782	10.543.204.557(*)	17.801.490.225			16.469.045.691
Tổng dự phòng phải thu ngắn hạn			52.013.689.976			45.842.270.946

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

(*) Số tiền 10.543.204.557 VND là vốn của nhà đầu tư hợp vốn cùng với Tổng Công ty và Công ty con để thực hiện dự án. Đối với khoản vốn này, Tổng Công ty không trích lập dự phòng mà chỉ trích lập dự phòng cho phần vốn đầu tư thực tế của Tổng Công ty và Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	495.914.588.573	373.728.468.432
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	1.572.320.811.592	1.008.382.523.122
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(1.291.053.305.020)	(886.196.402.981)
Số dư cuối năm	777.182.095.145	495.914.588.573

b) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	292.575.932	316.702.580
	292.575.932	316.702.580

c) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.227.688.707	756.407.180
	2.227.688.707	756.407.180

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị vấn phòng VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	18.354.529.037	4.724.195.971	12.887.847.164	1.261.724.299	37.228.296.471
Mua sắm mới	-	-	1.428.136.400	-	1.428.136.400
Số dư cuối năm	18.354.529.037	4.724.195.971	14.315.983.564	1.261.724.299	38.656.432.871
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	14.762.109.187	2.138.663.332	9.134.840.766	1.021.255.644	27.056.868.929
Khấu hao trong năm	1.643.923.496	563.846.904	1.252.682.263	88.881.250	3.549.333.913
Số dư cuối năm	16.406.032.683	2.702.510.236	10.387.523.029	1.110.136.894	30.606.202.842
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.592.419.850	2.585.532.639	3.753.006.398	240.468.655	10.171.427.542
Tại ngày cuối năm	1.948.496.354	2.021.685.735	3.928.460.535	151.587.405	8.050.230.029

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.398.592.646 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.712.930.129 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	16.379.185.933	16.379.185.933
Tăng trong năm	2.344.135.000	2.344.135.000
Số dư cuối năm	18.723.320.933	18.723.320.933
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	6.216.485.760	6.216.485.760
Khấu hao trong năm	3.166.053.589	3.166.053.589
Số dư cuối năm	9.382.539.349	9.382.539.349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	10.162.700.173	10.162.700.173
Tại ngày cuối năm	9.340.781.584	9.340.781.584

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.406.217.111 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.406.217.111 VND).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư cho thuê VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	34.055.061.893	34.055.061.893
Số dư cuối năm	34.055.061.893	34.055.061.893
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	33.100.990.249	33.100.990.249
Trích khấu hao trong năm	954.071.644	954.071.644
Số dư cuối năm	34.055.061.893	34.055.061.893
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	954.071.644	954.071.644
Tại ngày cuối năm	-	-

Bất động sản đầu tư thể hiện phần giá trị của tòa nhà số 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội tương ứng với phần diện tích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày, tuy nhiên Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý nên chưa trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án 142 Định Công - số thuận	-	3.752.597.748
Trong đó:		
Giá gốc của khoản chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	-	14.036.123.679
Dự phòng giảm giá chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	-	(10.283.525.931)

Đây là góp vốn đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ và thương mại tại địa chỉ số 142 Định Công giữa Tổng Công ty, Vinare Invest - Công ty con của Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25/2011/HĐHTKD đề ngày 25 tháng 7 năm 2011 (“Hợp đồng 25/2011/HĐHTKD”) và Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 189/2017/HTĐT đề ngày 28 tháng 10 năm 2017.

Dự án đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đồng ý về quy hoạch kiến trúc dự án theo đề xuất của Sở Quy hoạch – Kiến trúc tại Công văn số 1369/VP-ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đề ngày 23 tháng 02 năm 2018.

Theo Công văn số 96/TB-KH&ĐT ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) gửi Vinare Invest, hồ sơ dự án này cơ bản đủ điều kiện để tổng hợp và báo cáo UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương theo quy định. Tuy nhiên dự án hiện đang thuộc đối tượng phải rà soát việc chuyển đổi và sử dụng mục đích sử dụng đất theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội ngày 02 tháng 01 năm 2019. Sau khi có kết quả rà soát, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục hướng dẫn Vinare Invest hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Theo Luật kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 có hiệu lực từ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không được phép thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản từ năm 2028. Dựa trên tiến độ của dự án, Tổng Công ty đánh giá khả năng thu hồi khoản đầu tư này từ nay đến thời hạn có hiệu lực theo luật là thấp. Do đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ giá trị của khoản phải thu này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT trong đó đồng ý chủ trương VINARE không tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 25/2011/HĐHTKD ngày 25 tháng 7 năm 2011 và các văn bản liên quan, đồng thời giao Tổng Công ty thực hiện thu hồi chi phí bảo đảm nguyên tắc thu hồi toàn bộ chi phí cho dự án đã ghi nhận tại Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của Công ty con đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, Hội đồng quản trị Vinare Invest ban hành Quyết định số 02/2025/QĐ-HĐQT trong đó thông qua đề xuất của Ban Điều hành về việc không tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 25/2011/HĐHTKD ngày 25 tháng 7 năm 2011 và các văn bản liên quan, đảm bảo thu hồi toàn bộ chi phí của dự án được ghi nhận tại báo cáo tài chính của Vinare Invest đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đồng thời giao cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinare Invest chỉ đạo thực hiện, báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị sau khi hoàn thành.

Trong năm, đã có đối tác tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến Dự án, Tổng Công ty đã nhận được khoản tiền thanh toán cho toàn bộ các chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra từ đối tác nói trên. Ngày 28 tháng 10 năm 2025, Vinare và Vinare Invest đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng số 25/2011/HĐHTKD ngày 25 tháng 7 năm 2011, Thỏa thuận số 189/2017/HTĐT ngày 20 tháng 10 năm 2017 (và các văn bản có liên quan) và không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Tincom (*)	7.858.333.333	7.858.333.333
	7.858.333.333	7.858.333.333

(*) Thể hiện số tiền của Vinare Invest đã góp liên quan đến việc hợp tác và khai thác sản phẩm tại dự án Tincom Plaza với Công ty Thăng Long tại địa chỉ số 360 Đường Giải Phóng. Công ty con sẽ được nhận một lô đất thấp tầng có diện tích bằng 101,1 m2 sau khi có phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các thủ tục pháp lý đảm bảo điều kiện chuyển nhượng của lô đất dự án chưa được hoàn thiện do phía Chủ đầu tư thay đổi quy hoạch.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán hợp nhất, Công ty con đang tiếp tục làm việc với Công ty Thăng Long để yêu cầu cung cấp bổ sung hồ sơ, căn cứ pháp lý liên quan làm cơ sở để hai bên xem xét, thỏa thuận điều chỉnh nội dung thỏa thuận hợp tác đã ký, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị thu hồi ước tính mà Tổng Công ty và công ty con có thể thu được từ lô đất này không thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản mục tài sản dài hạn này. Do đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	840.490.415.547	774.009.651.350
- Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	327.677.405.059	307.006.412.949
- Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	511.406.707.689	419.959.353.587
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	1.406.302.799	47.043.884.814
Phải trả khác cho người bán	1.059.983.218	1.086.585.212
	841.550.398.765	775.096.236.562

Chi tiết số liệu năm trước được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1	756.931.243.882	17.078.407.468	774.009.651.350
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17.078.407.468	(17.078.407.468)	-

Phải trả khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 36)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	85.596.180.053	33.879.979.504
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	7.529.792.962	2.356.748.729
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	(*)	65.232.969.872
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	21.570.252.435	37.976.794.218
	114.696.225.450	139.446.492.323

(*) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex không còn là bên liên quan từ ngày 22 tháng 7 năm 2025.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	24.546.802	1.002.402.432	997.563.765	29.385.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.377.283.220	85.276.597.314	74.200.278.365	26.453.602.169
Thuế thu nhập cá nhân	611.891.881	15.975.406.017	15.984.461.277	602.836.621
Thuế khác	238.331.589	3.196.597.973	3.191.821.648	243.107.914
	16.252.053.492	105.451.003.736	94.374.125.055	27.328.932.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Phí nhượng tái bảo hiểm đang giữ lại	48.884.181.839	48.885.206.598
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Tincom Plaza	12.988.095.869	13.934.325.318
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án 142 Định Công	-	646.765.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	79.063.128	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.930.036.160	3.167.192.892
	63.881.376.996	66.633.489.808
b) Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.481.536.670	1.731.193.628
	1.481.536.670	1.731.193.628

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu năm	176.856.406.576	147.555.514.424
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	513.774.166.114	355.617.108.744
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(434.646.840.351)	(326.316.216.592)
Số dư cuối năm	255.983.732.339	176.856.406.576

19. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	29.054.437.446	33.668.361.750
Tăng trong năm	13.515.442.772	11.521.894.219
Sử dụng trong năm	8.352.946.103	16.135.818.523
Số dư cuối năm	34.216.934.115	29.054.437.446

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

a) Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuận VND	Dự phòng nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuận VND
Dự phòng bồi thường, dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	1.795.986.275.923	762.330.147.394	1.033.656.128.529	1.545.868.114.307	701.983.536.698	843.884.577.609
2. Dự phòng bồi thường	2.124.180.906.413	993.558.802.846	1.130.622.103.567	1.970.144.169.331	996.700.501.771	973.443.667.560
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.941.171.680.693	916.844.282.633	1.024.327.398.060	1.812.478.348.103	926.036.220.293	886.442.127.810
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	183.009.225.720	76.714.520.213	106.294.705.507	157.665.821.228	70.664.281.478	87.001.539.750
Cộng	3.920.167.182.336	1.755.888.950.240	2.164.278.232.096	3.516.012.283.638	1.698.684.038.469	1.817.328.245.169
Trong đó chi tiết:						
	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuận VND	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm thuận VND	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuận VND
1. Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	1.545.868.114.307	701.983.536.698	843.884.577.609	1.293.136.059.212	640.223.634.985	652.912.424.227
Số dư đầu năm	250.118.161.616	60.346.610.696	189.771.550.920	252.732.055.095	61.759.901.713	190.972.153.382
Số trích lập thêm hoặc hoàn nhập trong năm	1.795.986.275.923	762.330.147.394	1.033.656.128.529	1.545.868.114.307	701.983.536.698	843.884.577.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM (TIẾP THEO)

a) Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

		Năm nay		Năm trước	
		Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND
2. Dự phòng bồi thường					
Số dư đầu năm		1.970.144.169.331	996.700.501.771	1.612.677.750.394	863.546.742.620
Số trích lập thêm hoặc hoàn nhập trong năm		154.036.737.082	(3.141.698.925)	357.466.418.937	133.153.759.151
Số dư cuối năm		2.124.180.906.413	993.558.802.846	1.970.144.169.331	996.700.501.771
b) Dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối					
				Năm nay VND	Năm trước VND
I. Hoạt động chính					
Số dư đầu năm				208.113.239.874	201.741.039.823
Số tăng trong năm				21.292.424.765	17.372.200.051
Số sử dụng trong năm				-	(11.000.000.000)
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp					
Số dư đầu năm				9.289.198.008	9.289.198.008
Số dư dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối cuối năm				238.694.862.647	217.402.437.882

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.658.106.170.000	369.756.607.309	206.077.621.278	165.810.617.000	1.283.616.274.891	33.966.626.303	3.717.333.916.781
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	404.924.217.810	(466.318.764)	404.457.899.046
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(165.810.617.000)	-	(165.810.617.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	165.808.380.000	-	-	-	(165.808.380.000)	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	16.580.838.000	(16.580.838.000)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.521.894.219)	-	(11.521.894.219)
Số dư cuối năm trước	1.823.914.550.000	369.756.607.309	206.077.621.278	182.391.455.000	1.328.818.763.482	33.500.307.539	3.944.459.304.608
Số dư đầu năm nay	1.823.914.550.000	369.756.607.309	206.077.621.278	182.391.455.000	1.328.818.763.482	33.500.307.539	3.944.459.304.608
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	437.174.545.748	2.013.910.219	439.188.455.967
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	(182.391.455.000)	-	(182.391.455.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	182.387.930.000	-	-	-	(182.387.930.000)	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)	-	-	-	18.238.793.000	(18.238.793.000)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	(13.515.442.772)	-	(13.515.442.772)
Số dư cuối năm nay	2.006.302.480.000	369.756.607.309	206.077.621.278	200.630.248.000	1.369.459.688.458	35.514.217.758	4.187.740.862.803

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 10/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đã thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông 10% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua quyết định số 20/2025/QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024 và Quyết định số 21/2025/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 22 tháng 7 năm 2025. Ngày 05 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành quyết định số 24/2025/QĐ-HĐQT thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024.
- Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với số lượng cổ phiếu lưu hành tăng thêm là 18.238.793 cổ phiếu tương đương 182.387.930.000 đồng. Bộ Tài chính đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC8/KDBH ngày 22 tháng 9 năm 2025, vốn điều lệ mới của Tổng Công ty sau tăng vốn là 2.006.302.480.000 đồng.
- (ii) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 54 Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.
- (iii) Tổng Công ty tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền là 13.515.442.772 VND theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013, trong đó quỹ phúc lợi được tính bằng một tháng lương thực hiện và quỹ khen thưởng được trích hàng năm bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng mức tối đa không vượt quá hai tháng lương thực hiện trong năm. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2025 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông năm 2026.



Tổng quan về VINARE

Môi trường kinh doanh & chiến lược kinh doanh

Hoạt động kinh doanh 2025 & kế hoạch kinh doanh 2026

Quản trị Công ty

Phát triển bền vững

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.630.248	182.391.455
Cổ phiếu phổ thông	200.630.248	182.391.455
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.630.248	182.391.455
Cổ phiếu phổ thông	200.630.248	182.391.455
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.630.248	182.391.455
Cổ phiếu phổ thông	200.630.248	182.391.455

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	%	VND	%	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100	2.006.302.480.000	100	1.823.914.550.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (“SCIC”)	40,36	809.806.210.000	40,36	736.187.470.000
Tập đoàn tái Bảo hiểm Swiss Re	25,00	501.578.510.000	25,00	455.980.470.000
Tập đoàn Bảo Việt	9,18	184.088.500.000	9,18	167.353.190.000
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	8,01	160.650.890.000	8,01	146.046.270.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	6,43	128.995.650.000	6,43	117.268.780.000
Các cổ đông cá nhân khác	5,43	108.910.460.000	4,60	83.851.920.000
Các cổ đông tổ chức khác	5,60	112.272.260.000	6,42	117.226.450.000
Thặng dư vốn cổ phần		369.756.607.309		369.756.607.309
Tổng		2.376.059.087.309		2.193.671.157.309

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhận tái bảo hiểm	3.705.894.148.139	3.202.744.435.118
Bảo hiểm tài sản	1.023.169.669.589	1.069.094.481.797
Bảo hiểm kỹ thuật	363.731.178.934	438.668.881.351
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	820.473.868.198	798.666.267.842
Bảo hiểm thân tàu và P&I	464.143.345.206	362.767.894.536
Bảo hiểm hàng hóa	171.041.694.713	169.089.280.161
Bảo hiểm K-Care	5.402.794.823	6.746.768.074
Bảo hiểm tàu cá	-	19.706.284.293
Bảo hiểm nhân thọ	1.471.167.592	507.991.138
Bảo hiểm khác	856.460.429.084	337.496.585.926
Hoàn phí nhận tái bảo hiểm	(45.709.633.750)	(49.428.010.586)
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(250.118.161.616)	(252.732.055.095)
	3.410.066.352.773	2.900.584.369.437

23. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.556.588.846.978	1.423.447.753.824
Bảo hiểm tài sản	612.111.632.064	639.691.955.282
Bảo hiểm kỹ thuật	180.155.201.242	213.286.458.406
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	178.451.934.031	236.096.599.204
Bảo hiểm thân tàu và P&I	300.949.387.890	227.094.510.821
Bảo hiểm hàng hoá	29.801.783.243	32.513.753.752
Bảo hiểm tàu cá	-	7.228.064.324
Bảo hiểm khác	255.118.908.508	67.536.412.035
Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(22.298.442.740)	(10.162.124.272)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	60.346.610.696	61.759.901.713
	1.473.943.793.542	1.351.525.727.839

24. BỒI THƯỜNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng chi bồi thường	1.302.461.584.162	1.204.849.234.731
Bảo hiểm tài sản	460.579.720.405	379.400.795.395
Bảo hiểm kỹ thuật	107.452.210.292	82.507.109.124
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	421.394.038.902	404.801.089.835
Bảo hiểm thân tàu và P&I	147.465.218.757	199.440.531.200
Bảo hiểm hàng hóa	64.685.662.808	56.289.584.980
Bảo hiểm K-Care	4.979.086.800	7.716.320.000
Bảo hiểm tàu cá	23.307.900	24.071.862.322
Bảo hiểm nhân thọ	728.641.750	82.035.300
Bảo hiểm khác	95.153.696.548	50.539.906.575
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	623.570.176.061	632.979.577.033
Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 20(a))	154.036.737.082	357.466.418.937
(Giảm) khác dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)	(36.467.492.791)	(56.612.790.391)
(Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 20(a))	(3.141.698.925)	133.153.759.151
(Giảm) khác dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (*)	(30.972.349.362)	(47.863.719.250)
	830.574.700.679	787.433.246.343

(*) Các chỉ tiêu này phản ánh biến động dự phòng bồi thường cho các ước tính tổn thất đã được thông báo và được ghi nhận trong bảng thanh toán giữa Tổng Công ty và các đối tác nhận/nhượng tái bảo hiểm, liên quan đến các hợp đồng tái bảo hiểm có quy định tại mỗi kỳ thanh toán, công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ giữ lại một khoản tiền tương đương trách nhiệm của công ty nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

25. HOA HỒNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		
Bảo hiểm tài sản	168.152.505.525	155.945.850.273
Bảo hiểm kỹ thuật	63.909.266.110	68.852.860.248
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	67.735.823.941	60.956.716.662
Bảo hiểm thân tàu và P&I	27.306.065.949	24.046.645.007
Bảo hiểm hàng hóa	6.651.863.461	7.018.061.888
Bảo hiểm tàu cá	1.152.646.821	1.004.321.695
Bảo hiểm khác	99.738.668.544	8.491.760.919
	434.646.840.351	326.316.216.692
b) Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm		
Bảo hiểm tài sản	251.502.792.804	243.526.220.119
Bảo hiểm kỹ thuật	113.870.199.935	119.735.370.785
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	372.675.799.138	252.532.762.692
Bảo hiểm thân tàu và P&I	45.797.124.994	39.431.119.669
Bảo hiểm hàng hóa	45.331.847.217	46.024.335.773
Bảo hiểm K-Care	49.637.544	49.637.544
Bảo hiểm tàu cá	2.964.022.737	2.271.719.145
Bảo hiểm nhân thọ	24.868.490	20.434.790
Bảo hiểm khác	458.837.012.161	182.604.802.464
	1.291.053.305.020	886.196.402.981

26. DOANH THU KHÁC, CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu khác		
Thu khác nhận tái bảo hiểm	664.951.242	653.020.696
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	26.954.231.497	27.387.034.104
Trong đó		
- Thu “môi giới phí” nhượng tái bảo hiểm	9.960.254.563	13.488.013.025
- Thu khác	16.993.976.934	13.899.021.079
	27.619.182.739	28.040.054.800
b) Chi phí khác		
Chi khác nhận tái bảo hiểm	79.323.853.902	56.604.014.818
Trong đó		
- Chi “môi giới phí” nhận tái bảo hiểm	17.406.072.234	18.957.566.595
- Ước tính chi phí theo kết quả hợp đồng nhận tái bảo hiểm phải trả (*)	37.482.338.846	6.977.565.527
- Khác	24.435.442.821	30.668.882.696
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	447.015.919	555.922.493
	79.770.869.821	57.159.937.311

(*) Phản ánh nghĩa vụ nợ phát sinh liên quan tới các hợp đồng nhận tái bảo hiểm được Tổng Công ty ước tính và ghi nhận dựa theo các thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Các nghĩa vụ này sẽ được xác thực thanh toán khi thông tin chi tiết về kết quả hợp đồng nhận tái bảo hiểm được cung cấp cho Tổng Công ty và các bên xác nhận bằng thanh toán.

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	188.191.668.495	205.443.175.039
Cổ tức lợi nhuận được chia (*)	69.747.229.000	42.095.943.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.620.237.647	23.156.804.409
Lãi trái phiếu	118.761.145.405	93.772.074.124
Lãi ủy thác đầu tư	43.730.079.964	60.696.503.864
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	41.047.050.000	-
Doanh thu tài chính khác	41.860.934	79.830.855
	472.139.271.445	425.244.331.791

(*) Chi tiết cổ tức Tổng Công ty nhận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	69.747.229.000	29.061.345.500
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	-	12.374.598.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	-	660.000.000
	69.747.229.000	42.095.943.500

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.835.218.112	14.141.927.654
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ủy thác đầu tư	-	(5.492.758.024)
Chi phí hoạt động ủy thác đầu tư	8.397.673.323	7.050.050.818
Chi phí tài chính khác	12.530.742.113	11.012.268.733
	31.763.633.548	26.711.489.181

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên, chuyên gia	97.680.702.314	86.388.944.926
Chi phí đồ dùng văn phòng	508.901.195	1.350.418.471
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.715.387.502	5.638.265.326
Thuế, phí và lệ phí	3.008.482.382	3.379.460.814
Trích lập chi phí dự phòng	2.564.508.540	8.552.310.516
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	6.864.470.583	5.512.250.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.745.094.103	11.021.619.746
Chi phí khác bằng tiền	6.091.088.127	1.473.248.364
	129.178.634.746	123.316.518.427

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.222.691.300.285	1.737.161.786.686
Chi phí nhân viên	97.680.702.314	86.388.944.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.745.094.103	11.021.619.746
Trích lập chi phí dự phòng	2.564.508.540	8.552.310.516
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.715.387.502	5.638.265.326
Chi phí khác bằng tiền	16.472.942.287	11.715.377.913
	2.351.869.935.031	1.860.478.305.113

31. THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 01 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 – 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, đối tượng áp dụng triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315, Tổng Công ty triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần thí điểm bảo hiểm giữ lại trong năm sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 VND. Theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Từ thời điểm này đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	525.413.863.378	480.889.126.609
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	(99.744.772.969)	(97.502.511.105)
Cộng:		
- Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không điều hành	2.003.866.667	1.974.000.000
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(907.259.600)	(10.066.797.056)
- Chi phí ủy thác đầu tư trong năm	-	3.452.757.506
- Chi phí không được khấu trừ khác	3.249.915.803	1.829.309.770
- Chi phí loại trừ các năm trước hoàn nhập vào năm nay	(4.114.151.998)	-
Trừ:		
- Chi phí loại ra khi tính thuế năm trước đã đủ điều kiện khấu trừ năm nay	(1.137.139.996)	(7.535.171.788)
- Cổ tức từ hoạt động ủy thác đầu tư	(2.838.750.540)	(11.916.289.864)
- Doanh thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(69.747.229.000)	(42.095.943.500)
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	(26.254.024.305)	(33.144.376.173)
Thu nhập chịu thuế	425.669.090.412	383.386.615.504
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	85.133.818.082	76.677.323.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bổ sung theo quyết định của thanh tra thuế	142.779.232	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	85.276.597.314	76.677.323.101

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Số trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	437.174.545.748	404.924.217.810
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND)	(13.515.442.772)	(11.521.894.219)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	423.659.102.976	393.402.323.591
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	200.630.601	200.630.601
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.112	1.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	404.924.217.810	404.924.217.810
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND)	(11.521.894.219)	(11.521.894.219)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	393.402.323.591	393.402.323.591
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	182.391.455	200.630.601
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.157	1.961

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Số trình bày lại) VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	200.630.601	182.391.455
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức sau ngày kết thúc năm tài chính		
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm sau năm trả cổ tức năm 2024	-	18.239.146
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	200.630.601	200.630.601

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa có quyết định chính thức của Đại hội đồng Cổ đông về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025. Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là tạm tính và sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định phê duyệt chính thức của Đại hội đồng Cổ đông.

34. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2025	31/12/2024
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	70,49%	62,28%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29,51%	37,72%
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,45%	55,06%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,55%	44,94%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,77	1,82
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,25	1,13
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,63	0,52

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	18,24%	20,53%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	15,25%	17,26%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,46%	5,48%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,57%	4,61%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,49%	10,25%

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty và công ty con quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty và công ty con có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty và công ty con chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ bắt buộc và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền	58.367.304.896	145.428.912.948
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	4.187.740.862.803	3.944.459.304.608
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty như sau:

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	2.493 tỷ VND	531 tỷ VND	469%
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.607 tỷ VND	435 tỷ VND	599%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính (không bao gồm công cụ vốn chủ sở hữu)		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.367.304.896	145.428.912.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	886.077.964.249	811.422.569.858
Các khoản phải thu dài hạn (*)	28.452.465.754	30.539.526.029
Đầu tư ngắn hạn (*)	3.351.144.807.498	2.359.284.349.627
Đầu tư dài hạn (*)	2.085.285.647.659	2.553.936.042.466
	6.409.328.190.056	5.900.611.400.928
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	905.431.775.761	841.729.726.370
Chi phí phải trả	1.112.842.600	-
	906.544.618.361	841.729.726.370

(*) Số liệu trước dự phòng.

Tổng Công ty và công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty và công ty con đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty và công ty con phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty và Công ty con.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình Quản lý rủi ro bảo hiểm:

Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Chính sách quản trị rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa Hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhuận tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.

Tổng Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng Công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Tổng Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.

Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biện pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất).

Chương trình nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng Công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép, vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận và nhượng tái bảo hiểm trong khuôn khổ chương trình tái bảo hiểm hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	204.106.297.339	278.471.789.020	251.401.571.217	307.972.304.280
Euro (EUR)	202.934.170	17.649.953.867	(1.680.997.661)	19.693.011.101
Won Hàn Quốc (KRW)	73.044.444.145	57.393.494.412	85.832.214.673	71.587.275.291
Nhân dân tệ (CNY)	12.987.074.107	11.463.495.819	26.329.404.398	17.396.645.353
Yên Nhật (JPY)	79.429.702	54.406.005	18.213.847	1.850.415
Khác	4.270.650.527	5.703.098.149	7.511.451.996	6.241.352.026
	294.690.829.990	370.736.237.272	369.411.858.470	422.892.438.466

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và đồng Won Hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Đô la Mỹ (USD)	(2.364.763.694)	1.475.025.763
Won Hàn Quốc (KRW)	(639.388.526)	709.689.044

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty và công ty con chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Tổng Công ty và công ty con có nhiều mức lãi suất khác nhau và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty và công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty và công ty con quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tổng Công ty và công ty con đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty và công ty con cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Định kỳ, Tổng Công ty và công ty con tiến hành rà soát và đánh giá các khoản đầu tư có chính sách cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty và công ty con. Tổng Công ty và công ty con có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty và công ty con có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty và công ty con có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty và công ty con quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty và công ty con tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty và công ty con là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty và công ty con duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và các nguồn dự phòng khác nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty và công ty con phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty và công ty con khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Không xác định kỳ hạn VND	Dưới 1 năm VND	Kỳ hạn từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.367.304.896	51.000.000.000	-	-	58.367.304.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	-	886.077.964.249	-	-	886.077.964.249
Các khoản phải thu dài hạn (*)	28.000.000.000	-	452.465.754	-	28.452.465.754
Đầu tư ngắn hạn (*)	-	3.351.144.807.498	-	-	3.351.144.807.498
Đầu tư dài hạn (*)	-	-	605.192.447.659	1.480.093.200.000	2.085.285.647.659
	35.367.304.896	4.288.222.771.747	605.644.913.413	1.480.093.200.000	6.409.328.190.056
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	-	905.431.775.761	-	-	905.431.775.761
Chi phí phải trả	-	1.112.842.600	-	-	1.112.842.600
	-	906.544.618.361	-	-	906.544.618.361
Chênh lệch thanh khoản thuận	35.367.304.896	3.381.678.153.386	605.644.913.413	1.480.093.200.000	5.502.783.571.695
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.428.912.948	50.000.000.000	-	-	145.428.912.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	-	811.422.569.858	-	-	811.422.569.858
Các khoản phải thu dài hạn (*)	28.000.000.000	-	2.539.526.029	-	30.539.526.029
Đầu tư ngắn hạn (*)	-	2.359.284.349.627	-	-	2.359.284.349.627
Đầu tư dài hạn (*)	-	-	1.493.936.042.466	1.060.000.000.000	2.553.936.042.466
	123.428.912.948	3.220.706.919.485	1.496.475.568.495	1.060.000.000.000	5.900.611.400.928
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	-	841.729.726.370	-	-	841.729.726.370
	-	841.729.726.370	-	-	841.729.726.370
Chênh lệch thanh khoản thuận	123.428.912.948	2.378.977.193.115	1.496.475.568.495	1.060.000.000.000	5.058.881.674.558

(*) Số liệu trước dự phòng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re		
Phí nhượng tái bảo hiểm	253.971.623.074	310.135.810.112
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	95.188.149.576	108.004.106.034
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	133.474.491.590	83.847.175.482
Cổ tức đã trả	45.598.047.000	41.452.770.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phí nhượng tái bảo hiểm	-	(18.258.736)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-	(5.865.825)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.067.108	85.869.118
Phí nhận tái bảo hiểm	154.307.104.202	144.498.329.799
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	30.084.963.754	28.973.155.801
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	68.878.129.119	23.640.551.406
Cổ tức đã nhận	13.488.602.478	17.063.801.163
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		
Cổ tức đã trả	73.618.747.000	66.926.134.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (*)		
Phí nhượng tái bảo hiểm	46.956.394.376	122.002.849.550
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	11.496.046.420	29.136.784.631
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	29.175.513.392	55.601.074.357
Phí nhận tái bảo hiểm	161.351.108.064	266.043.801.862
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	27.057.005.996	55.618.401.896
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	51.397.288.569	61.564.082.526
Cổ tức đã trả	4.145.865.000	4.145.865.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (*)		
Phí nhượng tái bảo hiểm	227.477.794.782	55.209.561.658
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	183.425.448.146	3.778.833.908
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.267.630.815	27.939.073.934
Phí nhận tái bảo hiểm	298.071.639.574	274.496.896.157
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	70.325.848.705	58.261.530.611
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	136.638.974.717	105.767.720.157
Tập đoàn Bảo Việt		
Cổ tức đã trả	16.735.319.000	15.213.927.000
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt		
Cổ tức đã trả	14.604.627.000	13.276.934.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt		
Phí quản lý	455.032.699	439.896.413

(*) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex không còn là bên liên quan từ ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re		
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	66.336.060.491	19.027.271.161
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	85.596.180.053	33.879.979.504
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	3.509.946.795	2.319.975.297
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	7.529.691.090	2.356.526.861
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	(532.501.177)	39.404.429
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	101.872	221.868
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (*)		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	-	19.095.493.487
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	-	22.302.074.917
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	-	15.016.560.473
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	-	42.930.894.955
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	47.059.780.193	69.909.586.031
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	8.417.962.877	22.062.254.335
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	4.278.837.410	6.230.205.070
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	13.152.289.558	15.914.539.883
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt		
Ủy thác đầu tư	28.933.026.115	29.388.058.814

(*) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex không còn là bên liên quan từ ngày 22 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	3.179.198.511	2.888.475.987
Ông Nguyễn Xuân Việt	266.868.435	239.429.101
Bà Anna Lee Oh Wah	237.216.386	212.825.868
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	62.808.174	203.565.325
Ông Phạm Phan Dũng	292.309.324	257.565.325
Ông Mai Xuân Dũng	2.894.099.367	2.660.234.729
Ông Nguyễn Đình An	66.921.071	203.565.325
Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam	238.309.324	203.565.325
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hường	1.492.325.116	226.183.694
Ông Đoàn Việt Trang	171.388.254	
	8.901.443.962	7.095.410.679
Ban Kiểm soát		
Ông Vũ Ngọc Vượng	172.673.458	121.037.770
Bà Lê Thị Thanh Hiền	53.160.350	162.335.056
Ông Tusshar Chatterjee	119.458.759	107.589.129
Ông Đào Mạnh Dương	1.083.710.249	1.059.116.171
Bà Trần Thị Minh Phương	134.391.104	121.037.770
Ông Nguyễn Xuân Việt Anh	105.359.494	-
	1.668.753.414	1.571.115.896
Ban điều hành		
Ông Mai Xuân Dũng	(*)	(*)
Ông Nguyễn Mạnh Linh	2.280.512.677	2.050.295.940
Ông Đỗ Anh Đức	2.019.130.020	1.844.949.281
Bà Lưu Thị Việt Hoa	2.507.497.341	2.320.460.983
Ông Nguyễn Thành Công	2.019.259.176	157.100.302
	8.826.399.214	6.372.806.506

(*) Đã trình bày tại mục Thu nhập Hội đồng quản trị.

37. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm bồi thường	2023 VND	2024 VND	2025 VND	Tổng số VND
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2025 (1)	430.339.860.072	697.738.415.234	352.785.361.753	1.480.863.637.058
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế				
Năm 2023	43.467.204.169	-	-	43.467.204.169
Năm 2024	198.833.998.933	64.681.114.964	-	263.515.113.897
Năm 2025	87.018.100.844	308.861.266.658	45.382.924.240	441.262.291.741
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2025 (2)	329.319.303.945	373.542.381.622	45.382.924.240	748.244.609.807
III. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	101.020.556.126	324.196.033.612	307.402.437.513	732.619.027.251
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước	-	-	-	291.708.370.809
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm	101.020.556.126	324.196.033.612	307.402.437.513	1.024.327.398.060

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm. Hoạt động đầu tư tài chính là một phần của hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, chủ yếu được huy động từ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

39. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Như đã trình bày trong Thuyết minh 8(a) – Phải thu ngắn hạn khác, theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM để ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân, tổng số tiền mà Công ty Thăng Long phải trả cho công ty con của Tổng Công ty là 126.376.061.750 VND (bao gồm 60.149.250.000 VND nợ gốc và 66.226.811.750 VND nợ lãi), bằng tiền mặt hoặc bù trừ bằng các căn hộ của Dự án.

Trong năm 2020, Công ty Thăng Long đã ký 65 Hợp đồng mua bán căn hộ (HĐMBCH) với công ty con để bù trừ số công nợ nêu trên với tổng giá trị là 117.880.956.550 VND bao gồm 7 HĐMBCH tại tòa HH2 là 17.687.716.550 VND và 58 HĐMBCH tại tòa HH3 là 100.193.240.000 VND. Số tiền còn lại chưa được thanh toán bù trừ bằng HĐMBCH là 8.495.105.200 VND.

Trong năm 2025, Công ty Thăng Long đã trả thêm cho Tổng Công ty số tiền là 9.116.838.668 đồng để giảm trừ khoản nợ (Thuyết Minh 8(a)). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty con ước tính số công nợ còn lại mà Công ty Thăng Long phải trả là 23.315.077.305 VND (gồm 8.495.105.200 VND nợ cũ và 14.819.972.105 VND lãi chậm trả phát sinh).

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản tiền lãi với tổng số tiền 81.046.783.855 VND (bao gồm 66.226.811.750 VND và 14.819.972.105 VND như đã nêu trên) là không chắc chắn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chưa ghi nhận khoản lãi này là thu nhập và phải thu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất mà trình bày khoản lãi này là tài sản tiềm tàng.

40. NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 30-99/ĐCND-HĐTĐTN ký ngày 13 tháng 10 năm 1999 giữa Tổng Công ty và Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội liên quan đến lô đất số 141 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Hà Nội, Tổng Công ty được phép nhưng không bắt buộc phải giải phóng mặt bằng của khu đất để giao trả cho Nhà nước và sẽ không phải khôi phục khu đất trở về hiện trạng như trước khi ký hợp đồng thuê đất. Hợp đồng thuê đất này đã hết hạn vào ngày 16 tháng 8 năm 2019.

Theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định gia hạn thời hạn sử dụng đất cho Tổng Công ty từ ngày 16 tháng 8 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 465/HĐTĐ-STNMT-KTĐ với UBND Thành Phố Hà Nội (Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền), gia hạn thời gian thuê đất tại lô đất ở 141 Đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội, nội dung hợp đồng số 465/HĐTĐ-STNMT-KTĐ không đề cập đến điều khoản về việc hoàn trả mặt bằng và Tổng Công ty cũng không chắc chắn về trách nhiệm xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng cho Nhà nước trong trường hợp không được gia hạn thời gian thuê đất khi kết thúc hợp đồng thuê này. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng hoàn trả mặt bằng và thuyết minh là nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 – DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		6.687.684.194.510	5.379.747.410.466
I. Tiền và tương đương tiền	110	5	54.677.059.905	143.098.265.573
1. Tiền	111		3.677.059.905	93.098.265.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.277.894.807.498	2.298.134.349.627
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.277.894.807.498	2.298.134.349.627
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		821.692.500.441	743.546.261.635
1. Phải thu của khách hàng	131	7	660.641.000.966	624.191.049.354
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		660.641.000.966	624.186.606.580
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	4.442.774
2. Trả trước cho người bán	132		205.449.000	176.929.454
3. Các khoản phải thu khác	135	8	198.420.378.941	151.661.989.152
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(37.574.328.466)	(32.483.706.325)
IV. Hàng tồn kho	140		56.205.349	53.204.009
1. Hàng tồn kho	141		56.205.349	53.204.009
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		777.474.671.077	496.231.291.153
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	777.474.671.077	496.231.291.153
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		777.182.095.145	495.914.588.573
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		292.575.932	316.702.580
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190	18	1.755.888.950.240	1.698.684.038.469
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		762.330.147.394	701.983.536.698
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		993.558.802.846	996.700.501.771



B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	2.610.309.727.554	3.094.902.379.073
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	28.452.465.754	30.539.526.029
1. Phải thu dài hạn khác	218	28.452.465.754	36.708.899.962
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1	28.000.000.000	28.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2	8	8.708.899.962
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(6.169.373.933)
II. Tài sản cố định	220	17.391.011.613	20.334.127.715
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.171.427.542
- Nguyên giá	222		37.228.296.471
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.056.868.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	10.162.700.173
- Nguyên giá	228		16.337.470.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.174.770.560)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	954.071.644
- Nguyên giá	231		34.055.061.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(33.100.990.249)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	2.450.163.620
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	2.450.163.620
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.037.191.585.147
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		125.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		309.296.176.180
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	258		2.543.636.042.466
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(740.633.499)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.432.904.918
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	756.407.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.676.497.738
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	9.297.993.922.064	8.474.649.789.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 – DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN			Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)			300		5.414.284.984.995	4.817.160.988.600
I. Nợ ngắn hạn			310		5.410.240.984.882	4.815.429.794.972
1.	Phải trả cho người bán	311	14		841.550.398.765	775.096.236.562
1.1.	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1			840.490.415.547	774.009.651.350
1.2.	Phải trả khác cho người bán	311.2			1.059.983.218	1.086.585.212
2.	Người mua trả tiền trước	312			173.352.849	409.228.046
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15		27.326.717.173	16.248.553.492
4.	Phải trả người lao động	314			41.108.923.822	33.644.500.387
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			1.112.842.600	-
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16		50.445.760.929	50.705.710.943
7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16		255.983.732.339	176.856.406.576
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	17		33.677.211.422	29.054.437.446
9.	Dự phòng nghiệp vụ	329	18		4.158.862.044.983	3.733.414.721.520
9.1.	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và dự phòng toán học	329.1			1.795.986.275.923	1.545.868.114.307
9.2.	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2			2.124.180.906.413	1.970.144.169.331
9.3.	Dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	329.3			238.694.862.647	217.402.437.882
II. Nợ dài hạn			330		4.044.000.113	1.731.193.628
1.	Phải trả dài hạn khác	333	16		1.481.536.670	1.731.193.628
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	336			2.562.463.443	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)			400		3.883.708.937.069	3.657.488.800.939
I. Vốn chủ sở hữu			410	19	3.883.708.937.069	3.657.488.800.939
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			2.006.302.480.000	1.823.914.550.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			2.006.302.480.000	1.823.914.550.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412			369.756.607.309	369.756.607.309
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417			205.815.380.525	205.815.380.525
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419			200.630.248.000	182.391.455.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			1.101.204.221.235	1.075.610.808.105
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			710.831.423.105	714.812.650.403
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b			390.372.798.130	360.798.157.702
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)			440		9.297.993.922.064	8.474.649.789.539

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	7.229,60	3.357.310,43
Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	19.912,05	98.131,97



Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DNPNT

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	2.398.388.582.321	1.903.414.913.090
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	9.027.056.303	7.799.337.253
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	480.842.922.383	437.829.534.705
4. Thu nhập khác	13	1.374.840.799	2.252.569.136
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	2.222.691.300.285	1.737.161.786.686
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	972.044.844	2.208.330.547
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	28.979.247.830	25.393.150.693
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	128.097.837.857	120.263.916.054
9. Chi phí khác	24	1.080.252.370	937.052.720
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	507.812.718.620	465.332.117.484
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	85.276.597.314	76.677.323.101
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	948.810.097	(246.095.538)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	421.587.311.209	388.900.889.921

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.2 - 01.3)	01	20	3.410.066.352.773	2.900.584.369.437
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		3.660.184.514.389	3.153.316.424.532
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		250.118.161.616	252.732.055.095
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1 - 02.2)	02	21	1.473.943.793.542	1.351.525.727.839
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.534.290.404.238	1.413.285.629.552
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		60.346.610.696	61.759.901.713
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		1.936.122.559.231	1.549.058.641.598
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		462.266.023.090	354.356.271.492
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	23	434.646.840.351	326.316.216.692
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	24	27.619.182.739	28.040.054.800
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		2.398.388.582.321	1.903.414.913.090
6. Chi bồi thường (11= 11.1)	11		1.302.461.584.162	1.204.849.234.731
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.302.461.584.162	1.204.849.234.731
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		623.570.176.061	632.979.577.033
8. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		117.569.244.291	300.853.628.546
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(34.114.048.287)	85.290.039.901
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	830.574.700.679	787.433.246.343
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		21.292.424.765	6.372.200.051
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17		1.370.824.174.841	943.356.340.292
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	23	1.291.053.305.020	886.196.402.981
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	24	79.770.869.821	57.159.937.311
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		2.222.691.300.285	1.737.161.786.686
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		175.697.282.036	166.253.126.404

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MẪU SỐ B 02-DNPNT

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		9.027.056.303	7.799.337.253
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		972.044.844	2.208.330.547
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21)	22		8.055.011.459	5.591.006.706
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	480.842.922.383	437.829.534.705
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	28.979.247.830	25.393.150.693
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		451.863.674.553	412.436.384.012
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	128.097.837.857	120.263.916.054
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 - 26)	30		507.518.130.191	464.016.601.068
23. Thu nhập khác	31		1.374.840.799	2.252.569.136
24. Chi phí khác	32		1.080.252.370	937.052.720
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		294.588.429	1.315.516.416
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		507.812.718.620	465.332.117.484
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	85.276.597.314	76.677.323.101
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		948.810.097	(246.095.538)
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		421.587.311.209	388.900.889.921



Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 03-DNPNT

		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	01	979.305.620.398	1.116.751.883.461
2. Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(639.874.788.458)	(627.707.163.059)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(63.785.123.257)	(58.500.758.673)
4. Trả tiền nộp thuế TNDN	05	(74.200.278.365)	(74.947.757.823)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.614.507.356	10.923.941.429
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44.441.192.141)	(43.308.743.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	176.618.745.533	323.211.401.942
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.840.489.120)	(5.958.430.322)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	152.568.182
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.359.125.200.000)	(2.661.250.000.000)
4. Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.861.535.089.041	2.047.183.863.014
5. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	47.150.000.000	-
6. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	368.724.844.278	537.588.037.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(83.555.755.801)	(82.283.961.673)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(182.391.455.000)	(165.810.617.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(182.391.455.000)	(165.810.617.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(89.328.465.268)	75.116.823.269
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	143.098.265.573	66.325.858.527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	907.259.600	1.655.583.777
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	54.677.059.905	143.098.265.573



Nguyễn Năng Khoan
Người lập biểu



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

TRỤ SỞ CHÍNH

📍 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Hà Nội
☎ (84 024) 3942 2354/65-69

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

📍 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP.HCM
☎ (84 028) 3821 1615

www.vinare.com.vn